

Font VNI-Center

lời đầu sách

Vua Trần Nhân Tông sau khi rời bỏ ngôi vị đế vương, Ngài đã dứt khoát chọn cuộc sống sơn tăng, an nhàn tiêu sái, tự tại trên non thẳm, không gì có thể buộc ràng. Đắc Thú Lâm Tuyên Thành Đạo Ca đã ra đời nơi đây, hòa với suối reo rừng trúc thành bản thiên ca thánh thót vi vu.

Để từ đó,

Trong từng phút giây hiện thực những trống vắng đảo điên không còn nữa. Khoảnh khắc hiện thân sống lại con người thực của mình, không thêm thắt họ tên hay bất cứ gì khác. Phút giây này thiên thu. Người xưa nói “một niệm muôn năm”, cũng nói “khoảnh khắc tròn đầy xưa nay, không hề vắng thiếu.” Đột phá vào được chỗ này rồi thì suối reo trắng gọi mà tất cả hiện thành. Suối reo rừng trúc, muôn cây nội cỏ cho đến tất cả pháp giới chúng sanh, mười phương các bậc Hiền

Thánh thầy đều ở trong ấy. Nhi nhiên tĩnh tại.

Ô hay! Chừ,

*Đường trần thênh thang, niệm trần vô vàn ta luôn bình yên. Chừng ấy, riêng tư biên biệt vắng bóng muộn phiền, tròn đầy bi nguyện hiện tiền. Và như thế, **Suối Reo Rừng Trúc** nhập bước cô thôn, trời thiên rực sáng. Bài ca thành đạo của Sơ Tổ Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử đã cùng muôn sinh reo vang khúc điệu thường, từ muôn xưa cho đến muôn sau.*

Thường Chiếu, 04 – 10 - 2004

NHẬT QUANG

ĐẮC THÚ LÂM TUYÊN THÀNH ĐẠO CA



“Đắc Thú Lâm Tuyên Thành Đạo Ca” là bài ca thành đạo của Sơ Tổ Trúc Lâm, khi

Ngài xuất gia tu trên núi rừng, được niềm vui đạt đạo.

Bài này với tư cách người xuất gia đạt đạo, Ngài khuyên dạy hàng tu sĩ hãy nuôi ý chí xuất trần, nỗ lực tu hành để đạt được kết quả mỹ mãn. Sau khi tự lợi cho mình rồi, kế đến phải nghĩ đến chúng sanh, vì lợi ích của muôn loài mà truyền bá chánh pháp. Đó là công đức và lợi ích lớn lao của hàng xuất gia. Vì thế vua Trần Nhân Tông đã bỏ ngôi vị đế vương, xuất gia vì lợi ích của mình và chúng sanh.

Nguyên bài ca thể này:

Sinh có nhân thân,
Ấy là họa cả;
Ai hay cốc được,
Mới ốc là đã.
Tuần này mà ngẫm,
Ta lại xá ta;
Đắc ý cong lòng,
Cười riêng ha hả.
Công danh chẳng trọng,
Phú quý chẳng màng;
Tần Hán xưa kia,

Xem đà nhàn hạ.
Yên bề phận khó,
Kiếm chốn dưỡng thân;
Khuất tịch non cao,
Náu mình sơn dã.
Vượn mừng hủ hỷ,
Làm bạn cùng ta;
Vắng vẻ ngàn kia,
Thân lòng hỷ xả.
Thanh nhàn vô sự,
Quét tước đài hoa;
Thờ phụng Bụt trời,
Đêm ngày hương hỏa.
Tụng kinh niệm Bụt,
Chúc thánh khấn cầu;
Tam hữu tứ ân,
Ta nguyện được bả.
Niềm lòng vắng vạc,
Giác tỉnh quang quang;
Chẳng còn bỉ thử,
Tranh nhân chấp ngã.
Trần duyên rũ hết,
Thị phi chẳng hề;
Rèn một tấm lòng,
Đêm ngày đơn đả.

Ngồi cong trên thế,
Chẳng quản sự thay;
Vắng vắng ngàn kia,
Dầu lòng dong thả.
Học đòi chư Phật,
Cho được viên thành;
Xướng khúc vô sinh,
An thiên tiêu sái (sái).
Ai ai xá cốc,
Bằng huyễn chiêm bao;
Xảy tỉnh giấc hòe,
Châu rơi lã chã.
Cốc hay thân huyễn,
Chẳng khác phù vân;
Vạn sự giai không,
Tựa dường bọt bể.
Đem mình nấu tới,
Cảnh vắng ngàn kia;
Dốc chí tu hành,
Giấy sồi vó vá.
Lành người chẳng chớ,
Dữ người chẳng hay;
Ngậm miệng đắp tai,
Hề chi họa cả.
An thân lập mệnh,

Thời tiết nhân duyên;
Cắt thịt phân cho,
Dầu là chim cá.
Thân này chẳng quản,
Bữa đói bữa no;
Địa thủy hỏa phong,
Dầu là biến hóa.
Pháp thân thường trụ,
Phổ mãn thái hư;
Hiển hách mục tiền,
Viên dung lỏa lỏa.
Thiên tông chỉ thị,
Mục kích đạo tôn;
Không cốc truyền thanh,
Âm hưởng ứng dã.
Phô người học đạo,
Vô số nhiều thay;
Trúc hóa nên rồng,
Một hai là họa.
Bối lòng vỡ vệt,
Trở Bắc làm Nam;
Nhất chỉ đầu thiên,
Sát na hết cả.

Kệ rằng :

Cảnh tịch an cư tự tại tâm,
Lương phong xuy đệ nhập từng âm.
Thiền sàng thụ hạ nhất kinh quyển,
Lưỡng tự thanh nhàn thắng vạn cầm (kim).

Dịch:

*Cảnh vắng ở yên lòng thông dong,
Gió lành thổi lộng giữa bóng từng.
Giường thiền dưới gốc, kinh một cuốn,
Thanh nhàn hai chữ quá muôn đồng.*

Chúng ta sẽ đọc và tìm hiểu lại ý nghĩa từng đoạn để nắm được đường lối tu hành qua lời chỉ dạy của Tổ. Trong đây tôi chia ra từng đoạn, mỗi đoạn nhỏ là bốn câu, dưới mỗi đoạn có phần chú thích giải nghĩa tiếng nôm xưa ra chữ Việt bây giờ cho đọc giả tiện việc tham khảo.

ĐOẠN 1

Sanh có nhân thân,
Ấy là họa cả;
Ai hay cốc được,
Mới ốc là đã.

Chú thích:

- Cốc: Biết.
- Ốc: Gọi.
- Đã: Thấu suốt.

Giải:

Vào đầu bài Thành Đạo ca này, Tổ nói phàm có thân là khổ, là họa. Người biết được như vậy là thông suốt lý đạo, nhận được lý đạo. Nếu chúng ta biết thân này là gốc khổ, có thân là có họa hoạn thì sẽ không mê chấp thân, không tạo nghiệp vì thân nữa. Trong kinh Phật nói người kiến đế hay người thấy được chân lý là thấy được lẽ thật của các pháp, nhận ra lý duyên sinh của các pháp.

Nhận ra lý duyên sinh tức là thấy rõ nguyên nhân sinh ra các pháp. Thấy được lẽ thật của các pháp tức thấy các pháp là không. Chúng ta quán chiếu, hành trì như thế nào thấy rõ thân này là họa hoạn thì sẽ không còn mê đắm nó nữa. Lão Tử ở Trung Quốc cũng đã nói: “Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân. Ngô nhược vô thân, hà hoạn chi hữu?”, nghĩa là ta có cái khổ lớn vì ta có thân,

nếu ta không thân thì có khổ gì? Thấy được lẽ thực đó là người thấu được lý đạo, nhận ra chân lý.

Chúng ta cứ ngỡ rằng phải tụng kinh, ngồi thiền hoặc làm gì dữ lắm mới thấy được chân lý, chứ không ngờ thấy được lẽ thực của các pháp là thấy chân lý. Ở đây Sơ Tổ Trúc Lâm dạy chúng ta thấy rõ gốc của thân này là họa hoạn, khổ đau tức là thấy đạo. Người thấy được như vậy rồi thì không còn bị lệ thuộc bởi thân này. Dù cho thân đang sống đây, được người ta công kênh cũng an nhiên, bị người ta khinh khi biếm nhẽ cũng bình thường, hoặc những bệnh tật bủa vây cũng không lo sợ. Tự tại trước tất cả các cảnh duyên đó, là người thực sự an ổn.

Bây giờ quán chiếu lại việc tu hành của chúng ta, làm sao để thấy được lẽ thật đó? Ngồi thiền hoặc tụng kinh nhiều, hay đóng cửa không tiếp ai hết mới thấy được lẽ thật? Không phải vậy. Chúng ta tiếp duyên xúc cảnh một cách bình thường nhưng làm sao đối với thân này biết rõ gốc của nó là họa hoạn. Nó không bền bỉ, không thể ôm giữ

được, không làm sao cho nó còn hoài được. Như vị Giáo chủ của chúng ta đến năm 80 tuổi thân cũng hoại, Ngài xả báo thân nhập Niết-bàn. Chư Thánh trước có phúc duyên nhiều đời thân tướng trang nghiêm tốt đẹp, nhưng tới một lúc nào rồi, duyên hết cũng xả thân thôi. Đến rồi đi, có rồi mất, sự đổi thay liên tục nên các Ngài đến, làm việc xong thì đi. Chúng ta cũng thế đến rồi đi, nhưng các Ngài đến đi do bi nguyện nên không đau khổ, còn chúng ta đến đi theo nghiệp nên bị nghiệp chi phối thành ra khổ vì thân.

Hiểu rõ như vậy, đừng bao giờ nghĩ rằng chúng ta có mặt hoài ở đây, cũng không đắm luyến những gì của mình, không mong mỗi chi nơi cõi tạm. Thân này chỉ có trong một giai đoạn thôi, nếu phúc duyên chúng ta lớn, thân tương đối sáng sủa một chút. Giống như người đi chợ nấu ăn hằng ngày, tiền khá thì mua những thức ăn ngon, tương đối khoái khẩu, tiền ít thì được bữa ăn thường thôi, nghèo nữa thì cơm hẩm, nước lã... Biết phúc mình kém không nên đua đòi, mà phải lợi dụng thân này nỗ lực tu. Tu là không đắm trước thân, cảnh chung quanh mà thường tạo

các công đức lành. Người như thế là người biết đầu tư, biết tu hành, biết thương mình và lo cho mình.

Vua Trần ở địa vị Nhân vương, vua trong một nước mà cũng là bậc Tổ sư đã đạt đạo, thành đạo sau khi xuất gia tu hành. Ở tại thế Ngài đã thâm ngộ được yếu chỉ Phật pháp, phát tâm tu thiền. Khi xuất gia Ngài trở thành Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, một thiền phái Việt Nam. Lời dạy của Ngài không khác với lời của các bậc Thánh trước. Ngay bốn câu đầu của bài ca thành đạo, Ngài dạy người tu phải giải thoát sanh tử mới hết khổ, còn trong sanh tử là không bao giờ chấm dứt khổ đau. Nghĩa là phải làm sao tự tại được đối với vấn đề sanh tử. Biết thân này là tạm, tất cả những nguyên nhân sinh ra nó cũng giả tạm, ta không thể ôm giữ hoài được, chỉ sử dụng nó trong một giai đoạn thôi, nên tranh thủ tu hành để thoát khỏi sanh tử. Được vậy chúng ta mới sử dụng thân đúng nghĩa của nó.



ĐOẠN 2

Tuần này mà ngẫm,
Ta lại xá ta;
Đắc ý cong lòng,
Cười riêng ha hả.

Chú thích:

- Xá: Phục.
- Cong lòng: Trong lòng.

Giảng:

Đoạn này Ngài diễn tả tâm trạng của mình khi suy gẫm về thời gian được lên núi rừng làm một người tu, Ngài rất đặc ý, vui thích trong lòng. So lại với khi ngồi tại triều, mới thấy đời sống của một đạo nhân nơi chốn núi rừng, thanh thoát hơn một vị vua nhiều. Ngài gẫm lại thấy phục mình quá, phục vì tìm ra lẽ sống thực rất an vui, không có gì buồn cả nên cười ha hả.

Có người khi ở núi hoặc vào chùa cảm thấy buồn. Ngài thì không như thế. Ở đời làm vua, vào đạo lên núi tu khổ hạnh, rất thích thú, vui vẻ. Niềm vui đó không chỉ do cảnh duyên bên ngoài, mà đích thực từ tâm hồn liễu đạo phát ra. Thấy rõ nguyên nhân sinh diệt của tất cả các pháp, Ngài hài lòng với sinh hoạt, với cuộc sống tu hành của mình. Đã từng làm vua, bây giờ được lên núi tu hành, so sánh hai đời sống ấy Ngài thấy một

vị đạo nhân tu hành ở núi cao, rừng thẳm không có gì thích thú bằng, đời sống một vị vua đương triều trăm công ngàn việc, nhiều mối lo toan buộc ràng, làm sao sánh nổi. Vì vậy Ngài yên lòng nỗ lực tu hành cho tới sáng đạo.

Chúng ta thường không hài lòng với những gì mình có, người ta hay nói câu “Đứng núi này trông núi nọ”, cuối cùng không có núi nào để đứng hết. Cũng thế, chúng ta tu mà không xác định được mục đích, đường lối tu hành cho mình, cuối cùng không có pháp nào giúp ta giải thoát, giác ngộ cả. Bởi không yên lòng nỗ lực phấn phát công phu, nên việc tu không đi tới đâu, không đạt được kết quả nào. Chúng ta không ở yên một chỗ, cứ hướng tới nơi này, nghĩ tới chốn kia thì tâm trí luôn loạn động, làm sao chuyên tâm vào việc tu cho được.

Ở đây các vua thời Trần đã từng lập chiến công, gây dựng nên những trang sử vàng son cho đất nước, vậy mà một khi quyết chí tu rồi, các Ngài từ bỏ địa vị quân vương, phủ rủ tất cả thú vui tột đỉnh để sống đời tu

sĩ thanh thoát, an nhàn trên non cao rừng thẳm. Sống như vậy các Ngài thật thích thú, công phu phấn phát nên chóng được thành đạo. Đây là lời ca nói lên tâm trạng của vua Trần Nhân Tông khi thành đạo. Với kinh nghiệm bản thân, Tổ dạy người tu chúng ta muốn thành công, trước hết phải dứt được những bôn chôn, không nên đứng núi này trông núi nọ, mà phải quyết tử, phấn phát công phu để sáng được việc của mình. Như vậy mới có ngày vui đạo thành đạo như các Tổ. Người xưa nói tất cả chúng sanh đều mày ngang mũi dọc không khác. Cũng là một con người, mà các bậc đi trước, đặc biệt có những đấng vua chúa tu hành đã thành tựu đạo quả, thì không lý do gì chúng ta tự lui sụt, tự đánh mất khả năng giác ngộ của chính mình. Cho nên chúng ta phải cố gắng.

Ở đây Ngài cười ha hả vì ngẫm lại mình đã vui vẻ hài lòng với đời sống giữa núi rừng, so sánh với đời sống chốn triều ca thì thích thú hơn nhiều. Ngài thấy sao hay như vậy nên phục mình quá đi! Phục là Ngài đã đi đúng con đường, sắp đặt đúng việc, sống thanh thoát ở chốn non thâm, chớ không

chạy theo đục lạt thế gian. Ngược lại, chúng ta thường không làm đúng những gì sắp đặt. Các huynh đệ có đồng ý như vậy không? Sắp đặt rất hay nhưng khi bắt tay vào việc thì làm không được. Nên rồi dù sự sắp đặt đó có hay bao nhiêu cũng chỉ là không tưởng mà thôi, không có ý nghĩa gì cả. Khi nào chúng ta nói được làm được, cuộc sống mới có ý nghĩa.

Nếu trong thời gian hành đạo chúng ta chưa có niềm vui, chưa khắc phục được những điều bất như ý thì khó mà kiếm được một nụ cười, khó gây dựng niềm vui cho chính mình. Cứ buồn tủi, mặt dầu dàu, rồi tưởng tượng thế này thế khác v.v... Tất cả những thứ vọng tưởng ấy đẩy lệch đường, khiến chúng ta mất mình, mất ông chủ. Người biết tu là người từ chỗ đó lấy lại thế chủ động của mình. Khi nào làm chủ được các dấy niệm, ta mới yên lòng hành đạo. Chúng ta nên nhớ trên thế gian này không tìm đâu được cái hoàn toàn thích hợp, vừa ý với mình. Khó lắm! Ở gia đình chúng ta không yên lòng mới vào chùa, vào chùa cũng không yên lòng. Bây giờ biết đi đâu nữa? Đi đâu rồi cũng thấy không yên

lòng. Sở dĩ không yên lòng là vì mình còn ngổn ngang trăm thứ, chưa thấy được lẽ thực của tất cả các pháp nên sống toàn bằng tưởng tượng. Vì thế cứ bị nó gạt hoài. Nhiều vị mất rất nhiều thời gian tìm nơi này nơi khác, cuối cùng tới hết đời không gầy dựng được gì cho việc hành đạo của mình.

Lời Tổ dạy có một sức mạnh lớn, nhắc nhở chúng ta phải ý thức thân này là khổ, là tai họa, đừng mê đắm theo nó nữa, bỏ hết ngũ dục thế gian và tìm cho mình nơi an ổn tu hành. Biết rõ thân này vô thường, không thật, mình buông được niệm tham đắm thân. Đó là gốc của sự tu hành. Gốc này không thấu triệt, không giải quyết cho xong thì quá trình hành đạo của chúng ta dài vô tận, tìm một chút an lành cũng không có. Bởi vì ở đâu chúng ta cũng thấy bất an bất ổn, phương pháp nào ta cũng thấy có vấn đề, nên không thực hiện tới nơi tới chốn được. Loay hoay tới già, bệnh, chết. Có khi chưa già mà đã bệnh chết, hoặc không bệnh cũng chết. Duyên của mình ra sao không ai biết được. Chúng ta không biết được mình sống bao nhiêu tuổi, sự việc kế tiếp như thế nào?

Căn cứ trên nhân quả ta cứ nỗ lực tu hành, phát tâm làm những điều thiện là tốt nhất. Làm sao biết được quá khứ mình đã gây những nhân gì, sẽ bị quả báo thế nào? Những điều ấy ta hoàn toàn mờ mịt. Bởi mờ mịt nên gặp những việc bất như ý, ta ngỡ ngàng nói “Cái này hồi nào giờ tôi không nghĩ tới, không gây tạo...”. Ta cứ tưởng bất thần ở đâu nó tới, nhưng sự thực là trong vòng lẩn quẩn luân hồi mình đã gây tạo. Tất cả đều tuân theo luật nhân quả, chớ không có gì tự nhiên cả.

Ở đây muốn nói người thấy suốt được nguyên nhân có thân là người đầy đủ phúc duyên lớn nên dễ yên tu. Người còn lơ ngơ về thân này, về những gì xung quanh thân này như giòng tộc, của cải, sự nghiệp, thì dù nói tu hành nhưng công phu không tiến triển được. Vì họ cứ loay hoay lẩn quẩn trong những mối liên hệ giữa mình với người thân, hoặc liên hệ pháp tu, thầy tổ, đạo tràng, huynh đệ... Mất thì giờ, mất hết tất cả những thuận lợi trong việc tu hành. Thiền sư Đại Giác dạy phải chặt thẳng cội nguồn, dùng dao bén trí tuệ chặt đứt tất cả những thứ đó thì

việc tu mới tiến. Chúng ta ngồi lại bình yên, thấy lòng rộng rang, trong mọi sinh hoạt mình không mong cầu điều chi, không để bất cứ thứ gì dẫn đi, an nhiên tự tại.

Sở dĩ vua Trần thích đời sống sơn tăng hơn đế vương là vì Ngài đã thấy rõ tất cả nguyên nhân, sự kiện đó, không cho chúng dẫn đi. Ở núi rừng là ở núi rừng, không để xen chuyện triều đình vào đó. Nếu Ngài bị vọng tưởng, những dấy niệm thế tục kéo lôi thì không còn gì thích thú cả, mà sẽ thấy trên núi thiếu cái này ngại cái kia. Từ đó trở ngại trong việc tu hành. Đôi khi những trở ngại rất thông thường, nhưng không tỉnh giác lâu ngày nó trở thành lớn. Vì vậy nói đến tu là nói những cái bỏ bớt, không mặc mớ, không đắm mê bởi cơm ăn áo mặc, bởi sự thụ hưởng vật chất chung quanh đời sống. Làm chủ được những thứ ấy mình mới tu được.

Người thấy đạo là người thấy được lẽ thật của mọi vấn đề. Tổ đã dạy chúng ta rõ ràng trong cái hết sức bình thường, ta làm chủ được thì chiến thắng, không làm chủ được thì thất bại. Bản thân Ngài thực hành và đạt

được kết quả cụ thể, không bị trói buộc, không bị kéo lôi bởi bất cứ thứ gì, cũng không cái gì có năng lực dẫn dắt Ngài theo chúng được. Do vậy Ngài rất thích thú. Nói thích thú là có ý vị chứ không phải nói suông. Chúng ta cũng vậy, huynh đệ nào tu được sẽ thấy bình yên và thích thú. Ngồi nghỉ là ngồi nghỉ, thụ trai là thụ trai, tọa thiền là tọa thiền, tụng kinh là tụng kinh... Không có cái nào dính cái nào, cũng không có vấn đề gì đủ sức kéo lôi ta. Sở dĩ bây giờ chúng ta chưa bình yên, còn ngổn ngang, tưởng tượng như vậy như khác là vì mình chưa thấy được lẽ thực của muôn pháp.

Đây là vấn đề nhiều đời nhiều kiếp, nó như những sợi dây vô hình không đáng chi, nhưng khi đã trói buộc mình rồi thì khó cởi ra được, nó cột cứng ngắt không nhúc nhích cục kịch gì nổi hết. Cứ sanh ra, lớn lên, chết đi... ở trong vòng lẩn quẩn ấy trần trở, tạo nghiệp, để rồi bị nghiệp dẫn đi trong vòng luân hồi sanh tử, đời này kiếp khác vô cùng vô tận. Người nào biết rõ điều đó là rất hay, vì sẽ không chạy theo nó nữa, nên sẽ được bình yên.



ĐOẠN 3

Công danh chẳng trọng,
Phú quý chẳng màng;
Tần Hán xưa kia,
Xem đà nhèn hạ.

Chú thích:

- Nhèn: hèn.

Giảng:

Với Ngài, công danh không trọng, phú quý không màng. Tại sao? Vì nghiệm các bậc anh hùng, các bậc đế vương những đời trước, như Tần Hán thuở xưa lấy lòng một cõi, gồm thâu thiên hạ, rốt cuộc chết hèn hạ không ra gì. Cho nên biết, công danh phú quý đâu đáng để cho người tu phải bận tâm.

Câu này nhẹ nhàng lắm, nhưng là lời dạy rất cần thiết đối với chúng ta. Là một người tu hành mà còn nặng lòng vướng víu công danh, phú quý thì thật là không xứng đáng chút nào. Cái nhìn của người thấy suốt lẽ đạo, không chạy theo tuồng ảo hóa phù du ấy. Ngài nói các vị đế vương, các bậc anh hùng hảo hán ngày xưa giờ nhìn lại, còn ai? Ai rồi cũng chết, tới một lúc nào đó, thân thể danh tiếng cũng hoại cũng phai nhạt tàn lụn. Như Hạng Vũ chẳng hạn, một anh hùng được xem là “cái thế” tức trùm đời, không ai hơn. Nhưng sau thời gian tranh hơn tranh thua ngắn ngủi, ông đã tiêu tan hết tất cả, người ông yêu thương nhất là Ngu Cơ đã tự sát bên

giòng Ô Giang lúc Hạng Vũ chỉ mới ba mươi hai tuổi.

Nếu nhìn theo phương diện ấy còn gì để chúng ta mê muội, say đắm, vương mắc nữa. Ý Tổ Trúc Lâm nhắc người tu phải tỉnh để chuẩn bị cho mình con đường vượt thoát mọi buốt rànng mới mong chấm dứt dòng sanh tử khổ đau. Có thể nói người tu hành mà còn vương mắc trong vòng công danh sự nghiệp thì thật quá uổng. Tại sao? Bởi vì vương mắc những thứ ấy thì không hành đạo được. Miệng nói tu mà không hành đạo, chỉ là nói suông thôi, không thể chấp nhận được. Nói tu là tu, nói hành đạo là hành đạo, không chỉ nói suông trên miệng.

Vương vô vòng danh lợi rồi cứ gây nhân trả quả đời đời kiếp kiếp, không tu được, không có chỗ nào để gây dựng đạo lý. Chuyện này nói dễ mà làm khó. Thực sự nếu ở thế gian ai cũng tu được hết thì Thái tử Sĩ Đạt Ta đã không vượt thành vào rừng, thay đổi y phục, làm một người tu. Ở trong đời sống đế vương mà tu được thì không có chuyện giữa đêm Ngài bỏ đi. Đắm đuối trong ngũ dục,

trong thụ hưởng thì không thể gây dựng được tâm đạo, không có chuyện tu hành. Cho nên Ngài phải cắt ngang, từ bỏ tất cả để hành đạo. Cũng vậy, nếu vua Trần ngồi tại triều mà thành tựu được đạo lý rốt ráo thì Ngài đã không chạy lên Yên Tử, vào chỗ rừng sâu núi thẳm, không cần năm sáu năm tu hạnh đầu đà v.v... Sở dĩ các Ngài hành đạo như vậy vì người tu hành mà vương mắc mùi vị ngũ dục ở thế gian thì khó tu tiến.

Người có hành đạo thấy rất rõ điều này, thấm thía trong công phu của mình. Chúng ta phải bảo vệ, nỗ lực hành trì từng li từng tí mà chưa bình yên, nói gì xông pha, lăn xả vào những cục diện rườm rà như thế, làm sao bình yên được! Nói tu phải có phương tiện, có thời gian, có phương thức rõ ràng, chứ không thể nói suông. Không phải gõ mõ tụng kinh thật to mà gọi là tu đâu. Công phu thẳng trầm trải dài nhiều năm tháng khi tiếp duyên xúc cảnh cũng như khi ẩn thân nơi chốn rừng núi. Quá trình bước đầu của người tu phải áp dụng như vậy. Kế nữa, từ công phu phấn chấn, ta sẽ bình yên dần trước mọi cảnh duyên, luôn luôn tỉnh sáng. Nhờ tỉnh sáng nên ta làm chủ được

tất cả, những dấy niệm về thân, về cảnh, về con người, về xã hội, về địa vị, về tiền tài danh vọng v.v... tất cả đối với người thức tỉnh đều bình thường.

Được vậy một chân trời rộng rang sáng suốt mở ra. Không nói giác ngộ giải thoát, nhưng chúng ta không vướng mắc gì cả. Đây là một pháp tu mà ai cũng có thể áp dụng được. Chỉ cần chịu nhìn lại, quán niệm, chiếu soi thì bất cứ lúc nào, ở đâu chúng ta cũng có thể tu được. Người tu là người sống bình thường an nhiên tự tại. Chư Tổ dạy chúng ta, không nói những điều xa vời khó khăn. Các Ngài dạy những việc hết sức gần gũi như đừng ham ăn, đừng ham ngủ, đừng ham vui, đừng buồn bã âu sầu mãi. Rất là bình thường! Đối với Thiên sư nghỉ là nghỉ, ăn là ăn, tu là tu, làm việc là làm việc... Bình thường, không phải thêm thắt gì hết, khỏi tụng thêm kinh chi ở chỗ đó.

Đôi khi chúng ta tụng kinh nhiều mà bị kinh chuyển chớ không chuyển được kinh. Như tụng kinh Bát-nhã, Phật dạy phải chiếu kiến ngũ uẩn giai không. Tối ngày mình cứ

tụng “ ... chiếu kiến ngũ uẩn giai không ...”, mà không hành như thế thì có được gì đâu! Sáng cũng vậy, tối cũng vậy, chiều cũng vậy, ở đâu cũng vậy; chiếu kiến ngũ uẩn trên miệng mà thân ngũ uẩn này thì thấy nó to bằng núi Tu Di, chứ không vừa.

Ngài nói như Tần Hán thuở xưa lấy lừng một cõi, gồm thân thiên hạ, rốt cuộc đều chết, hèn hạ không ra gì. Cho nên biết, công danh phú quý đâu đáng để cho người tu phải bận tâm. Qua đó Ngài nhắc nhở người tu chúng ta hãy nhìn gương xưa, lấy đó làm bài học. Chúng ta phải tu, phải sống, phải làm sao đừng để bị luy trong vòng công danh phú quý, làm rối loạn lòng mình thì tu không được.

ĐOẠN 4

Yên bề phận khó,
Kiếm chốn dưỡng thân;
Khuất tịch non cao,
Náu mình sơn dã.

Chú thích:

- Phận khó: Phận nghèo.

Giảng:

Ngài dạy người tu phải yên phận nghèo, chọn nơi núi rừng dưỡng thân. Trong kinh Bát Đại Nhân Giác có câu “an bản thủ đạo, duy tuệ thị nghiệp”. Yên phận mặc áo nhuộm, ăn cơm hẩm, sống bình thường giản dị trên núi non. Những nơi vắng vẻ thanh tịnh là chốn thích hợp với người tu hành.

Lúc đức Thế Tôn còn tại thế, một hôm Ngài đến nơi chư Tăng an trú trong núi rừng, thấy có thầy nằm nghỉ một cách nhàn nhã, Ngài không quở gì hết, vẫn vui vẻ bình thường. Sau Ngài đến chỗ chư tăng tu hành gần thành thị, thấy có nhiều thầy đang tích cực ngồi tu, nhưng Ngài nói không yên tâm. Ở đây, vua Trần dạy chúng ta cũng thế. Người tu thì phải yên phận nghèo, nỗ lực tu hành ở những nơi xa vắng người đời mới dễ tu. Nói thế không hẳn là bắt buộc người tu nào cũng phải lên núi hết, chúng ta phải tùy duyên. Song chủ yếu ở đây Ngài dạy làm sao chúng ta tránh tiếp xúc với các duyên bên ngoài, để chuyên tâm nhất ý vào việc tu. Ở

đâu yên tu đó, nhưng phải thấy được lẽ thực, đừng vướng vào danh lợi. Chỗ vắng vẻ cũng nỗ lực tu, nơi thành thị chợ búa cũng nỗ lực tu. Người nào thấy được lẽ thực của các pháp, không bị danh lợi buộc ràng, đó là người có công phu, tu hành sẽ mau tiến bộ.

Chúng ta sống tùy duyên nhưng phải biết tùy duyên như thế nào? Trong điều kiện thuận lợi mình nỗ lực tu hành, khi gặp hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn hoặc bị trở ngại, chúng ta vẫn cứ nỗ lực tu. Chính sự nỗ lực, sự phấn đấu đó mới đưa chúng ta đến thành công trong công phu. Người xưa nói không một thành quả nào thành tựu dễ dàng mà có giá trị. Tất cả những thành quả có giá trị đều từ chỗ chịu khó, gắng gổ, phấn đấu tích cực mà nên. Lời dạy đó cho chúng ta kinh nghiệm để tu hành. Ở đây không nói sự thành công hoàn hảo, mà tất cả huynh đệ chúng ta đều phải phấn đấu tích cực để có được niềm an vui tối thiểu nào đó trong việc tu hành.

Hòa thượng thường dạy, chúng ta do thương mình mà nỗ lực tu hành. Có nỗ lực

tích cực, có phấn đấu tu hành mới nếm được giá trị của thành quả do mình gây dựng. Chúng ta không ngồi đó đợi chờ, ỷ lại, trông mong cái gì khác, mà tự phấn đấu tất cả những điểm dở khuyết của mình, tự làm thành, tự gắng gỏi, tự vươn lên để cuối cùng thừa hưởng thành quả xứng đáng. Biết rõ như vậy, lúc nào công phu của chúng ta cũng tiến được, không vì lý do gì, không có khó khăn nào làm cản trở mình được. Ở đây Ngài dùng từ “dưỡng thân”, tức là tu để nuôi dưỡng đạo lực, trí tuệ của mình. Người tu ngoài việc tự lợi còn có năng lực làm người khác phát sinh trí tuệ, nên gọi là lực sinh. Trước nhất tự phát triển trí tuệ của mình, kế đến có năng lực hỗ trợ, động viên cho người phát triển trí tuệ.

Theo lời dạy của Sơ Tổ Trúc Lâm, thiền tăng tu hành trong các thiền viện đặt nặng cái nhìn lại nơi chính mình. Thấy được những nguyên nhân hình thành các sự kiện, hình thành thân này là giả tạm. Đó là cái thấy của thiền tăng trong thiền viện. Chúng ta vẫn tụng kinh, nhưng trong công phu hành trì phải lấy trí tuệ làm căn bản. Thấy rõ như vậy

mọi việc trong đời sống đều xoay chuyển theo cái nhìn tuệ giác. Biết đâu là nguyên nhân ràng buộc, chúng ta tu để làm chủ, không cho nó ràng buộc mình.

Mỗi người cần phải tự gắng gỏi nỗ lực, không ai có thể giúp mình, cũng không ai cản trở mình được. Chúng ta tự khắc phục những điểm khuyết dở để tăng tiến hoàn chỉnh hơn. Tu ngay từ trong lòng mình, dùng trí tuệ quán chiếu tất cả các pháp, thấy rõ nó không thật thì buông được. Khi thấy rõ như thế rồi, các pháp không làm gì mình được, tức là ta đã tự tại nên sống rất bình yên. Cho nên những duyên trái nghịch, những sự chống đối đó là yếu tố cần thiết, bổ sung cho đời sống tu hành của mình được hoàn chỉnh.

Nếu bình tâm xem xét, chúng ta thấy kẻ hay dùng lời chỉ trích, biếm nhẽ, bình luận người khác, họ dùng cái gì để nói? Phật dạy sở dĩ phát ra thành âm thanh, là do môi, lưỡi, răng, miệng, thanh quản, khoang trống trong miệng... hợp lại mới phát ra tiếng được. Bây giờ ta thử đặt lại vấn đề, nếu có người hai hàm răng không đủ, hai môi bị sứt, thiếu cái

miệng, không có lưỡi hoặc khoảng trống... thì không thể nói thành tiếng được. Hoặc người miệng có cấu trúc đầy đủ nhưng thiếu lỗ mũi nói nghe cũng khó, môi thiếu nói cũng khó nghe, lưỡi ngắn nói cũng khó nghe... Như vậy âm thanh hoàn chỉnh là do cơ chế cấu trúc hình thành bởi nhiều thứ, nếu thiếu đi một hai thứ thì không có tiếng nói, làm sao ta phân biệt đâu là khen là chê. Tiếng chửi đâu có thật mà sao ta lại chấp vào đó rồi sanh phiền não? Nhờ soi rọi, quán chiếu như thế nên mình buông được.

Trong cuộc sống con người bận rộn với những chuyện cơm ăn áo mặc, địa vị danh lợi, cuối cùng không biết Ta là cái gì? Quán quanh theo những thứ đó từ đời này sang kiếp khác, tạo những nghiệp nhân đưa đến hậu quả khổ đau. Bây giờ gặp được Phật pháp, gặp chư Tổ, các thiện hữu tri thức chỉ thẳng cho chúng ta gốc gác việc tu hành. Thay vì chúng ta cứ luẩn quẩn loay hoay đời này kiếp khác, trôi lên trụt xuống vì cơm ăn áo mặc, vì thân này, vì danh lợi v.v... Bây giờ các Ngài chỉ thẳng cho mình những thứ đó không thiết, không đáng để chúng ta bám

víu, khổ sở. Ân nghĩa của các ngài đối với chúng ta thật lớn lao vô cùng, chỉ có tu hành được giác ngộ mới đền trả nổi. Cho nên chúng ta phải ráng tu làm sao để được giác ngộ. Như vậy đâu có thời gian ngồi đó nói trắng nói cuội, nói ngô nói ngã gì nữa, lớn nhỏ già trẻ, người mới tu người tu lâu gì đều bắt tay vào việc nỗ lực tu hành.

Hòa thượng Viện trưởng đã già, tới lúc phải nghỉ ngơi, bao nhiêu năm tháng Ngài đã dốc túi dạy hết, không còn giấu giếm chúng ta điều gì. Bây giờ nơi mỗi người phải tự nỗ lực nhận ra và áp dụng. Có áp dụng chúng ta mới hưởng được lợi lạc, giá trị thiết thực của Phật pháp. Đó là việc làm duy nhất của người con Phật, không còn việc khác. Mong tất cả huynh đệ cùng thương tưởng, đùm bọc nhau nỗ lực tu hành, nhất định chúng ta sẽ thành công.



ĐOẠN 5

Vườn mừng hủ hỷ,
Làm bạn cùng ta;
Vắng vẻ ngàn kia,
Thân lòng hủ xả.

Chú thích:

- Ngàn: Rừng.

Giảng:

Ngài làm tăng ở núi rừng vui với khí vườn, thân tâm hỷ xả. Nơi này cảnh vắng lòng yên. Người có công phu an nhiên sống được cảnh như vậy thì quả thật thích thú vô cùng. Chúng ta nói thế nhưng khi được sống cảnh như vậy không biết mình có chịu nổi không.

Chẳng hạn Thiền viện Thường Chiếu đây, các huynh đệ thấy cũng miền quê nhưng gần thị trấn, gần cơ quan hành chánh địa phương, nằm trên trục giao thông du lịch quan trọng của quốc gia. Ở đây hàng ngày ngoài những âm thanh động tịnh của vườn chùa, rừng thiền, còn có âm thanh của xe cộ, máy móc cơ giới bên ngoài, chúng góp phần lấn áp vào đây. Với người chuyên tu thấy cảnh này tương đối có thể tu được, nó không đến nỗi quá buồn tẻ, nhưng cũng không nằm trong ruột thị thành ồn náo.

Nhưng với người Phật tử chưa quen cảnh này thì thấy buồn. Phần nhiều những vị ít tuổi ham tu, nghe Thường Chiếu cũng mến mộ đến xin tập tu một tuần hai tuần. Nhưng được vài hôm, làm công việc của Thiền viện

xong thì đứng ngó quanh ngó quát ngoài đường, rồi ngó mông lung vào vườn chùa. Bữa nào đó đến thưa thầy, con xin ở hai tuần nhưng bây giờ bận quá con xin về, hẹn với thầy lúc nào sắp đặt được con trở lại tu với thầy. Nghe nói vậy là biết rồi, quý vị sắp đặt không được tại vì Thiên viện vắng vẻ, mênh mông, cô quạnh quá nên thôi.

Không gian yên tĩnh chung quanh, sẽ giúp cho người tu được nhiều cơ hội lắng lòng chuyên tâm. Nhưng với ai trình độ chưa tới thì chính hoàn cảnh đó lại là sức mạnh tống mình đi. Chư huynh đệ có để ý điều đó không? Một khi ta buồn rồi thì không muốn ở chỗ đó. Có khi chiều tối rồi, lẽ ra nghỉ lại một đêm ngày mai đi chuyến xe sớm nhất khỏe hơn. Nhưng mà không. Đã muốn đi rồi thì chiều nay phải đi, có khi họ viện lý do đi chuyến xe đêm khỏe hơn. Đó là duyên của mỗi người.

Rất nhiều lần tôi nói, nếu không có duyên với nhau thì làm gì kể phương trời này, người phương trời nọ tập trung về một đạo tràng, cùng sống trong môi trường sinh hoạt

tu tập thế này. Đây quả thật là duyên nhiều đời khiến chúng ta chung sống với nhau. Tuy không ruột rà bà con chi hết nhưng với tâm nguyện xuất gia, ta cùng gặp nhau trong đạo tràng, cùng mang dòng họ Thích, cùng bảo vệ cảm thông hỗ trợ nhau để tu hành. Đôi khi đạo tình này còn đậm ấm hơn những thứ tình cảm ngoài đời. Tuy nhiên điều này cũng tùy hoàn cảnh, tùy người, tùy tuổi tác nữa.

Có người nói : *“Thưa thầy ở đâu tu không được! Ở chợ con tu vẫn ngon lành, vẫn tụng kinh niệm Phật rùm ben hết. Con còn có điều kiện, có phương tiện để ủng hộ quý thầy quý cô tốt hơn.”* Thật ra trong hoàn cảnh bận rộn ồn ào chúng ta dễ bị trôi dạt, mất mình, rất khó giữ được tâm niệm tu hành chân chính. Không phải ai ở chợ cũng tu được, hoặc ai ở chùa cũng tu được. Có nhiều người ở núi ở non cũng phải quây gói xuống núi. Hoặc nhiều người ở chợ nhưng họ vẫn hành trì công phu đắc lực thánh thiện của Bồ-tát. Điều này đòi hỏi sự quyết tâm tu hành và cách ứng dụng Phật pháp khéo léo của mỗi người.

Chư huynh đệ, chúng ta muốn tu tập có kết quả nhất định phải thâm nhận Phật pháp, nắm vững đường lối tu hành. Nắm vững để làm gì ? Để khi đủ duyên ở trong môi trường tương đối bình thường thế này chúng ta tu được, mà gặp duyên kém hơn ta vẫn tu được, vẫn tích cực. Mỗi ngày qua vẫn sáng rực đạo hạnh trí tuệ, có thể ở đâu tu cũng được hết. Nếu chưa được như vậy thì ở thị thành rất khó tu. Ở nơi ồn náo dễ mất mình, đối với cảnh ngũ dục ta không làm chủ được, cho nên để tiện việc công phu cần phải tránh bớt những chỗ ấy.

Người tu phải biết mình. Biết mình mới biết cách tu như thế nào. Ở chợ mà tu được mới ở chợ tu. Ở chùa tu được thì tốt, ở núi non tu được càng hay, nhưng nơi nào mình thấy chưa yên, chưa thể hạ thủ công phu đắc lực thì không nên chấp cứng vào chỗ ở ấy mà việc tiến đạo khó khăn.

Thành ra ở đây Sơ tổ Trúc Lâm nói chung cảnh sống của người tu mà cũng nói lên tâm trạng của mình. Sau khi nhường ngôi lại cho Anh Tông, Ngài rút về núi tu hạnh đầu

đà. Ở đây Ngài ca tụng cảnh làm Tăng ở núi rừng vui với khí vượn, thân tâm thư thả không bị buột ràng gì hết. Một con người với địa vị tốt bậc, cuộc sống rộn ràng đa đoan như thế, Ngài sắp đặt giao hết lại cho con rồi vào núi rừng yên tâm tu hành. Ngài nói buông là buông được, không nhớ nhưng bận bịu gì hết. Quả thực đây là ý chí của người xuất cách, những kẻ tầm thường khó sắp đặt được. Phải dứt khoát, một đao chặt dứt, không để lang mang vướng víu gì hết.

Chúng ta còn rất yếu về điểm này, vì đạo lực của mình chưa thâm hậu như người xưa. Con dao trí tuệ của chúng ta không bén nên chặt cái gì cũng không dứt hết. Chuyện hôm qua nói rồi thôi để cho thầy tu, nhưng bữa nay mình nhấm tiếp không chịu bỏ qua. Đó là cái dở, một đao không chặt dứt làm hai đoạn, hoặc nói chặt mà không quyết tâm chặt cho dứt, cứ để lây dây hoài. Có những chuyện không đáng mà tới chết cũng chưa bỏ được. Ngộ vậy!

Tôi còn nhớ có một người huynh đệ từ trong trường ra. Thầy nói ta chán thế gian

lắm nên không nhận bất cứ công tác Phật sự nào. Thầy còn nói ta không có duyên nhiều với Phật tử nên cũng không nhận lời thỉnh mời giảng dạy Phật pháp, hướng dẫn tu hành của bất cứ Phật tử hay đạo tràng nào. Thầy thích một đời sống bình thường vui vẻ, an nhiên, không phát tâm vào núi rừng nhưng muốn ở cảnh hơi quê, không quá xa thành thị, cũng không ở trong thành thị. Quan niệm như vậy, Thầy cắt hết quan hệ với mọi người, cuối cùng chỉ nhờ vào gia đình. Bà con anh em hỗ trợ cho Thầy một quãng đất bề ngang mấy mét, bề dài chừng hơn chục mét. Thầy ở đó giống như người giữ vườn, ai đem gởi cái gì thầy rầy không nhận. Là người có tài có phước nên sau một thời gian mấy năm, thầy sửa soạn chỗ tu hành rất trang nghiêm, ai vô đó cũng thấy thích, muốn được tu với thầy.

Nhưng kể từ khi tạo được khung cảnh ấy, thầy lại không yên vì mỗi lần đi đâu sợ không có người giữ cốc. Hồi kia thầy thả đại, mấy đứa cháu trong nhà thấy thầy bỏ cửa đi, nó lo dùm. Sau này thấy ông già kỹ quá, khóa tới khóa lui đủ thứ. Đi về ông còn rầy chuyện này chuyện nọ nữa. Tới lúc lớn tuổi bệnh

hoạn thầy cũng có một mình, lại cứ mang thêm tâm niệm không biết giao cái thất cho ai? Không có đệ tử xuất gia, những người gần gũi toàn là con cháu, giao cho mấy đứa nhỏ này nó đâu chịu tu, làm sao giao cái thất được. Cứ thế tính tới tính lui, sắp xuôi sắp ngược, cuối cùng bệnh nặng sắp mất mà cái thất chưa giao cho ai được.

Mấy huynh đệ hồi xưa nghe thầy bệnh nặng ghé qua thăm. Có vị nói: - “Thời còn đi học, về sự học hành hiểu biết, tôi rất nể thầy là người thông minh học giỏi. Về sự sắp đặt trong đời sống tu hành, phải nói tôi nể thầy thêm một lần nữa vì thầy sắp đặt đời tu của mình thật chu đáo, không tham gia Phật sự gì hết, tập trung vào việc tu hành. Bao nhiêu năm tháng qua, cho tới bây giờ thầy vẫn đường đường là một người tu đàn tràng. Nhưng có một điều, cho tới giờ này mà thầy còn trần trở chưa ai kế thừa cái thất của thầy thì thật đáng tiếc. Tôi nói thiệt với thầy, cái này là đồ bỏ, vất nó đi cho rồi. Thân mạng thầy còn giữ không được, cái thất có nghĩa lý gì mà phải đắn đo?” Nhờ câu nói của người

huynh đệ đồng song, thầy mạnh dạng buông được.

Phật nói địa vị, sự sản, tình cảm gia đình... nó bận buộc như gông cùm. Mình không biết nó bận buộc cỡ nào và cũng không dám rờ tới mấy chuyện đó. Nhưng chúng ta thấy chỉ cái thất như thế mà còn đấm luyện, thì thử hỏi những cái kia đấm luyện tới cỡ nào nữa? Nói nghe ngon lắm “ba thứ đó tôi vất hết”, nhưng thật ra miệng nói vất mà trong còn nguyên, trần trở hoài thôi. Cái vướng mắc chấp trước, tâm niệm không buông được, lòng trần không hỷ xả thì trong tâm nặng nề vô cùng, không giải thoát nổi.

Bởi thấy rõ điều này nên Hòa thượng dạy chúng ta: - Pháp ban đầu của tu Thiền là làm sao làm chủ được những dấy niệm, đừng cho những dấy niệm đó nó kéo lôi. Biết nó là vọng tưởng bỏ đi, không theo. Một chút thế thôi mà có khi huynh đệ tu năm năm, mười năm vẫn chưa làm được. Làm chủ được các dấy niệm, biết các dấy niệm không thật là điều căn bản của người tu thiền. Các bậc tiền bối thông qua kinh nghiệm tu hành đã dạy

chúng ta, nếu nhận được những dấy niệm là vọng tưởng không thiệt, không để mắc mứu, không chạy theo, không lầm nhận nó nữa thì đủ cơ cắt đứt dòng luân hồi sanh tử.

Những vọng tưởng bên trong tuy vô hình, lảng nhãng lít nhít nhưng thật ra khó trị vô cùng. Cho nên muốn ở núi non bình yên, ở Thiền viện bình yên, ngồi thiền không bị mắc mứu gì hết thì phải phải hết những thứ đó. Phải hết là sao? Là xem việc sanh tử trọng đại nhất, phải giải quyết cho xong, không có việc khác. Vấn đề sinh tử chúng ta chưa giải quyết được là bản án tử hình bắt đầu hiện ra. Ngày giờ hành án thu ngắn dần, ta không có người phá án, không có trạng sư, cũng không có lực gì đối kháng lại bản án đó. Thế mà ta cứ sống ăn chơi vui vẻ ngày này qua ngày kia, Phật Bồ-tát nói chúng sanh si mê quá sức, si mê dữ dội. Việc sinh tử không ai có thể gánh chịu thế mình nên mỗi người phải tự nỗ lực tu hành.

Phật dạy chỉ có trí tuệ Bát-nhã mới chặt đứt dòng luân hồi sanh tử. Cho nên ở đây Sơ Tổ Trúc Lâm vui vẻ chấp nhận đời

sống của người tu hành được ở núi rừng, an nhiên tự tại. Trong lòng không bị buộc ràng bởi bất cứ thứ gì ở trần gian. Đoạn này Ngài nói thân lòng hỷ xả tức cảnh vắng, lòng yên, mọi sự đều buông hết, không còn cưu mang vướng víu gì nữa mới giải thoát an nhàn. Người tu thích ở núi rừng là một hình ảnh đẹp vì chỉ với cuộc sống viễn ly, chúng ta mới có thể thành tựu đạo nghiệp dễ dàng nhất.

Ngày xưa chúng tôi nội trú trong một trường Phật học ở tỉnh xa. Nội qui nhà trường có một tội thuộc phần phụ, nghe ngộ lắm. Tội đó là *đứng quanh chùa ngó mong*. Chỗ ấy là xứ của người Miên, lớp học trên ba chục tầng sinh, ngoài ra có một số các vị là đệ tử của chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa ở những vùng lân cận gửi tới, nên anh em rất đông. Hồi đó tội này nhỏ, mà qui điều lại chế ra cái tội *đứng quanh chùa ngó mong*. Chúng tôi phải dè dặt, coi chừng nhất về tội này, vì nếu không để ý bị phạm hồi nào mình cũng không biết nữa. Phạm tội này thì phải quỳ hương quả đường, nghĩa là lúc chư Tăng thọ trai, mình quỳ giữa quả đường, tới khi nào chư tăng ăn cơm xong mình mới đứng lên lễ ba lễ

rồi xuống nhà sau ăn cơm. Thấy không có gì nặng, nhưng nó kỳ, xấu hổ lắm!

Lúc đầu không biết, tôi hỏi thầy chúng trưởng tội “đứng quanh chùa ngó mong” là tội gì? Thầy nói: “Mấy chú nhớ nhà nhớ chùa Thầy tổ muốn về mà không dám xin, đứng ngó mong thì bị phạt nên gọi là tội đứng quanh chùa ngó mong”. Tôi nói: “Ủa! Nhớ nhà, nhớ chùa không dám xin thì đứng ngó mong, có tội gì đâu?” Thầy nói: “Nếu mình cứ tư tưởng vớ vẩn như thế mãi, làm sao học được. Cho nên học là phải quyết tâm, theo chúng trong mọi sinh hoạt, chớ đứng một mình lơ quơ lẩn quẩn một hồi là có người tới vịn vai chấm phạt”.

Đó là do kinh nghiệm của các vị giáo thọ nhiều năm, biết tâm trạng vớ vẩn của đệ tử còn trẻ tuổi. Lòng hâm mộ tu hành tuy có nhưng vào cuộc tu hành rồi thì chưa vượt được những tập khí cũ. Nếu không có phương tiện khắc phục hạn chế, để tình trạng ấy phát triển lâu ngày tu không được, nên các Ngài mới chế định điều lệ lạ lùng ấy. Tới bây giờ

tôi mới cảm thấy cái hay của bản nội qui hồi xưa.



ĐOẠN 6

Thanh nhàn vô sự,
Quét tước đài hoa;
Thờ phụng Bụt trời,
Đêm ngày hương hỏa.

Giảng:

Làm kẻ thanh nhàn vô sự, không bận bịu lo nghĩ điều gì, ngày đêm đốt đèn cúng Phật, quét tước đài hoa. Đó là những công

việc hết sức bình thường của kẻ tu hành nhưng rất thiên vị. Chư huynh đệ ở Thiền viện quét dọn trước điện Phật cũng như làm vệ sinh trong đạo tràng... tất cả những việc này đều là việc tu hành. Công đức phát sinh từ những việc như thế, nếu tâm chúng ta thanh nhàn vô sự. Còn huynh đệ làm đâu kẹt đó, so đo nặng nhẹ từng chút, phiền não đầy bụng thì không còn ý nghĩa của việc tu hành nữa.

Ví dụ trước khi xuất gia có vị từng là ông Trưởng ty Điền địa. Bây giờ vào chùa tu, sáng ra làm theo mấy thầy trẻ thì làm không nổi, ngồi không coi không đặng, nên cũng cầm kẹp đi lượm rác. Công tác bình thường nhẹ nhàng thôi nhưng có khi nổi hứng lên tìm Trụ trì nói: “Thầy biết không ! Hồi xưa tôi làm Trưởng ty chớ bộ giỡn”. Hỏi: “Trưởng ty ở đâu?” Nói: “Trưởng ty Điền địa. Bây giờ hốt rác cũng chỉ phó hốt rác chớ không phải chánh nữa, lượm bọc nilon bậy bạ vậy thôi. Thưa thầy, thế mà vui.” Cho nên có bài kệ: *“Tùng tảo già lam địa, thời thời phước huệ sanh, nhược vô tâm khách chí, tức hữu thánh nhơn hành”*. Làm việc quét dọn trong tùng

lâm, tuy ban sớm chưa có người đi nhưng mà thánh nhơn đã dạy qua. Siêng năng làm việc như thế mỗi lúc mỗi tăng trưởng công đức phước huệ.

Trong hàng đại đệ tử của đức Phật, có một Tỳ-kheo học đâu quên đó, cuối cùng Phật dạy hai chữ “tảo tuệ” thôi. Tảo tuệ là gì ? Là chổi quét chớ không có gì lạ. Nhưng thầy nhớ chữ tảo lại quên chữ tuệ, nhớ chữ tuệ lại quên chữ tảo. Nhớ chổi quên quét, nhớ quét quên chổi. Một người lẩn quẩn đến mức độ như vậy, mà cuối cùng Phật cũng điểm hóa cho thầy chứng quả A La Hán. So với Tôn giả này chúng ta đâu đến nỗi tệ, phần nhiều quý thầy tốt nghiệp cấp hai, cấp ba, cấp đại học... ai cũng hiểu biết, đầu óc tỉnh táo không đến nỗi đảo lộn quên ăn quên ngủ. Các căn chúng ta đầy đủ sinh hoạt bình thường như mọi người, đó là một điểm phúc lớn.

Chúng ta không thiếu cái gì, nhất là cái sáng suốt thường nhiên luôn túc trực bên mình. Thế nhưng lắm khi chúng ta bực bội, tại sao mình cứ lằm mê, mãi miết chạy theo trần cảnh bên ngoài để rồi tu không được.

Sao mình đại quá ? Nhưng thật ra, chính nhờ những thứ đó ta mới tu được. Không có vọng tưởng thì lấy gì mà tu, không có cái xấu dở, làm sao chúng ta thăng hoa được. Cũng như trong Thiền viện, một trăm ba mươi huynh đệ thì có một trăm ba mươi đường nét khác nhau. Tốt có xấu có, kẻ tâm lượng rộng rãi, người hẹp hòi nhỏ nòi... nhưng chính những người có tật xấu là nghịch tri thức giúp chúng ta nhiều bài học xứng đáng, huynh đệ sẽ tăng tiến công phu từ trong cuộc sống bình thường ấy.

Tổ nói ngài sống thanh nhàn vô sự, tức không cần lo gì hết nên rất nhàn nhã. Còn chúng ta thì sao ? Lâu lâu đi bác sĩ siêu âm coi có u nhọt nào không? Bây giờ văn minh nên thêm chuyện thêm lo, chớ hồi xưa ông bà nội ngoại mình có siêu âm gì đâu, cũng có vị khỏe mạnh sống lâu vậy. Chừng nào bệnh thì uống thuốc, một hết hai chết chớ có gì phải lo. Bây giờ vài tháng đi siêu âm, nếu bác sĩ nói có cái u nhọt nào đó chỉ còn thở được một tháng, tháng rưỡi thì thôi bắt đầu lo. Có khi lo quá bệnh lại càng nặng hơn, không chữa được luôn. Càng sợ chết thì cái chết càng

nhích tới gần hơn. Trong khi cái vinh dự nhất là sự sáng suốt của các giác quan, nghe thấy nếm ngửi mình có đủ, không bao giờ bị bệnh, không bao giờ mất lại không nhớ tới.

Phật dạy chúng ta tu tập, áp dụng công phu thế nào để không bị mắc mưu với các cảnh duyên bên ngoài, không đắm luyến thân tứ đại bên ngoài và tâm vọng tưởng bên trong. Đó là điều quan trọng trong công phu tu hành. Biết rõ cái nào thật cái nào giả rồi, chúng ta vui vẻ sống theo phúc duyên của mình. Chỉ bình tĩnh sáng suốt gan dạ trả hết nợ nần đã vay thì thân này còn mất không thành vấn đề đáng lo sợ nữa. Tĩnh táo sáng suốt chấp nhận trả chớ không có thái độ vừa trả nợ vừa lằm bằm. Trả nợ mà còn lằm bằm không vui vẻ là nợ thêm. Chư vị Bồ-tát trả nợ rất vui vẻ, rất sẵn sàng, vì biết rằng trả là sẽ hết. Hơn nữa thân tâm này không thật, có gì của mình mà chấp giữ. Chúng ta chưa được như thế nên sợ trả nợ, sợ mất thân... đủ thứ lo sợ. Vì vậy cuộc sống của mình khổ đau ràng buộc, chớ không thanh thản giải thoát như các Ngài.

Hồi xưa có hai thầy Tỳ-kheo trên đường trở về đánh lễ đức Thế Tôn. Đi ngang vùng hạn hán không có nước, lương thực cũng hết, lúc ấy khát quá. Một thầy nhìn thấy chút nước trong lỗ chân trâu, tự nghĩ “Ta cần khỏe mạnh đi đến chỗ Phật đánh lễ cầu pháp, được nghe giáo pháp tu hành sẽ thành Phật. Do vậy bây giờ phải phương tiện uống nước này, mặc dù phạm giới sát sanh vì trong nước có nhiều lăng quăng.” Còn thầy kia thì nói: “Ta thà mất mạng chớ không mất giới”. Sau đó thầy giữ giới vì quá thiếu nước nên chết dọc đường, còn thầy uống nước trong lỗ chân trâu đi đến được chỗ Phật. Tới nơi, thầy này đánh lễ Thế Tôn rồi tường trình tự sự và xin được cầu pháp. Đức Phật nói: “Thầy Tỳ-kheo thà mất thân mạng chớ quyết không phạm giới, tuy không quỳ dưới chân ta nhưng chính thực là gần ta. Còn người tuy ngồi cạnh ta nhưng thật ra cách xa ta ngàn dặm, không xứng đáng lãnh thọ giáo pháp của Như Lai”. Câu chuyện đã cho chúng ta một bài học về sự không tham đắm thân mạng này, mà thầy Tỳ-kheo giữ giới đã thành tựu được thâm ý của đức Phật.

Phật pháp rất bình thường, nhưng vì chúng ta không giữ gìn được tâm cầu đạo, không giữ gìn được giới hạnh nên Phật pháp trở thành phi thường làm không nổi. Bây giờ chư huynh đệ chưa ở núi, trong điều kiện sống thế này, chúng ta cố gắng phát huy trí tuệ Bát-nhã, làm sao mỗi ngày mỗi sáng, đừng để bị tắt lụi, phát huy cho đến viên mãn. Đó là mục đích chính của người tu Phật.

Ngài dạy không bận lòng lo nghĩ điều gì, ngày đêm thắp hương đốt đèn cúng Phật, quét tước đài hoa là công việc thường nhật kể tu hành. Như huynh đệ được phân công gánh nước trong lúc trời mưa lòng vẫn hoan hỷ, hoặc sắp nấu cơm khi trời nóng bức cũng không phiền hà, trong tâm luôn luôn phấn chấn. Huynh đệ nên nghĩ mình có sức khỏe tạo được công đức, như quét dọn đài hoa trang nghiêm hoặc làm những thức ăn cúng dường các bậc Hiền thánh và chư tăng hiện tiền. Các vị dùng những thức ăn này tuy bây giờ chưa thành Phật, nhưng tương lai tu hành chắc chắn sẽ thành Phật. Công đức này thật vô lượng vô biên. Dù đi ôm củi, quét dọn nhà bếp, hốt trấu, kéo xe đổ rác vệ sinh của viện...,

việc làm nào cũng kết lên đài hoa công đức. Các anh em quán chiếu thêm một chút nữa, ta làm việc bên ngoài để nhớ quét dọn trở lại trong mình. Kéo một xe rác đem đổ là rửa ráy những cù cặn trong lòng, đổ hết đi. Nhớ đổ mà đừng trúng người ta, đổ bỏ, nguyện đừng ai vớ vào những thứ đó. Được như vậy lúc nào mình cũng tươi tắn tu hành.

Những năm tôi ở Thủ Đức, khoảng mười sáu mười bảy tuổi gì đó. Trong đạo tràng có thầy bất an, không tu được. Quý thầy trong ban chức sự thương tình trình lên Hòa thượng. Hòa thượng kêu vị ấy hỏi nguyên do, sau đó mỗi sáng Ngài khoan một khoảng cỏ rồi dạy thầy kia nhổ cho sạch. Ngài đọc mấy câu trong Sơ Đẳng Phật học Giáo Khoa Thư như: “Phật giả Phật đà chi tinh xưng...” Dạy khẩu truyền như thế và bắt đệ tử phải học thuộc trong khi làm cỏ. Thời gian sau, kết quả thấy rõ Thầy đó vươn lên trở thành một vị tăng tinh tấn, vui vẻ tu hành không còn thói chuyển nữa.

Cho nên mỗi lần chúng ta làm việc gì phải thường quán chiếu lại chính mình. Hốt

cỏ là hốt bỏ những cù cặn, tối tăm như bần trong lòng. Làm việc như vậy vừa không phiền não vừa có công đức. Trong lúc tu hành, mỗi cảnh duyên đều là cơ hội để chúng ta phát huy trí tuệ Bát-nhã của mình. Ngoài công việc trong chùa, chúng ta còn được học pháp với Hòa thượng Viện trưởng. Bây giờ tuy Ngài nhập thất không dạy nữa nhưng huynh đệ vẫn được nghe băng thường xuyên. Nghe tới nghe lui từ những băng giảng đầu tiên, như *Mới Vào Cổng Chùa* cho tới những băng chuyên sâu như *Chỉ Ông Chủ*... Những bài kinh Bát-nhã cho tới kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Niết Bàn... Cho nên chúng ta không sợ dốt, chỉ sợ kiến thức quá nhiều trở thành chướng đạo thôi. Học thiền và tu thiền theo Hòa thượng, chúng ta không phải là những học giả mà là hành giả, từng bước đi vào thể nghiệm, để nhận ra chân lý ngay nơi mình. Hiểu như vậy huynh đệ yên tâm tu hành, không còn đứng ngó mong ở sân chùa làm gì.

Việc tu hành cần phải có an tâm, chuyên tâm, mới đạt được sự an vui, thanh thản. Tóm lại trong đoạn này, Sơ tổ Trúc

Lâm dạy chúng ta thanh nhàn, vô sự, an nhiên đối với tất cả việc làm. Được thế là người thống nhiếp tất cả việc, tự tại với muôn pháp. Như Hòa thượng dạy: “Một niệm dấy khởi đừng lằm chày theo, biết các niệm đều là vọng tưởng mình không dính mắc, nó không đủ lực kéo, mình không chạy theo nó tức là tự tại giải thoát rồi.” Khi ấy Định và Tuệ hiện tiền, không tìm ở đâu xa.



ĐOẠN 7

Tụng kinh niệm Bụt,
Chúc thánh khẩn cầu;
Tam hữu tứ ân,
Ta nguyện được bả.

Chú thích:

- Tam hữu: Là ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.
- Tứ ân là bốn ơn: Ôn cha mẹ, ơn thầy Tổ, ơn đàn-na thí chủ, ơn quốc gia.

- Bả: Là trả.

Giảng:

Ngày đêm tụng kinh niệm Phật nguyện trả được bốn ơn ba cõi. Đó là sở nguyện của Ngài, mà cũng là sở nguyện của người tu chúng ta. Có câu “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh”, nghĩa là người tu phải đền trả bốn ơn nặng: Ôn cha mẹ, ơn thầy tổ, ơn quốc gia, ơn đàn na thí chủ. Có người nói chúng ta tu hành là bất hiếu, bởi vì họ thấy hiện tại ta từ bỏ cha mẹ vào chùa, không can dự đến chuyện nhà nữa. Những người không hiểu thấu đáo chữ Hiếu trong đạo Phật mới nói như vậy, thật sự người tu hành trọn vẹn mới là đại hiếu, như Tôn giả Mục Kiền Liên vậy.

Ở trong đạo, khi đã phát tâm tu thì phải tu cho sáng đạo, thành đạo mới đền trả được tứ ân. Ngược lại tu lơ mơ, không khéo rơi vào địa ngục thì quả thật có tội lớn. Cho nên phải ráng tu đàng hoàng, không làm những việc phi pháp, tạo sự bất ổn cho mình cho người. Nếu chúng ta tu tốt mọi người sẽ tốt với mình, tự nhiên hỗ trợ cho chúng ta.

Đây là dùng đạo đức cảm hóa, chưa nói đến việc chứng quả có thần thông vào địa ngục, cứu vớt chúng sanh bị chìm đắm trong ấy mà mình còn cảm thấy vui rồi.

Cho nên tu hành phải vững tâm, nói như ngài Đức Sơn: “Đập một hèo không ngó lại...” chớ nhác nhúa thì không làm gì được. Đọc lại cuộc đời của ngài Hám Sơn, chúng ta thấy Ngài là một đại tăng, với công đức tu hành của Ngài, đi đâu cũng cảm hóa được người. Ngài làm việc gì cũng thành Phật sự. Trước khi đi tu, Ngài là một học trò văn hay chữ tốt, bạn bè ai cũng nghĩ nếu đến trường thi Ngài là người khoa bản cao nhất nên Thầy bạn rất thương quý. Tới khi đi tu, Ngài thẳng tiến hành đạo, sấn bước du phương, sấn bước học đạo, hoàn cảnh khó khăn trở ngại nào Ngài cũng san bằng và vượt qua hết.

Thời đó mẹ vua quý trọng Ngài là một Quốc sư, nhưng nhà vua lại lấn cấn với Ngài trong việc mẹ nghe lời Quốc sư chọn người kế thừa sự nghiệp đế vương. Hoàng Thái Hậu hay tin Ngài ở đâu, làm việc gì bà đều ủng hộ. Việc này càng làm nhà vua bực bội, ông

tìm cách hại Ngài. Từ đó cuộc đời Ngài gặp nhiều hoạn nạn, có khi nguy hiểm đến cả tính mạng. Những lần bị đày, lệnh vua ban không ai được đem đến cho Ngài bất cứ thứ gì. Nhưng với công đức của mình, người ta cung cấp cho Ngài không thiếu thứ chi. Bị đày mà Ngài sống bình thường vui vẻ, Phật tử cũng như quan chức đến thưa hỏi Phật pháp đạo lý rất đông. Cho nên suốt thời gian bị đày Ngài vẫn hành đạo hóa đạo và trở thành một vị đại thiên sư lỗi lạc. Sau này, Ngài chính là người trùng hưng lại chùa Nam Hoa - đạo tràng Lục Tổ - thật trang nghiêm tráng lệ, nhưng bản thân chỉ ở một thất nhỏ cho tới ngày viên tịch.

Người tu hành có đạo đức, có trí tuệ đi đâu cũng được quý trọng. Người đó có thể mở mang gầy dựng mỗi đạo, hướng dẫn mọi người hướng về con đường đạo. Noi gương đó chúng ta nỗ lực tu học, với tâm nguyện hướng theo con đường, dấu chân của các bậc Thầy, Tổ đi trước. Chư huynh đệ nhớ, người thật tâm tu hành không có niệm lợi dụng Tam Bảo, nhất định được long thiên hộ pháp gia trì và việc

tu hành đúng chánh pháp sớm muộn gì cũng sẽ viên mãn.

Ở đây Ngài nói: *Tụng kinh niệm Phật, Chúc thánh khẩn cầu*. Niệm Phật là niệm Phật, Chúc thánh khẩn cầu là đối với các bậc Hiền thánh, chúng ta mong mỗi lúc luôn được sự hộ trì của các Ngài, để Tam Bảo hưng thịnh nơi đời, mọi người có nơi nương tựa tu hành. Bản thân chúng ta cũng nương theo đó tu tạo các công đức mới có thể đền trả bốn ân, cứu khổ ba đường. Tất cả việc làm của chúng ta đều hướng đến mục đích giác ngộ giải thoát cho mình và tất cả chúng sinh. Có thể chúng ta mới làm tròn bốn phận của mình, xứng đáng là một người tu Phật.



ĐOẠN 8

Niềm lòng vắng vặc,
Giác tánh quang quang;
Chẳng còn bỉ thử,
Tranh nhân chấp ngã.

Chú thích:

- Niềm lòng: Các niệm vọng động trong lòng. Chữ “niềm” là niệm.
- Vắng vặc: Sáng.
- Quang quang: Sáng rõ rõ.

Giải:

Chẳng còn bỉ thử, Tranh nhân chấp ngã. Đoạn này Ngài dạy khi lòng lặng lẽ thì các niệm khởi lăng xăng không còn nữa. Lúc đó tánh giác hiện tiền, tất cả những ngũ ngã bỉ thử không còn. Với người tu thiền kỹ nhất là những niệm khởi, những mầm tư tưởng lăng xăng ta không làm chủ được. Hòa thượng thường nhắc nhở chúng ta phải làm chủ đừng bị những dây niệm kéo đi. Khi các dây niệm khởi lên, chúng ta tỉnh thấy rõ nó là vọng tưởng không theo, nó liền lặng mất. Trong khi tu, các thiền sinh phải trải qua hai giai đoạn công phu như sau:

Giai đoạn thứ nhất là biết được những dây niệm. Nếu cái biết này không hiện tiền thì coi như ta mất chủ, tuy vẫn sống, vẫn ăn mặc ngủ nghỉ nhưng mất chủ. Mất chủ, nghĩa là không chủ động được mà bị những dây niệm, vọng tưởng kéo lôi. Sự kéo lôi của nó vô cùng vô tận mà chúng ta không hề biết mặt mũi chúng thế nào. Nếu công phu lừng khờng, tỉnh tuệ không sáng, định lực không có, vì vậy vừa dây niệm ta lao theo, nó dẫn đi có

khi suốt một thời thiên ta vẫn chưa thỏa mãn. Cứ thế hết thời thiên này đến thời thiên khác ta mất tự chủ hoàn toàn. Các Tổ thường nói đó là nhận giặc làm con. Đã nhận giặc làm con rồi, mọi sự việc trong gia đình đều cắt đặt cho nó kế thừa. Do vậy, ta hoàn toàn đồng hóa nó với mình, không có chỗ xen hở.

Bây giờ tu là chuyển hóa những vọng tưởng ấy, đưa nó vào thể tánh lặng lẽ. Chúng ta không nói chuyện đã qua mà đặt nặng những việc sắp tới. Khi vọng tưởng lấp ló hiện ra, làm sao chúng ta biết liền. Cái biết luôn luôn hiện tiền thì vọng tưởng tự lặng. Đây là bước ban đầu mà hầu hết các thiên sinh đều phải ném qua. Áp dụng công phu huynh đệ nhớ thường xuyên kiểm lại. Kiểm cái gì? Kiểm xem mình có đủ lực để đừng bị những dấy niệm kéo đi hay không? Tổ sư thường dạy ở chỗ này ta bình thường trong mọi sinh hoạt nhưng không lầm chạy theo, không bị mắc mứu bởi vọng tưởng. Khi đã bị vọng tưởng dẫn đi thì mình mất tự chủ, chúng biểu gì ta làm vậy, dốt đâu đi đó, không chủ động gì cả.

Ở đây Tổ dạy *Niềm lòng* tức là niệm lòng, niệm lòng sáng vàng vạc, vừa dấy khởi niệm mình liền biết. Cái biết ấy quan trọng lắm. Chúng ta không cố ý biết anh nào hết, nhưng anh nào lộ lên mình biết liền. Biết rõ như thế thì không anh nào làm gì được ta. Giống như mấy ngày lễ quan trọng, đông đảo Phật tử về đây, huynh đệ làm công tác trật tự, có đeo băng trên cánh tay. Ai đi đâu làm gì, mình không bắt người ta phải theo mình, nhưng anh nào có tà ý, mình biết liền. Tại vì mình “bám sát” một bên, có chủ động, có cái biết soi sáng nên không ai qua được mắt chúng ta. Trong công phu tu hành, niệm vừa dấy lên chúng ta không theo, cái biết luôn hiện tiền. Ông chủ sờ sờ đó nhưng không theo ai hết, không chấp nhận bất cứ một sự rủ rê nào. Đó là giai đoạn thứ nhất trong công phu tu hành.

Giai đoạn thứ hai, Tổ bảo *Giác tánh quang quang*. Tức là tánh giác sáng rõ. Khi các niệm đã lắng yên rồi thì tánh giác sáng vàng vạc hiện tiền, đầy đủ. Nói đầy đủ là một cách nói, bởi vì cái đó sẵn có nơi mỗi chúng ta, nhưng vì mình bỏ quên nên không dùng

được, bây giờ nhớ lại lấy ra sử dụng nên nói đầy đủ. Một khi tánh giác hiện tiền thì ngô ngã bị thử đều dứt hết. Quá trình công phu giản dị như thế, nhưng có điều áp dụng làm sao cho thuần thực mới thật sự khó. Vấn đề đặt ra là ở chỗ này.

Chúng ta trong những điều kiện khác nhau, hoặc hàng cư sĩ tại gia, hoặc người tu trên núi, hoặc ở riêng một mình, hoặc ở chỗ đông đảo, có người rảnh rang, có kẻ bận rộn... mỗi người mỗi vẽ không ai giống ai, nhưng làm sao áp dụng tu cho được mới là điều đáng quý. Theo như trình tự trên, bước đầu niệm dấy lên, chúng ta biết và không theo nó, dần dần nó sẽ thưa giảm và tâm chúng ta thường xuyên được lặng lẽ. Công phu ở giai đoạn này cũng phải trải qua một thời gian khá lâu mới thuần thực.

Với người tu tinh nhuệ, thường xuyên sáng suốt thì vọng tưởng không làm gì được họ, bấy giờ mới bước sang giai đoạn thứ hai là ông chủ sáng suốt hiện tiền, sẵn sàng quét sạch hết mọi thứ giặc đến rồi loạn trong nhà. Nói tánh giác hay Phật tánh là nói đến chất

Phật, cái không bị động, cái định tuệ hiện tiền của chúng ta. Khi không bị vọng tưởng kéo lôi thì trí tuệ hiện tiền. Trí tuệ hiện tiền thì những kiến chấp ngô ngã, những cù cặn tâm tối từ lâu nay sẽ biến dạng dần, đổi thay hết. Quá trình công phu là như vậy.

Đọc truyện Tàu, chúng ta thấy Quan Vân Trường thường sử dụng Thanh Long đao trong những trận chiến quyết định vận mệnh của quốc gia, ông không sử dụng vũ khí nào khác, luôn luôn là Thanh Long đao. Thanh long đao là cây đao sáng quắc màu đỏ có con rồng xanh hiện trong đó. Cây đao này mà chém là sắt thép cũng phải tan và đặt biệt nó đã muốn chém ai thì dù kẻ đó có chạy tới trời, nó cũng rượt theo chém cho bằng được mới thôi.

Người tu thiền cũng phải như thế. Sở trường chúng ta là sử dụng cây kiếm trí tuệ, thì phải mài luyện thế nào cho cây kiếm ấy một khi chém là đối thủ không còn đường thoát. Ai có hỏi:

- Công phu tu hành của Thầy thế nào?
- Trí tuệ.

- Vũ khí Thầy thường dùng là gì?
- Trí tuệ.

Đi đứng nằm ngồi, ăn uống ngủ nghỉ, tiếp khách, làm việc gì, ở đâu cũng sử dụng trí tuệ, chứ không có gì khác. Người tu không có trí tuệ thì coi như cục đất vô dụng, ai muốn đá đâu thì đá, muốn hất đâu thì hất, thật đáng hổ thẹn phải không? Cho nên chúng ta phải có trí tuệ. Trí tuệ hiện tiền là tánh giác hiện tiền, khỏi phải tìm cầu ở đâu, không mong đợi, không trông cậy ai cho mình.

Hằng ngày chúng ta xét cho thật kỹ lòng mình, xem đối với các dấy niệm mình làm chủ hay bị động? Một điều đó thôi. Nếu làm chủ là công phu đã khá sâu dày, chứ không phải đơn giản. Điều này chỉ có tự chúng ta nghiệm biết thôi. Trong tất cả thời, khi làm việc cũng như lúc ngồi thiền, tụng kinh, ăn cơm, nghỉ ngơi, chúng ta xem những dấy niệm chợt hiện chợt mất, mình có làm chủ được không? Lúc nào ta làm chủ tinh nhuệ nhất? Lúc ngồi một mình hay lúc đông người?

Có nhiều vị đang trong lúc tụng kinh mà những dấy niệm cũng hoành hành, nó không tha giờ tụng niệm của mình nữa. Tụng bao nhiêu nó hiện lên bấy nhiêu, đủ thứ hình ảnh... Chúng ta không nắm được mũi nó thì nó nắm mũi mình. Thế thôi. Cho nên huynh đệ phải luôn luôn cầm thanh kiếm bén trên tay, không được rời bỏ bất cứ lúc nào thì mới không bị giặc vọng tưởng xỏ mũi. Ở đâu cũng sử dụng kiếm trí tuệ. Mỗi huynh đệ có một sở trường riêng, trong công phu phải biết phát huy sở trường của mình. Như mười vị đại đệ tử của đức Thế Tôn, mỗi vị mỗi sở trường. Như Tôn giả Xá Lợi Phất, Tôn giả Mục Kiền Liên, Tôn giả Phú Lô Na, Tôn giả A Nan... không vị nào giống vị nào cả. Khi chưa thành tựu Thánh quả, quý Ngài tu tập theo sở trường sẵn có của mình. Khi thành tựu được Thánh quả, mỗi vị dùng ngay sở trường ấy để giáo hóa chúng sanh.

Biết phát huy sở trường vào việc tu tập là người khéo ứng dụng. Huynh đệ ở đây một trăm ba mươi mấy người, mỗi vị mỗi kiểu. Ông giỏi quét sân thì sáng thấy tên mình quét sân. Ông giỏi đẩy xe rác thì thấy tên

mình đẩy xe rác. Ông giỏi viết chữ, ông giỏi dọn cơm, ông giỏi chụm lò... tất cả đều được phân công theo sở trường của mình. Nếu quý vị khéo ứng dụng pháp tu thì ngay khi làm công tác, tỉnh giác rõ biết, đừng để vọng tưởng kéo đi thì trí tuệ hiện tiền. Bấy giờ đẩy rác, quét sân, chụm lò... đều là Phật sự. Chúng ta phát huy sở trường của mình để tu tập chuyển hóa, hành trì công phu như thế nhất định tánh giác dần dần sẽ hiển lộ thôi.

Hãy mở rộng lòng ra, nấu cơm không phải chỉ để mình ăn, mà nguyện cúng dường Tam bảo, cúng dường tất cả chư Tăng, tất cả chúng sinh. Nguyện quý ngài dùng thức ăn này được no khỏe, cũng mở rộng lòng ra, nghĩ tưởng đến chúng sanh mà đem công đức tu hành của mình hồi hướng khắp tất cả. Nguyện muôn loài đều hết khổ được vui. Phải quán tưởng như thế, chứ không phải thức ăn này ngon đem cất tủ, mai mình ăn. Không có chuyện đó.

Giờ tôi nói chuyện ông chụm lửa tu cho huynh đệ nghe. Chụm lửa không có nóng. Chụm cho lửa cháy để nấu cơm, nấu thức ăn

cúng dường đại chúng. Khi chụm lửa huynh đệ quán chiếu trở lại mình, nguyện lửa này đốt sạch tất cả những cù cặn tâm tối còn tồn đọng trong ta và xung quanh ta. Đốt sạch hết cho mình và mọi người được rỗng rang sáng suốt. Đó là lửa tam muội. Nhà thơ Trúc Thiên có viết thể này trong bài thơ “Có mặt”:

Lửa tam muội thiêu tàn thân xác cũ,

Người đứng lên, ánh sáng dựng ban ngày.

Chụm lửa như thế mới là biết chụm lửa chứ! Đâu phải chụm lửa để phỏng tay phỏng chân, để đốt cái này đốt cái kia, lửa cháy tùm lum từ mình lây sang người khác. Chụm lửa kiểu này, anh nào lạng quạng vô đó là bị dùi lửa khẻ à nghe! Chụm lửa kiểu đó thì nguy lắm!

Quý vị tịnh nhân cư sĩ, mỗi ngày chịu trách nhiệm đẩy xe rác đi đổ. Quý vị hoan hỷ thì kéo xe thấy bình yên. Từng thùng rác chứa những thứ cù cặn, ta đem vứt nó một chỗ để không bị ô nhiễm môi trường. Trong lòng phấn khởi mỗi khi mình bung một thùng rác lấp xuống đất, nó sẽ biến thành phân

nuôi dưỡng lại những mầm xanh. Một thùng rác được chôn lấp thì một không gian thơm mát mở ra, như thế phiền não ở đâu, nó làm gì được mình.

Pháp thiên là pháp không có phương pháp. Chúng ta tu thiên đừng để dính mắc vào bất cứ pháp gì, đừng để vọng tưởng kéo lôi, làm chủ được mình là tốt rồi. Vậy nên sám hối sáu căn cũng tu thiên, ngồi thiền cũng tu thiên, đọc sách cũng tu thiên, đẩy rác cũng tu thiên, ngủ cũng tu thiên... Huynh đệ nhớ ngủ cũng tu thiên nghe, chớ không phải ngủ là mộng tưởng lê thê, mê man tàn tịch, nghe kiếng đánh cũng không muốn ngồi dậy. Trong mọi thời mọi lúc, tất cả đều tu thiên, không có cái khác. Như vậy chúng ta an ổn tu cho tới chừng nào bằng Phật mới thôi.

Người tu phải là người chủ động trong tất cả chỗ tất cả thời, không bị phiền não sai sử. Có thể chúng ta bị nó phá một chút trong niệm đầu hơi sơ hở thôi. Chứ khi mở mắt ra rồi thì không phiền não nào nhiều loạn mình được cả. Trái lại, huynh đệ làm gì cũng bị phiền não hết thì giống như sống trong nhà

lửa. Ăn cũng phiền não, ngủ cũng phiền não, ngồi không cũng phiền não. Người tu chủ động không để phiền não sai khiến là người chiến thắng. Đó là pháp tu tuyển tập từ trong đời thường, trong các sinh hoạt của chúng ta. Người tu thiên phải có trí tuệ mãnh liệt mới có thể đuổi tan giặc phiền não. Cho nên Thiên sư nói *Di cũng thiên, ngồi cũng thiên, nói nín động tịnh, thể an nhiên*.

Chúng ta cố gắng làm sao đừng có kiêu đi một vòng thật xa rồi quanh lại chỗ cũ, mất thời gian lắm. Các Thầy đi trước, có kinh nghiệm tu hành luôn dạy chúng ta: Con đường đạo dài lắm, chông gai cũng không ít. Người tầm thường không thể đi qua con đường ấy nếu không tỉnh sáng. Hòa thượng Viện trưởng dạy phải làm chủ, đừng để những dấy niệm kéo lôi, tức trong pháp tu lấy trí tuệ làm gốc.

Tánh giác ấy tuy chúng ta có sẵn nhưng không phải lúc nào nó cũng hiện hữu. Chỉ khi nào chúng ta lạng hết vọng tưởng nó mới hiện hữu. Tại sao? Vì lâu lắm ta bỏ quên nên nó ẩn sâu bên trong. Hằng ngày ta bị trần

cảnh bên ngoài lôi kéo, phủ che tánh giác nên ta sống bằng thức tình vọng tưởng. Chử Thức là phân biệt, Tình là tình chấp. Chỉ khi nào thức tình vọng tưởng không kéo lôi, tánh giác mới hiện bày. Con đường luân hồi là con đường nợ nần của thức tình. Do vậy khó có người nào không bị sức hấp dẫn của nó nhận chìm. Chỉ khi nào ta nhận ra tánh giác thì mới chấm dứt con đường luân hồi.

Đôi khi chúng ta cũng nhận được tánh giác nhưng không giữ gìn được, không nuôi dưỡng được, nó lóe lên rồi mất, chúng ta lại tiếp tục trôi theo vọng tưởng. Khó là vì vậy. Rất nhiều Phật tử hâm mộ Phật pháp tìm tới đây xin tu, thời gian đầu tinh tấn lắm, nhưng sau đó vọng tưởng xui khiến họ muốn thối lui, viện lý do này lý do khác hoặc là buồn tẻ, khó khăn, chạy lạt, thức khuya dậy sớm... tu không nổi. Tuy nhiên đa số huynh đệ đã xuất gia rồi, nhờ áp dụng pháp Phật dạy tu tập thấy có ít nhiều niềm tin, nên sống bình thường an nhiên trong cảnh hôm sớm kinh kệ, vui vẻ làm việc với nhau. Trong lòng có đầy niệm, huynh đệ cạo gọt chuyển hóa nó,

không ai đại đột nương dựa những u nhọt đó làm gì.

Hồi xưa, thiền viện có những thiền sinh lớn tuổi, ngoài bảy mươi mới tới thiền viện, được Hòa thượng độ cho làm Tăng. Trong số ấy có vị rất xứng đáng. Một thầy trước khi xuất gia uống rượu dữ lắm, vậy mà khi tu rồi bỏ hẳn rượu, đi đứng thẳng thắn. Một thầy hút thuốc, hút không biết bao nhiêu mà kể, thuốc gì cũng hút. Thuốc rê, thuốc gói, thuốc cán, cho tới thuốc phiện cũng làm luôn, không tha thứ nào hết! Nhưng khi Hòa thượng đặt cái dao phủi tóc, Ngài dạy dao thứ nhất cắt phiền não, dao thứ hai cắt ái niệm, dao thứ ba cắt nhiễm trước... Dạy cắt như vậy rồi thì từ đó về sau cho tới chết, tuyệt nhiên không đụng tới một chút thuốc. Thật đặc biệt! Tôi rất trân trọng sự quyết tâm của những vị ấy.

Tôi nhớ có hai ông cụ hay quên, nên cứ nói tới nói lui cái chuyện trực mé sau chùa. Bữa nay tới phiên ông này gác, ông bắc ghế ngồi đó, rồi không biết tự nhiên ông nhớ bữa nay tới phiên thầy kia chớ không phải mình nên đi tụng kinh. Lên tụng kinh gặp thầy kia

cũng tụng kinh. Hai ông gặp nhau nói qua nói lại, cụ nào cũng muốn tụng kinh hết mà không dám bỏ nhiệm vụ gác chùa. Vì vậy lâu lâu hai cụ hơi kinh với nhau. Cụ này nói: - Bữa nay tới phiên tôi đi tụng kinh. Cụ kia nói: - Tới phiên tôi đi tụng kinh. Hai cụ đều ham tu hết, thấy thương lắm! Anh em còn trẻ, hơi dài, tụng kinh không mệt mà đôi khi muốn bỏ tụng kinh, còn hai ông già lớn tuổi, đứng lên lay xuống luộm thuộm lại không muốn bỏ tụng kinh. Thật đáng khen ngợi.

Thành ra, những huynh đệ đi trước tu hành cũng có đạo lực chứ không phải không. Tôi nói thế để huynh đệ phấn khởi, mình có những bậc đàn anh tu hành nghiêm túc. Hòa thượng đã có công đức giáo dưỡng, làm nên, gây dựng được những con người nền tảng của một thế hệ. Bây giờ tới chúng ta cũng phải thế thôi. Vị nào đi giảng dạy hay được phân công Phật sự gì, cũng phải làm đàng hoàng, đúng chánh pháp, đúng chủ trương đường lối của tông môn. Phải làm sao phát huy tốt những gì Hòa thượng đã chỉ dạy, thành tựu đúng như sự mong mỏi của Ngài.

Tóm lại, người tu thiền trước phải nhận ra vọng tưởng, đừng theo nó. Công phu dài lâu như thế tánh giác sẽ hiện bày. Việc này thật ra không khó, chỉ vì chúng ta không muốn thực hành hoặc thực hành không tới nơi tới chốn thôi. Những vọng tưởng lăng xăng có khi ta cũng thấy nhưng lại muốn khóa lấp, nuôi dưỡng, che chở nó nên không trừ diệt được. Ta làm trạng sư cho nó, chứ thật ra ta thấy cái hư hỏng, cái dở của mình rõ hơn ai hết! Đối với tất cả những thứ dấy niệm hư giả đó, ta làm chủ được rồi thì tánh giác hiện tiền. Nhà thiền dạy phải liễu liễu thường tri là vậy. Được thế đời sống của chúng ta luôn bình thường an nhiên.



ĐOẠN 9

Trần duyên rũ hết,
Thị phi chẳng hề;
Rèn một tấm lòng,
Đêm ngày đon đả.

Chú thích:

- Rèn: Tu tập.
- Đon đả: Siêng năng, sốt sắng.

Giảng:

Đoạn này Tổ dạy chúng ta với tâm kiên quyết ròng rặc lo tu, rũ sạch tất cả duyên

trần, không còn vương vấn. Người tu tối kỵ hệ lụy, không dứt khoát tu hành, cứ lừng lơ qua ngày. Sáng, trưa rồi chiều, tối cứ xiu xiu không nói gì ai, không chọc giận ai mà cũng không quyết tâm làm việc gì ra việc gì. Người rơi vô tình trạng này bản thân không chủ động chi hết, nhưng việc của người khác rủ rê, hú một tiếng là chạy theo liền, thành ra việc của ai họ cũng có mặt, cái nào cũng vướng. Đây là thái độ rất có hại trong công phu tu hành. Thanh quy của Thiên viện, thường nhắc nhở chúng ta tu thì phải quyết tâm cho sáng đạo, không nên có thái độ lừng chừng.

Công phu chưa đến mà mình không chịu nhận những lời nhắc nhở hoặc tự mãn tĩnh để khắc phục những bấp bênh nên lúc nào chúng ta cũng thấy như bị sóng bủa gió thổi. Chư Tổ dạy người tu phải tĩnh, phải giác để gây dựng thế chủ động nơi mình, không để bị lệ thuộc bởi bất cứ sự kiện gì xung quanh. Như buổi sáng có việc gì ngoài nhà khách, mình vẫn nghe rõ ràng nhưng chủ động. Việc trừ phòng, việc phân công tác... vẫn nghe nhưng chủ động. Ta làm bằng tâm chân

thật của mình, không có niệm khác. Làm thì làm, nghỉ thì nghỉ, thái độ dứt khoát. Trong thời gian làm việc, cũng không cho xen bất cứ một hiện tượng, một sự kiện gì ở bên ngoài.

Chư huynh đệ thử hôm nào đó quên đi cuộc đời của mình, cứ để nó lơ lửng sẽ thấy mình bị bên này xé bên kia lôi. Tới giờ tụng kinh mà trong lòng có chút bức xúc, chợt huynh đệ rủ ra nhà khách chơi, liền phân vân “nên đi tụng kinh hay nên đi chơi?” Ra tới ngã ba, nhìn vô thấy thầy mình là hơi ngại “bây giờ nên đi hay nên quanh lại?” Liên có huynh đệ khác rủ: “Thôi, đi xuống rẫy chơi.” Bước đi nhưng ngang thắt thầy lại thấy ngại. Ngại đây không phải sợ thầy làm gì mình, mà vì ông thần hộ giáo đang dòm dõi những hành động phi pháp của ta đây. Nhờ cái ngại đó mà mình mở con mắt ra, tỉnh một chút thì ông thần sẽ hướng dẫn quanh về, không đi bậy nữa.

Nếu ngại thì ngại mà đi vẫn cứ đi thì thần hộ giáo chán ngán không thèm theo giữ gìn nữa. Bấy giờ trời tới trước thất Hòa thượng, chó sủa. Trong bụng lo lắng “Chà!

qua cái trạm này bị báo động dữ đả, chắc sư ông biết rồi.” Nhưng liền đó huynh đệ bỏ nhỏ vô tai: “Ở dưới kia đang nấu mì, xuống dưới ăn chơi.” Cái đó mạnh hơn, cho nên thần hộ giáo, thần hộ giới, thần hộ đạo tràng, thần hộ tu hành... rút lui hết, kiếm đao chi mấy Ngài cắt tuốt “Thôi, chào thua! Để cho mày đi.”

Trong những đoạn đường đi, đương sự không yên trong lòng. Đó là một báo động rất cần thiết nhưng quý vị không tỉnh, không nhớ chi cả. Khi đi trót lọt và cuối cùng vào được vùng cửa rẫy rồi thì xem như an toàn. Vô đó rồi dù không ăn uống gì cũng ngồi đó. Bấy giờ ma lười, ma nhác, ma hư hỏng, ma vui chơi... xúm nhau tấn công. Lúc đầu có quen biết gì đâu, nhưng bữa nay rồi ngày mai, ngày kia có người rủ thành mình quen, cuối cùng không ai rủ mình cũng vẫn cứ lết tới. Bởi chư thần đã rút lui thì đâu có ai bảo vệ, chúng ma tha hồ nắm cổ lôi đi. Tiến trình diễn biến của nó là vậy thôi.

Cho nên đối với người tu quan trọng là phải có tỉnh. Tỉnh lực mạnh mới chinh đốn được những thói quen xấu. Việc chinh đốn đó

là công đức tu hành. Đức Phật Thích Ca trước khi vượt thành xuất gia, Ngài cũng ưu tư, đắn đo, đi dạo các cửa thành thấy những hiện tượng đau khổ của chúng sanh nên Ngài thức tỉnh. Sau những cuộc tham quan, thị sát để biết dân tình, trở về Thái tử càng ưu tư hơn. Ngài rất hứng hờ với những cuộc vui chơi ca hát. Sau đó Thái tử nhìn thấy các cung nhân mỹ nữ cách đây không lâu lựa là mềm mại, sắc đẹp mê hồn, mà bây giờ tất cả đều nằm lăn ra, nước miếng nước mũi, mồ hôi mồ kê chảy dài, ngủ mớ nói sàm nói bậy rất đáng chán sợ, không có gì để Ngài say đắm cả. Nỗi bức xúc dâng tràn trong lòng, cuối cùng Ngài đi đến quyết định từ giã tất cả. Đó là thân hộ giới đã thành công.

Chúng ta luôn luôn được báo động, được những vị thần cảnh tỉnh trước sự việc không hay sắp xảy ra nhưng mình vẫn phớt lờ nên cuối cùng hư hỏng. Trong mỗi bước đi nếu chúng ta thức tỉnh thì đã không xảy ra những việc đáng tiếc. Ngược lại, nếu trong lòng rỗng tuếch thì chúng ma bủa vây rồi bắt xác đi luôn. Tu hành như vậy biết chừng nào hết khổ, nói gì đến thành tựu đạo quả. Chỉ những

ai có vận dụng, có quyết tâm tu tập mới thấy giá trị thiết thực của Phật pháp, mới thấy diệu lực của công phu tu hành.

Ở Thiên viện huynh đệ không ai đốt Phật pháp, từ các vị cư sĩ mới vô cho tới chư Tăng lâu năm đều được học rất đầy đủ. Kinh sách rồi băng giảng của Hòa thượng Viện trưởng, của quý thầy rõ ràng chúng ta không đốt. Chỉ có điều làm sao áp dụng, thể nghiệm được Phật pháp mới là giá trị thực. Mỗi giai đoạn công phu đều là những chặng đường để để chúng ta thể nghiệm. Như muốn có một chén cơm chín, xốp, ngon, thơm dàng hoàng, mình phải đi từ người trồng lúa cho tới người sàng sảy gạo và nấu thành cơm, không biết bao nhiêu công đoạn trong đó, chớ đâu phải ập vô nấu là ăn được liền. Việc tu hành cũng vậy, bữa nào cũng “Nguyện Phật chứng minh cho con hết phiền não!” Huynh đệ nhớ phiền não của mình chứ không phải của Phật, Ngài ngồi cười hoài trên bực, chưa bao giờ tôi thấy Phật nhăn nhó, tại vì Ngài không có phiền não. Bây giờ chúng ta xin Phật cho mình hết phiền não, làm sao hết được? Của mình thì mình tự giải quyết chứ, sao lại bắt Phật làm

chuyện của mình. Đức Phật đâu có xin chúng ta cho Ngài hết phiền não đâu.

Nếu chúng ta không chịu lựa, buông bỏ, khắc phục phiền não thì làm sao nó hết được? Chỉ như một việc cắt sửa cây cảnh nhỏ xíu thôi, anh mà nhị tâm một cái là anh cắt tằm bậy hết trơn. Luôn luôn là phải tỉnh, vì năng lực của sự tỉnh giác rất lớn. Nếu chúng ta cứ lơ mờ nhất định sẽ đi vào con đường tăm tối. Huynh đệ phấn đấu lên, mình có được duyên lành mới xuất gia làm tăng tu hành, giờ chỉ còn tự tâm mãnh tỉnh là con đường về nhà không còn lầm lạc nữa. Nhiều người trong hoàn cảnh khó khăn vô cùng mà còn phấn đấu được. Chúng ta ở trong điều kiện thuận tiện, cố gắng phấn đấu chút nữa là sẽ đi đến thành công.

Thái tử Sĩ Đạt Ta muốn đi tu, không phải tự nhiên mấy ông tiên trong rừng bưng Ngài vô đó ngồi tu khổ hạnh. Năm lần bảy lượt năn nỉ với phụ vương, đâu là được! Vua Tịnh Phạn dứt khoát: - “Ta có mình con thôi, nếu con bỏ đi tu thì tương lai sáng ngời của Tổ quốc ta biết trông cậy vào ai”. Thế nhưng

Thái tử vẫn không chùn bước, Ngài thưa: “Nếu phụ vương đáp ứng được những yêu cầu của con thì con ở nhà.” Vua hỏi: - “Làm gì?” Thái tử thưa: - “Cho con đừng già, đừng bệnh, đừng chết.” Vua cha nghe chuyện đó là ngăn ngại, làm sao làm được?

Với quyết tâm ấy, Thái tử đã vượt thành xuất gia. Đi là đi với ngựa thần Kiền Trắc, người đánh ngựa là chuyên gia Xa Nặc mới điều được ngựa giỏi vượt qua những chỗ khó khăn. Thêm một quyết tâm nữa, khi nghe lời than của Xa Nặc, nếu lúc đó Thái tử còn quyến luyến thế gian, chắc khó cởi áo bào, ngọc ngà giao trả lại hết. Trong quá trình tu khổ hạnh sáu năm đâu phải giản dị. Ngài khắc phục, chịu đựng đến mức độ thân thể tiêu tụy chỉ còn da bọc xương, ngồi xuống đứng dậy không được, tàn tạ đến như vậy. Nhưng với quyết tâm kiên trì tu cho được, Ngài đến dưới cội Bồ-đề trải tòa cỏ ngồi và tuyên thệ: “Nếu không thành tựu đạo quả, dù thịt nát xương tan ta quyết không rời khỏi nơi này”. Cuối cùng đức Thế Tôn đã thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chúng ta thấy nhờ Phật quyết tâm mãnh liệt như vậy, ngày nay chúng ta mới có được giáo pháp siêu xuất. Chứ hồi đó Phật xiu xiu ỉn ỉn, ra đi rồi quanh trở lại như mình... thì thôi, chắc bây giờ chúng ta chết dở! Đức Phật không được một bậc ân sủng nào trên núi trên non, mà chỉ nỗ lực phấn đấu hết mình nên thành tựu giải thoát viên mãn. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh đến sự phấn đấu. Anh em mất sự phấn đấu thì ta sống chẳng khác như cục thịt, không có ý nghĩa gì hết. Ta đâu nỡ để mình như thế nên phải ráng lên, giải quyết sự việc ngay trong cuộc đời này. Có người nói Phật đạo xa diệu vợi, nhưng với thiên sư thì *một bước nhẩy vượt đến quê hương*. Giản dị quá.

Điều này thật rõ ràng. Ví dụ chúng ta muốn đi về Thành phố Hồ Chí Minh, ra trước chùa đón xe đàng hoàng, nhưng phải đứng hướng thì chậm mau gì cũng tới Thành phố. Một đoạn đường đi qua là gần tới quê hương bằng đó. Trái lại, muốn đi về Thành phố Hồ Chí Minh mà qua bên lề đón xe đi Vũng Tàu, thì cứ một phút một giây xe chạy là càng xa Thành phố. Rõ ràng như vậy. Cái nhìn của

các thiên sư cũng như thế. Cho nên một phút giây nào nhận lại, sống lại, không mất tỉnh giác, không bị ngược xuôi theo trần cảnh là sống được với quê hương. Được như thế thì đất nước ta thanh bình.

Việc tu sáng ngời trong từng bước đi, trong từng hơi thở của chúng ta, không phút giây nào lơ lửng, cứ thế công phu, thì lo gì không xong. Cuộc đời luôn báo động, đổi thay xuyên suốt, ta ở trong đó nhưng có chỗ đứng vững vàng, có công phu nhất định. Thế bình ổn của chúng ta qua từng chặng công phu hiện thấy rõ. Những mất mát giữa cuộc điêu linh sẽ không làm chúng ta sợ hãi đau khổ nữa. Hiểu Phật pháp, nhận được Phật pháp, áp dụng được Phật pháp huynh đệ sẽ thấy hạnh phúc vô cùng.

Ở đây Tổ dạy người áp dụng công phu phải có tâm kiên quyết rũ sạch duyên trần. Chữ 緣塵 (Duyên trần), trong chữ *duyên* có một mớ dây mơ rễ má, bộ *mịch* (糸) là dây mơ rễ má. Cho nên nói *nhân duyên*, *duyên nợ*, *duyên kiếp*, *duyên phần* tức là những dây mơ rễ má, những tư tưởng, những tâm niệm

vướng mắc hồi đời nào tới bây giờ. Chữ “trần” là bụi bậm, tức những gì trong cuộc đời này, chúng ta vướng mắc không rũ sạch, không đủ tinh lực, không đủ can đảm để cắt đứt nên nó vướng mãi. Cho nên nghe đến chữ “duyên trần” thiên hạ sợ lắm. Trong đó không biết bao nhiêu sợi dây chực sẵn, thuận cũng buộc mà nghịch cũng buộc, chạy ngã nào cũng bị buộc hết.

Không phải người kính nể lễ lạy, cúng dường ta mới kết duyên trần. Trong một chục người, khoảng hai người kính mình, hai người chửi mình, hai người lơ lửng... quý vị cũng đều đứng rồi. Cho nên một bước trên đường đời, nếu mình không làm chủ được để cho duyên nghiệp trôi buộc thì sớm muộn gì cũng bị nó dẫn đi. Là người tu phải cắt đứt những duyên trần, phải tỉnh giác mạnh. Chuyện phải quấy của người không bận lòng, đêm ngày chỉ rèn tấm lòng cho được trong sạch thôi. Quyết tâm này mới đáng nói đáng kể.

Huynh đệ nên nhớ không phải chúng ta quyết tâm tu một ngày một bữa là thành Phật. Nếu từ sáng tới chiều tu liền có thần

thông bay lên thì ai cũng phấn khởi hết, tranh dành để tu, bởi vì thời gian được định trước sẽ như thế. Tu hành không phải vậy, nó mênh mông thiên địa, đời này qua đời khác, giờ này qua giờ khác, kiếp này kiếp khác, chùng nào xong mới thôi. Do vậy, khi gặp chướng ngại khó khăn trắc trở chúng ta dễ nản lòng. Các thần hộ giới hộ giáo tới không kịp thì cuộc đời mình mất tiêu, ông kiếm mình không ra nữa. Chúng ta mà lẩn vào phố chợ rồi thì mặt mày tèm lem tuốt luốt, Phật, Bồ-tát cho tới bạn bè, người thân nhìn cũng không ra, nói gì mấy ông thần!

Tóm lại, đoạn này Tổ dạy chúng ta gìn một tấm lòng trong sạch kiên quyết tu tập. Ngày đêm lúc nào cũng sốt sắng siêng năng, sấn bước công phu, có như vậy mới mong thành tựu quả giác.



ĐOẠN 10

Ngôi cong trần thế,
Chẳng quản sự thay;
Vắng vắng ngàn kia,
Dầu lòng dong thả.

Chú thích:

- Ngàn kia: Rừng núi.
- Cong: Trong.
- Dong thả: Thông thả.
- Dầu lòng: Mặc tình.

Giảng:

Ngôi cong trần thế, tức là ngôi trong trần thế. *Chẳng quản sự thay*, là không màng tới việc đổi thay. Bởi vì người đã hiểu đã nhận được lẽ thật, thì việc thay đổi không

còn vấn đề quan trọng nữa. Ở chốn rừng núi lặng lẽ mặc tình, lòng thông thả an vui.

Đối với người tu, tất cả duyên đời phải cắt đứt. Tổ dạy chúng ta không bị lệ thuộc hay không quản đến đổi thay trong cuộc đời mới bình yên đi trọn con đường tu hành. Núi rừng là nơi cần thiết để ung đúc thành tựu sở nguyện tu hành tương đối dễ dàng. Do vậy, người xưa hành đạo muốn được thanh tịnh giải thoát, hầu hết các Ngài đều chọn núi rừng thanh tĩnh, để giảm thiểu sự ồn náo dưới phố thị. Có thể tâm dễ ổn định mới phát huy trí tuệ.

Chúng ta thấy rõ ở chợ khó tu hơn ở núi rừng. Thấy xe chạy ngó theo, thấy người đi để ý, thấy bán cái gì dụi lỗ mũi duyên theo, nghĩa là con khỉ vừa kêu vừa nhảy. Biết điểm yếu dở như thế nên Hòa thượng mới khung chúng ta lại. Khung như thế nào? Khung trong Thiền viện, khung trong pháp tu, khung trong giới luật. Để làm gì? Để trị bệnh yếu đuối, không làm chủ của mình. Khi nào chúng ta mạnh thì những phương tiện này không cần thiết nữa. Mạnh rồi thì cứ việc

lên xe mà đi Tây, đi Tàu, đi đâu miễn tu được là tốt, không ai bắt buộc mình cả. Nhưng bây giờ chưa mạnh nên mỗi lần xin đi thì bị rầy, nó lạ vậy! Nhiều vị bực bội, vô đây chi mà xin đi cũng bị rầy, nói tới nói lui hoài. Thật ra huynh đệ muốn đi đâu thì đi, nhưng về thân xác phải còn nguyên mới được. Đàng này lúc đi thì đủ nhưng về chỉ có xác mà không có hồn. Đi đâu về lơ lơ lửng lửng mất chủ, bỏ quên hồn phách ngoài phố hết rồi, có khi quên đường về nữa. Mệt quá!

Chúng ta yên lòng trong nếp sống Thanh quy của Thiên viện, có Phật pháp, có giới luật, có thầy bạn đùm bọc nhắc nhở để tiến tu, vượt qua mọi cám dỗ của ngũ dục. Khi nào vững vàng rồi thì thôi. Lúc đó Thầy tổ cũng phải viên tịch chớ đâu có sống hoài mà nhắc nhở mình. Còn nhỏ, huynh đệ không có sự nhắc nhở thì như trâu hoang đi đâu không biết, phá hoại ai cũng chẳng biết, dây dầm bỏ đâu mất hết trơn, lơ thơ lửng lơ giống như kẻ bụi đời. Vọng tưởng dẫn đi mất tầm mắt dạng. Nghĩ cho cùng quả thật thấy mình thương mình.

Cho nên huynh đệ cố gắng nỗ lực tu hành, làm sao khắc tỉnh. Bây giờ chúng ta không được ở núi rừng, nhưng ở Thiên viện cũng có hàng rào, có cổng đóng lại. Muốn đi đâu mà thấy cổng khóa rồi thì làm ơn trở vô dùm, đừng có trèo rào kỳ cục lắm. Thật ra, nếu không có những giới hạn đó huynh đệ rất khó vươn lên. Đời tu bị chôn vùi trong những cái vô lý như thế, thật không đáng chi hết. Cho nên kinh nghiệm sơ khởi của chúng ta là phải tỉnh, phải giác, trí tuệ sáng suốt không thể nào thiếu được. Giống đi đêm không cầm đèn, bao nhiêu sự kiện dưới chân mình đâu có biết. Nguy hiểm lắm.

Người tu thiên là người phát huy trí tuệ một cách tròn đầy. Phát huy trọn vẹn trí tuệ thì tất cả cảnh trước mắt không làm nữa. Đã thế thì những gì không thật, mình ôm đồm làm chi. Người không biết các pháp là đồ giả mới chứa chấp, nếu thật sự trí tuệ đầy đủ thì không còn pháp nào quan trọng nữa. Như đàm giải từ trong miệng của người bệnh khạc ra mà bảo nuốt vào làm sao nuốt được. Tu pháp gì trong đạo Phật cũng phải lấy trí tuệ làm đầu. Nhiều người niệm Phật để được

Phật rước, mà không chịu bỏ tham chấp si mê thì Phật cũng không thể rước được. Phật là giác, niệm Phật là nhớ tánh giác, sống với tánh giác. Tánh giác hiện tiền tương ứng với Phật, Phật mới rước, còn lơ ngơ lẩn ngẩn làm sao Phật rước được. Phải hiểu như thế, niệm Phật như thế mới được Phật rước.

Trở lại người tu thiền, trí tuệ được xem là vũ khí sắc bén nhất. Tất cả những hiện tượng trước mắt phải thấy rõ ràng, đúng như thật. Không được thấy sợi dây mà ra con rắn, không thể dùng kiến kể thấy cái này ra cái khác, phải thấy sự thực. Thấy được cái đó, hằng sống được cái đó, gọi là thấy được chân lý hay *kiến đế*. Chữ “đế” là chân lý. Chúng ta phẫn chấn, quyết tâm phát huy trí tuệ của mình, nhất định sẽ thành công. Cho nên trong kinh Pháp Hoa kể đứa con nít vừa cất chơi nói đây là chùa tháp, niệm Nam Mô Phật cũng được kết chủng giải thoát. Chủng tử ấy phát triển dần dần cho tới ngày thành tựu, được Như Lai thọ ký sẽ thành Phật.

Điều đó không có gì mờ ám. Như Long nữ là loài rồng cái mới tám tuổi, vậy mà tu hành

khai mở chỗ chân thật ấy tức thì thành Phật. Thành Phật nhanh đến mức độ các vị Thanh văn không ngờ. Cô dâng hạt châu lên đức Phật, Thế Tôn nhận lấy. Cô hỏi các vị Thanh văn việc nhanh chẳng? Các Ngài nói nhanh lắm. Cô bảo “tôi thành Phật còn nhanh hơn như thế nữa”. Nói xong liền bay qua nước Vô cấu hiện thân nam và thành Phật hào quang rực rỡ, chúng hội vô lượng vô biên. Đó là gì? Là chỗ sẵn có của mỗi chúng sanh, nó mới nhanh như thế. Nếu không sẵn có làm sao nhanh dữ vậy! Ở ngoài đềm vô thì còn phải thọc tay lấy, mà lấy kiểu đó Thiên sư không chịu. Các Ngài nói của báu bên ngoài đềm vô không là của nhà mình, phải từ hông ngực lưu xuất mới chân thật. Chỉ có cái bản hữu sẵn sàng mới nhanh như vậy. Chúng ta tu là phát huy cái đó.

Việc tu hành trên nguyên tắc không khó, nhưng chúng ta phải phẫn đấu. Tại sao phải phẫn đấu? Vì những nghiệp tập của mình. Tánh giác sẵn đó nhưng nghiệp che lấp nên ta không nhận ra được. Mỗi người sinh ra mang một cái họ, rồi vướng vào đó thành dòng tộc huyết thống, không thoát ra được,

chớ thật sự Phật tánh sáng suốt vô cùng, đâu có tên họ vướng víu lắm cảm như thế. Do đó chúng ta tu tập phấn đấu để vượt qua những võ cứng chấp chặt ấy.

Trước nhất ta không bị lệ thuộc bởi dòng họ riêng tư. Các huynh đệ vươn lên từ ý thức đó, nếu không sẽ vướng thoát ra không được. Chúng sanh đi trong dị loại cũng vì sự chấp chặt này. Trí tuệ không sáng, nghiệp thức mênh mang, đường trước mờ mờ tăm tối, đi mãi trong những con đường kết nghiệp, không biết lối về. Cho nên muốn thoát ra khỏi dòng lưu chuyển đó, chúng ta phải phấn đấu hết mình, tỉnh táo, khắc phục từng bước ném trái để vượt qua nghiệp tập của bản thân.

Tôi thường mượn hình ảnh “Trời trưa nắng gắt, gánh nặng đường xa, dốc ngược ta không có quyền đứng hoài, ngồi hoài, nằm hoài một chỗ. Mà phải vươn lên, bước tới, kiên quyết cho tới chừng nào đến đỉnh mới thôi.” Trong quãng này ai tăm tối chất thêm ngọc ngà châu báu vào gánh là người không sáng. Trái lại kẻ vất ra cho nhẹ gánh là người

sáng suốt. Gánh nhẹ thì dễ đi, lên tới đỉnh cao sẽ thấy khỏe. Nặng gắt chẳng ăn thua gì mà trời trưa cũng chẳng sợ chi. Chư huynh đệ phải cố gắng lên! Chúng ta học để tu, chớ không phải học suông vô ích.

Trong đoạn này, Sơ tổ Trúc Tâm dạy người tu hành tuy đang ở giữa cõi đời, đang tiếp cận với cuộc sống đổi thay vùn vụt như bao người, nhưng vẫn an nhiên tự tại, không bị các cảnh duyên làm dao động. Đó là tinh thần tiêu sái của người tu. Chúng ta hữu duyên được vào chùa, sống trong Thiền viện có nề nếp, đây thật là phúc đức. Có người cả đời tìm không được duyên tốt như vậy. Do đó huynh đệ ham tu không bị ai cản trở, chỉ sợ không chịu tu thôi.

Hoà thượng đã giáo hóa Tăng Ni, Phật tử nhiều năm và nơi đây trở thành tùng lâm, đông đảo Tăng Ni, Phật tử từ các nơi qui tụ về học đạo tu hành. Huynh đệ có duyên đến đây phải nên tranh thủ, đừng để thời gian qua nhanh không tìm lại được. Người biết tu thì tùy duyên tùy cảnh, nơi nào cũng có thể tu được hết, không nhất thiết phải lên rừng lên

núi. Noi gương người xưa, các Ngài đã sống cuộc đời tu hành, có vị theo duyên ở những nơi thâm uất đông đảo nhưng công phu đặc lực vẫn ngộ đạo, hoặc có nhiều vị sống trong cảnh núi rừng cô tịch, ăn lá cây uống nước suối, tu hành ngộ đạo v.v... chúng ta cũng thế, tùy cảnh tùy duyên, ngộ đạo là y cứ từ tâm kiên quyết của mình mà ra.

Nếu tâm không kiên quyết tu, cứ đi tìm cảnh này cảnh kia, chưa chịu dừng lại hạ mình xuống thì sẽ đi mãi thôi. Người như vậy có thể nói không nơi nào hợp với họ. Cuối cùng là khách phong trần, cứ quảy gói đi, một năm ở hai ba nơi, không nơi nào ở yên hết. Đó là do tâm chưa dứt khoát, chưa kiên quyết. Tôi nêu vấn đề này lên để huynh đệ thấy người tu trước nhất phải có tâm kiên định. Không thể lêu lổng theo vọng tưởng lăng xăng trôi dạt cả đời, không đi tới đâu hết. Người tu hành là người không quản đến việc đời. Muốn được như vậy chúng ta áp dụng phương pháp Hòa thượng đã dạy: *Người tu phải biết buông bỏ tất cả những cái lăng xăng, làm chủ được mình không bị vọng tưởng kéo lôi.* Cảnh duyên nào, pháp trần

nào, hành như trong tông môn cũng đều làm chủ được, không bị động bởi chúng. Đó là ý chính trong đoạn này.



ĐOẠN 11

Học đòi chư Phật,
Cho được viên thành;
Xướng khúc vô sinh,
An thiên tiêu sái (sái).

Chú thích:

- Tiêu sái: Tự do tự tại.

Giảng:

Học đòi chư Phật, cho được viên thành, chúng ta học theo Phật, tu theo Phật, thì phải tu học cho đến nơi đến chốn. Ở đây nói học cho được viên thành, chữ “viên” là tròn đầy, chữ “thành” là thành tựu. Chúng ta đã có tâm nguyện học theo con đường Phật đạo thì phải nỗ lực làm sao để được thành Phật

Chư Tổ thường nhắc nhở chúng ta mỗi niệm tu hành, mỗi lần được chiêm ngưỡng dung nghi của chư Phật, Bồ-tát đều là những phút giây ta phát huy sự tu hành của mình. Phát huy một cách tròn trịa, tích cực. Nhìn thấy dung nhan của đức Phật Thích Ca Mâu Ni chúng ta liền nhớ lại gương hạnh của Ngài và áp dụng hành trì theo pháp Ngài đã dạy, tức là tu hành để được giác ngộ giải thoát, chớ không mong chi khác.

Chúng ta có thể tu hành trong điều kiện không cần học vị cao, nhưng không có nghĩa là không học Phật pháp. Bởi vì với người không khéo, học vị cao sẽ làm chướng ngại đường tu. Chúng ta suy nghĩ nhiều, vận dụng tri thức nhiều, do vậy đánh mất cái thấy chân thật. Cuối cùng ta ngược xuôi theo những suy nghĩ, toan tính, mà không quên mất việc tu hành. Các Thiên sư nói: “Mặc cho ông giảng tới trời mưa hoa, đá gập đầu, cũng không dính dáng gì hết”. Cho nên việc tu đòi hỏi công phu nơi mỗi chúng ta. Điều này huynh đệ đã có thể nghiệm từ lâu nay rồi.

Chúng ta đã có thể nghiệm công phu, hằng ngày bám sát trực tiếp với vấn đề đó. Huynh đệ nào trực nhận thẳng như vậy tức là có công phu. Cái nhận này không phải từ các giác quan, cũng không là giác quan mà có. Chỉ ai thực tập mới thông cảm đến được. Người trực nhận khác hơn người chỉ mắt thấy tai nghe, rồi bị kéo lôi ngược xuôi dong ruổi theo âm thanh sắc tướng. Chúng ta nhớ các thiên sư khi có người tới hỏi đạo, các Ngài biểu “uống trà đi”, hoặc nói “cây bách trước sân” v.v... chúng ta không thể nào vận dụng tri thức sờ mó được việc đó. Chỉ có trực nhận mới ngộ được thôi. Điều này không phải chuyện đơn giản, song cũng không phải không thể thực hiện được.

Ví dụ mỗi chiều huynh đệ nghe tiếng đại hồng chung của Thiên viện, qua âm thanh tiếng hồng chung biểu hiện cái gì, tôi tin đã có vị nhận ra. Hoặc trong âm thanh của tiếng trống với những lời hô to, nhắc nhở chúng ta từng giai đoạn sự đổi thay nhanh chóng gấp rút. Mạng sống ngắn ngủi, thời gian qua nhanh, đại chúng phải siêng năng tu hành. Nhất định trong huynh đệ chúng ta, từ những

vị đã ở Thiền viện mười năm, mười mấy năm, hoặc năm ba năm, luôn cả những vị tịnh nhân cư sĩ. Nghe lời đó các vị ít nhiều cũng nhận ra hoặc lý hoặc sự, chớ không như người đời chưa biết gì về Phật pháp.

Người đời nghe tiếng trống, họ phân biệt tiếng trống này hay, tiếng trống này dở, người hô trống hay hoặc dở, chớ không nhận ra ý gì trong đó. Chúng ta vừa nghe nhịp trống là biết tiếng trống báo động vô thường, mọi thứ đổi thay nhanh chóng, mạnh sống của mình cũng thay đổi nhanh chóng, cần phải gấp siêng năng tinh tấn tu hành, chớ có buông lung. Nhận được như vậy, các vị đã giải ngộ hoặc tiểu ngộ rồi. Theo đó giữ công phu tu hành, phát triển tiểu ngộ thành đại ngộ, triệt ngộ. Rõ ràng có tu là có ngộ đạo, chớ đâu phải ù lì, ù ù cạc cạc hoài. Mỗi một thời thiền, mỗi một ngày sống trong Thiền viện, mỗi một ngày qua nhìn tất cả hiện tượng trước mắt, chúng ta biết rõ ràng sự kiện như vậy là công phu có tiến.

Hàng ngày chúng ta tiếp cận bao nhiêu sự việc đổi thay, nhưng vẫn cứ thờ ơ qua

ngày. Nếu chịu tỉnh, chúng ta sáng suốt nhận ra thực tướng các cảnh duyên thì sẽ ngộ đạo liền. Đó là những cơ hội cho chúng ta ngộ đạo liên tục từng ngày. Chung quanh mình còn nhiều sự kiện khác nữa cũng là những nhân duyên để ta ngộ đạo. Ví dụ ngoài nhà khách, thầy Trưởng Tri khách nhờ một vị cư sĩ trồng lại cây hoa đang tươi tốt, nhưng vị đó làm không đúng nguyên tắc, nên hồi sáng nó tươi tốt, tới chiều héo queo, sáng mai gục luôn. Cây hoa cách đó không lâu còn xinh đẹp mà bây giờ phải giao cho mấy vị kéo rác đi đổ, nhanh như thế. Vậy mà không ai ngộ đạo!

Có những vị tu hành lâu mà vẫn còn ngờ “Không biết mình tu như vậy có đúng không?” Sở dĩ ngờ như thế là tại vì trong sinh hoạt hàng ngày thiếu tỉnh sáng. Cho nên đối với Phật lý có nghe, có học, nhưng thiếu phần thực nghiệm. Do vậy nên còn nghi ngờ pháp, nghi ngờ tất cả những gì chung quanh mình. Thực ra, khi chúng ta tỉnh táo sáng suốt, quyết tâm hành trì pháp của Phật thì khả năng giác ngộ là điều không quá tầm tay.

Ở đây Tổ dạy người tu hành thì phải tu tới nơi tới chốn, phải có cái nhận sâu sắc. Nói cho dễ hiểu là ngộ đạo, chứ không phải học trên ngôn ngữ, văn từ. Huynh đệ muốn có học vị cao nên lao theo việc học mãi thành ra quên tu. Nếu vị nào lớn tuổi, từ lúc bắt đầu học cho tới có bằng tiến sĩ, thạc sĩ... chắc các tế bào học bị teo cơ hết, Tới giai đoạn đó cơ chế tổ chức tâm sinh lý của quý vị không còn như lúc thanh xuân, muốn tu cũng tu không nổi. Cho nên lúc nào cũng nỗ lực tu hành là người khôn ngoan nhất. Chúng ta sử dụng thân này như một phương tiện để thành tựu đạo nghiệp, không hành hạ nó cũng không để dui chiều theo nó. Sáng suốt sử dụng thân trong giai đoạn cần thiết là người biết tu, khéo tu.

Các vị tịnh nhân cư sĩ còn trẻ, cố gắng hạ quyết tâm tu hành, học hiểu hành trì cho tốt. Những phần giải ngộ, tiểu ngộ là bông hoa chớm nở cống hiến cho công phu ngày một thêm sâu. Từ đó chúng ta sẽ thăng hoa, tiến nhanh trên đường tu hành. Khi đã chọn con đường đạo rồi, chúng ta nhất định đi con đường đó, chứ không đi đường khác, cũng

không thối lui. Quá trình tiến đạo đi từ giải ngộ, tiểu ngộ đến đại ngộ và giác ngộ triệt để, nếu không quyết chí thì không thể thực hành trọn vẹn viên mãn.

Trong đoạn này Tổ dạy chúng ta đã phát nguyện tu hành thì phải được viên thành, không để dở dở ương ương chẳng tới đâu hết. Muốn xứng được khúc vô sanh, muốn an thiên tiêu sái thì phải tu cho sáng đạo, ngộ đạo. Chỉ thế thôi.



ĐOẠN 12

Ai ai xá cốc,
Bằng huyễn chiêm bao;
Xấy tỉnh giấc hòe,
Châu rơi lã chã.

Chú thích:

- Xá cốc: Nên biết.
- Bằng: Giống như.
- Giấc hòe: Giấc mộng dưới cây Hòe.

Giảng:

Tổ nhắc chúng ta nên biết thế gian như giấc mộng, huyễn hóa, không có thật. Trần gian vốn là mộng, thực hư cũng là mộng, say mộng hay tỉnh mộng vẫn là mộng. Giấc mộng

đó là mộng gì ? Mộng công danh phú quý, vợ đẹp con ngoan... tất cả chỉ như bầy kiến vàng dưới gốc Hòe, tranh nhau cắn lấy da thịt ta mà thôi. Giấc mộng cây Hòe này là xuất phát từ một điển cố:

Có anh học trò thi trượt nên rất đau khổ. Anh đi đến bờ sông gặp quán nước của một ông già, anh xin nước uống và được nghỉ nhờ. Ông già hỏi sự tình thế nào mà trông anh có vẻ thiếu nảo quá, anh kể lại tự sự rồi nói “Bây giờ tôi rất đói khát, trong túi không còn tiền, cũng không có mặt mũi nào về quê”. Ông già nghe vậy thương tình, bảo anh nằm nghỉ dưới gốc Hòe, ông vào bếp nấu nồi cháo kê cho anh ăn đỡ dạ. Trong thời gian nồi kê chưa chín, anh mệt quá ngủ say và nằm mộng thấy mình thi đỗ Trạng nguyên, được vua gả công chúa, hai vợ chồng bái tổ vinh quy, tiền hô hậu ủng. Sau đó trong nước có binh biến, vua sai anh đi đánh giặc. Thua trận trở về, giặc tràn vào bờ cõi, dân tình khổ sở. Bọn chúng thấy cô vợ đẹp của anh nên cưỡng bức đem đi, dinh thự tài sản của anh bọn chúng đều phá sạch hoặc vợ vét hết. Anh đuổi theo và một đường gươm quét ngang mình, anh

thét lên thì chợt giật mình tỉnh dậy, thấy bầu kiến vàng đang đốt dưới lưng, thì ra nồi kê vẫn chưa chín. Ông già hỏi chuyện gì, anh kể hết một cuộc đời mộng mị vừa qua, hạnh phúc vinh quang, khổ đau cùng đờ. Thời gian chóng vánh trong khoảng nồi kê nấu chưa chín. Cuối cùng mở con mắt ra tất cả chỉ là mộng.

Sự có mặt của chúng ta trên cõi đời này chỉ là một giấc ngủ say, rồi trong mộng mị ta nói mớ với nhau, có gì thật đâu. Hôm nào giật mình thức giấc thì huyền cảnh chiêm bao chấm dứt. Tất cả mọi hiện tượng xảy ra trong cuộc đời có khác gì giấc mộng gốc Hòe, vậy mà ít ai nhận được. Mọi người vẫn cho nó là thực nên vướng mắc trong đó rồi khổ đau. Chỉ hành nhân trong cửa thiền mới dám nhìn thẳng, bằng cái nhìn tỉnh sáng thấy được lẽ thật của cuộc đời là mộng, chóng vánh đến đổi cả một đời người chưa qua khỏi thời gian nấu chín nồi kê. Do đó hành giả trong tông môn không bị vướng mắc bất cứ thứ gì trên đời này.

Ngày xưa vua Trần cũng đã từng trải qua giấc mộng đó, thấy không có gì an vui

nên cuối cùng Ngài chọn con đường tu hành để được giác ngộ giải thoát. Đó là một con người thực, một Hoàng đế Việt Nam, một anh hùng dân tộc đã sống trải mọi thứ đến tột đỉnh, cuối cùng Ngài nhận ra tất cả chỉ là mộng nên buông bỏ hết. Ngài tu khổ hạnh trên núi cao và đắc đạo để hôm nay chúng ta có được bài ca này. Người xưa tu thành tựu thì chúng ta tu cũng thành tựu, không thể tự lui sụt mà phải cố gắng lên.

Thật đáng tiếc, nếu chúng ta là người trong tông môn mà không tỉnh sáng, không hành trì, không thể nghiệm được những gì Phật Tổ dạy, để cứ mãi sảng sốt giữa cuộc đời trần ai này. Huynh đệ hãy cùng nhắc nhở đồng viên nhau, đừng để mất tự chủ, đừng vướng mắc ngoại cảnh, đừng tạo nghiệp khổ đau dài dài trong vòng lẩn quẩn tử sinh nữa. Đó là chúng ta thật lòng vì nhau.



ĐOẠN 13

Cốc hay thân huyễn,
Chẳng khác phù vân;
Vạn sự giai không,
Tựa dường bọt bể.

Giảng:

Đoạn này Tổ dạy biết rõ thân như huyễn, chẳng khác gì mây nổi, muôn việc đều trở về không, giống như bọt ngoài biển cả không có gì thật. Biết như thế thì phải làm sao ? Phải tu. Chư huynh đệ nghiệm lại xem mình có biết thân là huyễn mộng không ? Chỉ một điều này thôi, nếu huynh đệ nào nhận biết rõ thân mình huyễn mộng, tâm cũng vô thường mộng huyễn thì vị đó tu hành đạt đạo, không có gì khó khăn. Ngược lại, những vị rất siêng năng tu hành nhưng không nhận ra gốc

gác của thân tâm này thì tu trọn đời cũng không xong. Chúng ta có tu nhưng giống như người tu mù, không nhận ra yếu chỉ nên không thành tựu chi hết. Bây giờ ai còn quý trọng thân thì khó tu lắm. Vì suốt ngày vị ấy cứ sợ thân đau, thân xấu, thân nhọc nhằn nên hệ lụy vì nó.

Người đời dùng thân này để thành đạt công danh địa vị ngoài xã hội, nên họ phải trau chuốt cho thân từ ngoại hình đến kiến thức. Từ cậu học trò quê nghèo họ phấn đấu xong cấp tiểu học rồi lên trung học, đại học. Vượt qua mọi thử thách để lấy được bằng thạc sĩ, tiến sĩ. Như vậy phần học vị xem như đã xong. Bây giờ họ sử dụng vốn luyện kiến thức này để có chỗ đứng trong xã hội, đồng thời cũng để góp tài góp sức mình cho đất nước. Giáo dục đào tạo của thế gian là như vậy. Đó là nói trên chiều hướng xuôi thuận tốt đẹp, nhưng đoạn đường đi từ cậu học trò quê dốt lên tới ông này ông nọ gian nan lắm. Sau khi đạt được địa vị danh vọng rồi, mỗi một con người còn theo công việc, theo nghiệp riêng của họ mà ảnh hưởng tốt hay xấu đến xã hội, đến mọi người chung quanh. Đạo đức được đặt

ra ở chỗ này. Không khéo cái vòng danh lợi cong cong sẽ xoay tròn họ như một cuộn chỉ rối, để rồi cuối cùng họ thấy cuộc đời mình chẳng có ý nghĩa gì cả. Cho nên Phật giáo dạy chúng ta phải thức tỉnh thân này, danh vọng địa vị này không thật để ta đừng mê đắm vào đó mà mất mình.

Thật ra cuộc sống có rất nhiều sự kiện để thức tỉnh chúng ta, nhưng vì mình cứ ù lì nên không tỉnh nổi. Như huynh đệ lâu nay chúng kiến cảnh chết chóc biết bao nhiêu lần. Lúc ấy mình thấy sợ nhưng vẫn không nghĩ cái chết đó đến với ta bất cứ lúc nào. Mình sợ quá nên nói chết ai thì chết chớ đừng chết mình và bà con dòng họ mình. Chúng ta hy vọng một cách không có bài bản, không hiểu biết chút nào hết, nên mong thì cứ mong nhưng có được đâu.

Chư huynh đệ thấy, ta vừa trưởng thành thì những người thân bắt đầu chết dần. Ông bà cha mẹ ra đi từ từ, có khi anh em năm mười đứa nhưng nhìn tới nhìn lui cũng không còn đủ. Ít có gia đình nào còn nguyên vẹn, không bị mất mát tổn thương. Nội điểm

này thôi, huynh đệ cũng *tiểu ngộ* được lý vô thường rồi. Nếu chúng ta tiếp tục nuôi dưỡng thêm những cái ngộ như thế thì lo gì không ngộ đạo.

Ngày xưa đức Phật phát tâm đi tu cũng từ vấn đề sinh tử của con người. Khi Ngài đến xin vua cha xuất gia, phụ hoàng không cho nhưng với tâm kiên quyết, Ngài yêu cầu nếu cha giải quyết được việc con người không bị già, bệnh, chết thì Ngài từ bỏ ý định đi tu. Vua Tịnh Phạn không giải quyết được nên Thái tử đã vượt thành xuất gia. Ngài cởi bỏ hết áo mão cân đai, ngọc ngà châu báu cho đến cung kiếm... gửi lại cho Phụ hoàng, sống đời không nhà học đạo, giải quyết cho xong vấn đề sanh tử của con người.

Bây giờ chúng ta cũng già, bệnh, chết nhưng chẳng cảm thấy phải giải quyết chi cả, cứ lầy lất sống qua ngày. Trong kinh nói kẻ bệnh hủi lở lói ngứa ngáy đến mức phải lấy lửa đốt cho đã ngứa. Tuy bệnh như thế nhưng họ cũng chỉ giải quyết tạm thời bằng cách dùng lửa hơ nóng vết thương cho đỡ vấy thôi, chớ không nghĩ cách giải quyết dứt điểm.

Chúng ta cũng thế, biết cuộc đời vô thường khổ đau nhưng tu có chừng cho đỡ khổ tạm, chớ không nghĩ phải giải quyết dứt điểm vòng trầm luân sanh tử này.

Người có trí khi mắc mứu sự việc gì họ nhất định phải giải quyết tới nơi tới chốn. Sơ Tổ dạy kẻ tu hành phải tu cho viên mãn, tu đến nơi đến chốn. Người xưa không làm lừa mứa nửa chừng hoặc dễ duôi qua ngày. Ngài dạy thân này là huyễn mộng như mây nổi, không lâu bền, muôn việc nổi trôi, thành bại giống như bọt biển. Tất cả những điều này do Ngài ngộ mà nói lại cho chúng ta, không có điều nào ngoài tâm nhận biết của mình. Ngay trong cuộc sống chúng ta liên tục tiếp nhận, chỉ có điều là không chịu giác ngộ thôi.

Nói tới bọt biển, tôi nhớ câu chuyện cô công chúa đòi râu chuôi ngọc bằng bong bóng nước. Cô công chúa cưng của một nhà vua nào đó trở thành “thiên thần bé bỏng” duy nhất trong triều, nên tất cả ngọc ngà quý báu nhất ở hoàng cung, cô đều chơi qua. Một hôm cô xin vua cha một râu chuôi ngọc cực kỳ long lánh. Nhà vua sai quan giữ kho lấy ra những

hạt ngọc đẹp nhất, quý nhất, mới lạ nhất để cô lựa chọn kết thành chuôi. Xem qua một lượt, cô lắc đầu chẳng chịu hạt nào, chỉ muốn một râu chuôi ngọc bằng bong bóng nước. Bởi mỗi khi nhìn thấy từng giọt mưa rớt xuống, nổi lên thành bong bóng nước có ánh sáng mặt trời chiếu vào lấp lánh ngũ sắc, đẹp một cách kỳ lạ! Cô muốn Phụ hoàng kết râu chuôi ngọc đó cho mình.

Mơ ước không được cô đâm ra thiếu não, bỏ ăn bỏ ngủ. Nhà vua kinh hoàng triệu hết những tay thợ khéo nhất nước vào cung và hứa sẽ trọng thưởng nếu ai kết được râu chuôi ấy. Bao nhiêu lượt người đến đều lắc đầu rút lui, không ai kết được. Nhiều ngày trôi qua, cô con gái cưng của nhà vua buồn quá nên thành bệnh nằm liệt. Vua cha càng lo lắng, râu rĩ vô cùng. Bấy giờ bỗng có một ông già không biết từ đâu đến xin yết kiến nhà vua, vì ông có thể kết được râu chuôi nước ấy. Nhà vua vui mừng quá triệu ông vào ngay. Công chúa nghe tin cũng hết bệnh và trở dậy. Ông thưa với vua và công chúa:

- Tôi có thể kết được râu chuối nước nhưng với điều kiện công chúa phải theo và cùng kết với tôi.

Ý kiến vừa nêu lên liền được chấp nhận ngay. Thế là chờ có trời mưa, ông già dẫn công chúa ra trước thềm rồng bảo:

- Bây giờ tôi bắt đầu kết râu, công chúa hãy lượm từng hạt bong bóng nước trao cho tôi, được hạt nào tôi râu hạt đó ngay.

Công chúa chú tâm chụp hết hạt này qua hạt khác, chụp mãi chụp mãi vẫn không được hạt nào. Mệt và chán quá, công chúa nói với ông già:

- Thôi tôi không cần râu chuối bong bóng nước nữa.

Thế là công chúa đồng ý cho nhà vua đem những hạt ngọc giá trị vô lượng ra cho ông già kết thành râu chuối ngọc thật.

Câu chuyện đã cho chúng ta một bài học rất hay. Không phải chỉ một mình cô công chúa kia như thế đâu, tất cả chúng ta đều thế cả. Cuộc đời, thân tâm này giống như những chùm bong bóng nước, vậy mà mình

muốn nó còn hoài, muốn giữ mãi. Con người đắm mê theo những huyền cảnh phù du để cuối cùng chẳng được gì cả ngoài sự mệt mỏi nhàm chán.

Thấy rõ các pháp mộng huyền không thật thì có gì để ta đắm mê đâu. Thân này không thật, tâm phân biệt suy tính không thật, mọi hoàn cảnh xung quanh cũng không thật. Đó là chưa kể danh vọng địa vị ... đến đổi vàng bạc, Phật nói là rắn độc. Như vậy có cái gì để chúng ta mê? Cái nào rồi cũng tan, như mây nổi, như bọt bóng. Kinh Kim Cang Phật dạy: “Phàm những gì có tướng đều như bọt, như bóng, như điện, như chớp.” Tất cả những điều ấy chúng ta giải ngộ hết rồi, bây giờ phải giữ gìn và phát huy trí tuệ đó. Làm sao từ giải ngộ đi đến đại ngộ, triệt ngộ.



ĐOẠN 14

Dem mình nấu tới,
Cảnh vắng ngàn kia;
Giốc chí tu hành,
Giấy sồi vó vá.

Chú thích:

- Sồi: Gai hay vải thô.
- Vó vá: Chắp vá.

Giảng:

Đoạn này Tổ dạy người tu đem thân ẩn nơi cảnh rừng núi vắng vẻ yên tĩnh, giốc chí tu hành, dùng chỉ gai thô kết làm đồ mặc, không sử dụng y phục thế gian. Những vị tu hành ngày xưa kể cả nhà vua chỉ dùng những vải thô, xấu tầm thường như giấy, hoặc gai thô. Như vậy để làm gì? Để cuộc sống không mất thời gian nhỏ nào cho việc ăn mặc, tiếp xúc, dồn tâm tư vào một việc chuyên nhất là

tu hành mà thôi. Một khi các ngài nhận được yếu chỉ của đạo rồi thì dành hết thời gian cho việc bảo vệ và phát huy đạo lý ấy. Phát huy những tiểu ngộ đến chỗ triệt ngộ, do đó các ngài không để mắc mưu hoặc bị trói buộc bởi duyên trần.

Bây giờ nhìn lại xem, có phải chúng ta bị mất quá nhiều thời gian bởi việc ăn mặc, ngủ nghỉ, tiếp cận. Tổ Quy Sơn nói việc thọ nhận càng nhiều thì mắc mưu càng nặng. Huynh đệ nào có phước duyên được cúng kính nhiều, thọ nhận nhiều, thì lời Tổ Quy Sơn nhắc nhở là rất cần thiết. Bởi nhận cúng kính càng nhiều thì càng bị ràng buộc, càng hệ lụy, khó vượt thoát để tiến thân. Do đó thanh quy của Thiên viện do Hòa thượng chế định có lợi rất lớn cho đời sống tu hành của huynh đệ chúng ta. Từ giai đoạn tập sự sang giai đoạn trở thành một thiền tăng, suốt quá trình tu học không cho việc tạp xen vào, tất cả tứ sự cơm áo thuốc thang đều có người lo, thiền tăng chỉ chuyên tâm tu hành. Nếu huynh đệ nào sống đúng theo tinh thần của thanh quy sẽ có đời sống an nhàn không bận rộn, không vướng mắc duyên trần.

Chúng ta mới tu đạo lực non kém nên vào chỗ ồn liền bị mất mình, chưa thể có sức tự chủ được do đó cần phải tránh duyên, trưởng dưỡng đạo tâm. Sự sắp đặt của Hòa thượng đối với Tăng Ni các thiền viện là sự sắp đặt phát xuất từ kinh nghiệm tu hành của Ngài. Đã từng làm tăng trải qua những giai đoạn học đạo, tu tập, hóa đạo v.v... Hòa thượng biết rõ điểm ưu điểm khuyết trong cách sinh hoạt của một tu sĩ. Từ đó Ngài rút ra một định hướng cho đường lối chủ trương tu thiền của Ngài sau này. Chúng ta vâng theo sự chỉ dạy, sắp xếp của Ngài là tránh được nhiều mặt khuyết mà trước kia quý Ngài đã gặp phải. Cho nên đây là một phúc duyên lớn mà chư huynh đệ cần phải trân trọng khi được tu học nơi Thiền viện.

Huynh đệ sống trong Thiền viện an ổn tu hành, trên có quý Thầy lãnh đạo lo lắng mọi điều. Đây là một hy sinh lớn cho huynh đệ, chỉ mong đại chúng yên tâm tu hành. Vậy mà anh em không nỗ lực tu, đôi lúc có vài người bày chuyện quấy gỏi đi, thật dở ơ là dở. Phải dành thời gian lo tu cho xong việc của mình, sao lại để những vọng tưởng điên

đảo chi phối kéo lôi mất đi tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề? Chúng ta chỉ nên giữ một tâm niệm duy nhất trong lòng, đó là giốc chí tu hành, bớt phương tiện bên ngoài chừng nào hay chừng đó. Đừng đòi hỏi, đừng lệ thuộc vào chúng sẽ rước lụy vào thân đấy. Huynh đệ theo phước, theo duyên của mình mà sống tu cho tốt.

Ví dụ trong giai đoạn này, chúng ta nương nơi phước của Hòa thượng, Phật tử biết chư tăng ở đây đông nên gửi gạo cúng. Nhờ thế huynh đệ chúng ta có đủ cơm ngày ba bữa. Nhưng tới lúc nào người ta ít cúng, mình phải ăn bớt đi một bữa, ta cũng vui. Vui đạo quên nghèo. Trong lòng không lo lắng chuyện đói no, chỉ giữ công phu thôi. Tôi tin nếu chúng ta vững vàng như vậy, Phật pháp sẽ không cô phụ người có chí đâu!

Ngày xưa có những vị Tổ ẩn sâu trong rừng núi, ăn lá cây uống nước suối, lấy lá khô chằm lại để che thân. Nghe có ai tìm đến đánh lễ các ngài rút vô rừng sâu hơn nữa. Trốn như vậy để làm gì? Để xong việc của mình, chứ không phải sợ ai. Việc mình chưa

xong mà không chịu lo thì biết chừng nào mới xong? Bây giờ chuyện tu hành là của mình, ta không tu thì ai tu thế cho đây? Không phải 140 huynh đệ ở đây, có một thầy tu thành Phật là 139 thầy kia thành theo. Không có chuyện đó. Một thầy thành Phật thì chỉ thầy ấy là Phật thôi, còn 139 vị kia nếu tạo nghiệp luân hồi thì vẫn cứ lăn lóc trong luân hồi sanh tử. Lăn lóc cho tới bao giờ u đầu sẩy trán hết chịu nổi, quanh trở lại tu chí tâm chí cốt mới thành Phật.

Tổ dạy những điều hết sức bình thường như biết tránh duyên, biết dừng tạo nghiệp, quyết tâm tu cho tới nơi tới chốn, sống bằng tinh thần tỉnh giác, không để hệ lụy bởi đời sống vật dục ở thế gian. Tuy lời dạy bình thường nhưng mọi người khó vượt qua được, nên nó trở thành phi thường, chứ không phải Phật pháp quá cao xa ở trên trời trên mây gì.

Muốn giốc chí tu hành thì chúng ta phải đầy đủ ý chí, đầy đủ dũng lực, gan dạ phi thường mới hoàn thành việc tu, chứ không thể làm lừng khừng lấy lệ. Nói đến ý chí chắc rằng chúng ta không ai thiếu ý chí. Bởi có ý

chí huynh đệ mới phát tâm tu, chịu cực chịu khó, chịu sự huấn dục dạy dỗ của các bậc thầy. Song có điều, có ý chí nhưng chưa giốc chí. Có ý chí nhưng ý chí ấy chưa mạnh mẽ thẳng tiến nên chưa thành tựu được việc lớn. Chúng ta vẫn còn lơ đãng, xem thường công phu hằng ngày, hằng giờ, hằng phút, hằng giây... chưa biết quý tiếc thời gian và cũng chưa dồn hết mọi nỗ lực vào việc tu hành.

Chư huynh đệ nên nhớ việc gì đến với ta đó là quả, không phải nhân đâu. Người học Phật nên tinh nhiệm điều này. Ví dụ căn bệnh nào đó tới với chúng ta, không phải bây giờ nó mới tới, mà từ lâu nó đã nhiễm và ủ bệnh trong thân thể ta rồi. Đến khi nó quật ra thành bệnh trạng khiến mình đau đớn khổ sở là quả đã tới rồi. Khi quả tới chúng ta mới chạy than, tìm cách chữa trị thì đã muộn mất. Đa số bệnh nhân đều như vậy.

Trở lại cuộc đời tu hành của chúng ta cũng thế. Những chủng tử nhiễm như từ lúc còn nhỏ, ta không hề để ý. Bởi không để ý nên nó loang nhiễm to dần rồi đậm cứng, kéo dây mơ rễ má đầy hết, tới lúc mình than

trời thì sắp chết rồi, cứu đâu kịp nữa. Như một vị tịnh nhân khi mới vào tập sự, hoàn cảnh sống trong Thiền viện chưa thích hợp: thức khuya dậy sớm, ăn uống đạm bạc, làm việc nặng nhọc... gặp những điều bất như ý nhiều hơn những điều như ý. Thế là quý vị nhớ lại hồi xưa mình ăn uống, ngủ nghỉ, đi chơi... tự do thoải mái, bây giờ việc gì cũng khép mình vào nội quy thật gò bó, tù túng. Trong tâm khởi lên niệm phiền não bực bội và nó được ghi vào trong tàng thức.

Nếu quý vị không biết tu chỉnh, niệm phiền não ấy mỗi ngày mỗi đậm hơn. Hôm qua nó được ghi dưới gốc Bồ-đề trong lúc huynh đệ ngồi bàn tán chơi. Bữa nay nó ghi đậm hơn trong công việc thầy kêu làm bất thường. Và nó sẽ ghi đậm hơn nữa vào buổi khuya mình bị kêu thức dậy quá sớm. A, nó cứ đậm thêm đậm thêm như vậy chừng nửa tháng thì lên tới phương tượng: “Thưa thầy, hôm trước con xin ở tập tu một tháng nhưng bữa nay, ở nhà có việc này việc kia nên con xin về.” Tới lúc này ông thầy chỉ có nước gật đầu thôi, chứ làm gì được bây giờ. Thật ra giây phút từ giã “con xin về” đó là hậu quả

sau cùng từ một niệm ban đầu thiếu tỉnh giác đó thôi.

Ở đây, tôi muốn nói đến việc khởi niệm rất quan trọng đối với người tu thiền. Nếu chúng ta không tỉnh, không buông bỏ niệm mà để cho nó dẫn đi, nó thao túng thì nhất định nó sẽ đẩy cả sinh mệnh của mình xuống vực thẳm. Có những vị muốn bỏ chùa đi quách cho rồi nhưng không bỏ được, không biết đi đâu? Làm gì? Liệu ra ngoài có yên không?... Bao nhiêu nghĩ suy làm họ chùn bước, tiến thì không tiến được mà lùi thì cũng không xong. Sống trong tình trạng thượng bất chí, hạ bất đáo. Lơ lửng. Triết Đông phương nói “Con người đứng giữa ngã tư bị xé mé này bị xâu mé kia.” Nói rất hay. Chúng ta có khi không khéo bị vướng trong cảnh ấy, nên gương mặt lúc nào cũng nhăn nhó, ăn cơm không ngon, tu hành không vui, học giáo lý chẳng thấy gì, làm việc càng nản dữ.. Đã thế thì cứ ngồi đó mà đợi hậu quả tới. Hậu quả này tới hậu quả khác, đó là những hậu quả thông thường trong đời này, chưa kể nhiều hậu quả từ nhân quá khứ ập tới. Hai, ba hậu quả tới chồng chập nên rất dễ rách gói ra đi lắm.

Người đời cũng vậy. Nhiều khi buồn nản quá, không biết làm gì, vô quán nhậu. Họ viện lý do này lý do nọ, nhưng thật ra chính yếu là do không làm chủ, nên bị niệ**m** bất giác lôi kéo vào con đường xấu. Như đang ở nhà, buồn bực sao không biết tự nhiên xách xe chạy khan. Chạy đi đâu? Không biết chạy đi đâu, cuối cùng lầm lũi vô những chỗ tối tăm. Hồi vô mặt còn trắng trẻo xinh đẹp, tới chừng đi ra thì đen thui đen thui, rồi cứ thế lầm lũi mà đi trong cuộc đời dị thể. Cho nên người ta gọi là rơi vào hố thẳm của cuộc đời.

Nhà thiên gọi hành giả là những chiến sĩ đối chiến với chính mình. Lúc nào cũng phải tỉnh sáng, dũng mãnh kiên cường, gan dạ phi thường mới vượt qua được chính mình, trở về đất thật bình yên. Anh em thử nghiệm lại xem hằng ngày chúng ta đối diện với trăm ngàn thứ hậu quả, nhân mình gây hồi nào không biết mà bây giờ nó trở rõ. Nhiều anh em đang sống chung bình thường, nói chuyện với nhau một hồi, anh này nổi sân với anh kia:

- Anh vô lý! Bữa nay tôi có làm gì anh đâu mà nổi sân với tôi ?

Nhưng thực sự không phải bữa nay, mà hôm qua hôm kia gì đó:

- Tôi nghe anh nói bực lắm nhưng tôi không nói! Bữa nay anh xạo xạo lại nữa tôi mới nổi nóng. Tôi nực lên rồi nghe, anh nói hồi nữa là tôi thoi đấy.

Vậy đó, không phải chuyện mới đâu, mà nguyên nhân đã có từ trước. Như câu chuyện của ngài Xá Lợi Phất, một vị đại đệ tử của đức Thế Tôn. Ngài là cánh tay đắc lực nhất thay đức Phật giải quyết tất cả công việc trong đại tăng, chỉ sơ hở một tí thôi mà sanh chuyện. Ngày măn hạ, chư Tăng các nơi về kính lễ, mừng thọ đức Thế Tôn rất đông. Chư Tăng ngồi khít nhau, trong đó có mấy vị tân Tỳ-kheo chưa đắc quả. Ngài Xá Lợi Phất đại diện đức Thế Tôn nói vài lời ủy lạo chư Tăng. Thăm hỏi rồi chúc mừng cho huynh đệ qua mùa an cư được lợi lạc. Lúc bước xuống Ngài sơ ý đạp lên chéo y của một vị Tỳ-kheo, ông ấy nổi sân, trong bụng thầm nghĩ: “Xá Lợi Phất ý là đại đệ tử của Phật nên dẫm lên y

ta...” Từ đó sanh sự làm âm lên với đức Phật và đại chúng về việc ngài đã đập lên y của thầy. Đức Phật biết rõ do tâm đố kỵ mà Tỳ-kheo này đã làm như thế, Thế Tôn quở trách và chỉ rõ phiền não đang ngự trị hoành hành trong tâm thầy ấy. Do chưa dứt lậu hoặc nên thầy đã không làm chủ được niệm khởi, tạo nghiệp nhân xấu, Phật dạy thầy phải nên sám hối và nỗ lực tu hành mới có thể thoát khỏi quả xấu.

Hồi xưa còn như vậy, chúng ta ngày nay có biết bao lỗi lầm, sơ suất trong cuộc sống. Cho nên tâm buông xả, tâm tu hành yếu một chút thì sẽ gây nhân bất thiện. Nhân đã tạo thì quả sẽ đến nếu mình không lo tu tập chuyển hóa sớm. Vừa rồi tôi có nhận một lá thư của vị Phật tử đã hơn bảy mươi tuổi. Trong thư ông kể có đứa con trai, hồi nhỏ hay trốn học đi chơi. Nói hoài không được có lần ông đánh tới năm chục roi. Nhờ trận đòn đó nó không dám đi chơi nữa, học xong chứng chỉ lớp chín rồi thi vào trường công nhân trung cấp. Sau khi học hành thi cử, nó đi làm bình thường.

Thời gian gần đây nó thương một cô và muốn đem cô đó về nhà. Ở nhà không chịu, nó có thái độ gần giống như hành hạ mẹ nó, còn đối với ông nó nói: - Ông chết rồi tôi sẽ chẻ cái hòm, chẻ cái đầu của ông ra để trả thù hồi đó ông đánh tôi năm chục roi ! Trời đất ơi, con cái vậy đó. Ông viết thư hỏi ý kiến tôi và xin chỉ dạy cách thức tu hành. Tôi gửi một số sách cho ông bảo “cụ ráng đọc rồi theo đó áp dụng tu, thanh thân phần nào hay phần ấy”, chứ thằng con như thế, tôi cũng không biết tụng kinh gì để tiêu hết cái tội đòi chẻ hòm, chẻ đầu cha nó!

Thật ra trong quá khứ cũng có nguyên nhân sao đó mình không biết, chứ đời này do cái nhân năm chục roi mà người cha trở thành kẻ thù của đứa con. Cho nên huynh đệ phải cẩn thận, làm việc gì phải hiểu rõ luật nhân quả, chớ có khinh suất mà chuốt khổ chuốt nạn, tu không được. Chư huynh đệ ráng học theo điều Hòa thượng đã dạy làm chủ được các dấy niệm, buông tất cả vọng tưởng, đừng để nó dẫn đi vào con đường khổ đau. Muốn được tự tại giải thoát, ngay bây giờ chúng ta phải làm chủ được mình, đủ tỉnh lực

buông các dấy niệm. Như vậy mới gọi là giốc chí tu hành theo như lời Tổ Trúc Lâm dạy.

Chúng ta tu thấy vui là khi nào tỉnh táo, tin sâu nhân quả, nên nhớ không có gì thoát khỏi ngoài luật nhân quả. Nếu chúng ta chưa dứt sạch phiền não, chưa hoàn toàn giác ngộ thì luôn luôn chịu sự điều động chi phối của luật nhân quả. Do không tỉnh sáng, chúng ta gây không biết bao nhiêu nhân xấu, bây giờ trở quả khổ lại trù trù không ưng trả. Như vậy đâu có được. Như hồi đó mình vay bà cụ hàng xóm năm ngàn, bây giờ bà đòi bốn ngàn mình vui trả mà còn nhắc: - Cụ ơi, cụ đòi bao nhiêu đó chưa đủ, còn một ngàn nữa mới đủ năm ngàn cho cụ. Như vậy hay biết mấy! Nhưng thường đâu ai chịu thế, mượn cả trăm ngàn người ta đòi mới hai ba ngàn là nổi sùng lên cãi vã này nọ. Như thế trả không biết chừng nào mới hết nợ.

Khi gặp cảnh bất như ý, chúng ta cần phải hiểu đây là quả mình đã gây tạo từ trước. Không biết nhân hồi đó thế nào, mình vay bao nhiêu mà trách người ta đòi quá đáng? Nói người quá đáng là chúng ta đã lấn

lướt trong đó rồi, biết mình đã nợ bao nhiêu mà trách người. Hiểu như vậy mới không gây tạo thêm nhân khổ đau, nếu không nợ cứ chất chồng mãi chẳng biết bao giờ giải quyết cho xong. Cứ bên đây nói câu hơi nặng thì bên kia trả lại câu hơi gắt, như thế diễn biến thì thật là nguy vô cùng.

Cho nên người tu phải sáng suốt gan dạ chấp nhận trả quả, vui vẻ trả thì sẽ hết. Giả dụ như đời này sức khỏe kém, mạng sống ngắn ngủi, mình cũng nguyện “Nếu con còn nợ nần với ai xin cho được tiếp tục trả ở đời sau. Và con nguyện, không vay nhân với bất cứ ai nữa, để được an vui giải thoát”. Chúng ta cứ nguyện như thế, hành như thế thì đủ lực lượng sống giữa cuộc đời này. Nếu thấm nhuần đạo lý Phật dạy ta sẽ thấy cuộc đời của mình có chuyển hóa, những cái dở trở thành tốt. Mỗi chúng ta chiêm nghiệm, xét nét thật kỹ tâm mình như thế nào để biết mà tu, mà chuyển hóa. Có như vậy mới tiến được.

ĐOẠN 15

Lành người chằng chớ,

Dữ người chẳng hay;
Ngậm miệng đắp tai,
Hề chi họa cả.

Chú thích:

- Chẳng chớ: Chẳng để ý đến.
- Ngậm miệng: Không nói.
- Đắp tai: Không nghe.

Giảng:

Ngài dạy cái hay của người không màng, cái dở của người không biết, chỉ lo xét nét cái hay dở của mình để tu sửa mới là bản phận gốc của người tu. Ngậm miệng đắp tai lo tu hành thì không vướng họa. Người tu là người nhìn lại mình. Do vậy nên cẩn ngôn, mọi sinh hoạt đều phải xứng hợp với hàng xuất gia.

Huynh đệ đừng nghĩ rằng mình còn nhỏ sống thoải mái một chút, không cần bắt buộc thu thúc lục căn. Tới khi nào làm thầy thiên hạ mới sửa mình. Như thế không kịp đâu, chừng ra làm thầy rồi mình cũng quen thói “hung hăng” thì làm thầy ai được? Bởi vì

nghiệp tập không dễ buông xả trong một ngày hai ngày mà hết được. Cho nên chúng ta phải tu sửa, phải chỉnh đốn ngay lúc còn nhỏ, còn mới. Những gì sai lầm không đúng tinh thần của người tu hành thì bỏ đi. Bỏ đi là một chuyện, còn phải không cho tái phạm nữa. Như vậy mới đúng tinh thần tu hành.

Im lặng không nói, bịt tai không nghe, chuyện thị phi của người chẳng thèm để ý tới. Nếu được như vậy thì họa nào đến với mình? Đó là ý thứ hai, ý này cũng không dễ dàng thực hiện đâu. Chúng ta có lỗi tai mà đối với âm thanh giống như bịt tai lại, có miệng nhưng giống như không biết nói. Chuyện thị phi của người chẳng thèm để ý. Trong Nho học có câu thế này: *Lai thuyết thị phi giả, tức thị thị phi nhân*, nghĩa là người mang chuyện thị phi tới với mình, chính người đó sẽ là người thị phi mình. Thị phi là phải quấy, tốt xấu, hay dở... đại khái những cặp đối đãi nhau. Chúng ta để vướng vào đó rồi, có thể nói cả đời mình không còn giá trị gì hết, nhất là người nam tối kỵ nói chuyện thị phi của người. Vì vậy có câu: *Nam nhân chi chí, hải hà chi lượng*. Người nam mà mắc mứu chuyện

này chuyện kia thì khó gây dựng cho mình một tri thức để phát huy trí tuệ bản hữu rộng rang sáng suốt. Huynh đệ nào vương vô đó rồi thì giống như bị Thiên la địa võng bao vây, ba bên bốn phía đều bủa khắp. Cứ bàn tán chuyện hay dở của người này người kia, thì giờ đâu nữa mà tu. Việc của chính mình còn không xong, nói gì làm lợi ích cho Phật pháp, cho Tông môn.

Bậc trưởng phu không sống như thế. Chư Tổ dạy người quyết tâm xuất gia tu hành dám bỏ cha bỏ mẹ, bỏ hết sự sản thế gian vào chùa học đạo cốt được giác ngộ giải thoát, sao lại có thể quên đi chí nguyện cao thượng ban đầu mà chạy theo những việc tiểu tiết tầm thường! Hòa thượng Viện trưởng dạy chúng ta tu như thế nào? Rất đơn giản. Nghe mà không dính không chạy theo âm thanh, không chạy theo trần cảnh, không chạy theo việc hay dở tốt xấu dài ngắn bên ngoài. Nghe được như vậy thì cho nghe mặc tình, chứ không bắt đóng lỗ tai lại. Nhưng nghe mà dính mắc thị phi thì không nên nghe, phải đóng tai lại. Bởi vì nghe như thế mất hết thời giờ, tu hành không được. Vô ích.

Đó là những bài kinh ruột để chúng ta thắng bớt tâm buông lung, tâm điên đảo, không bị vọng tưởng kéo lôi. Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy “Sáu căn tiếp xúc với sáu trần, đừng có bị vương mắc”. Đó là những pháp tu chỉ thẳng. Đối với cái miệng, nếu không tu được chúng ta gây lỗi nhiều lắm. Những lỗi chính của miệng là gì? Nói dối tức chuyện có nói không, chuyện không nói có. Nói đâm thọc, đâm bên này thọc bên kia, lời nói chia lìa ân nghĩa. Nói phịa ra, đặt điều nói thêm thắt cho người chia lìa oán hận nhau. Nói thô, mắng chửi người ta khiến người ta đau đớn khổ sở. Cái miệng nguy hiểm dường ấy! Đọc truyện chúng ta thấy có những vị giảng kinh thuyết pháp, tới khi tịch lười mọc hoa sen. Nên miệng quan trọng lắm, rất cần tu cái miệng.

Ý nghĩ là phần chủ động bên trong. Chúng ta nghĩ ngợi gì ông trời cũng không biết được. Có ai nhìn thấu được ruột gan ai đâu? Nó là con khỉ lẳng xăng chạy nhảy lung tung, khó điều phục lắm. Cho nên Tổ dạy trong các oai nghi, trong các hành động không vương mắc. Có miệng nhưng đừng nói

chuyện tạp, cần im lặng thì im lặng sấm sét. Có lỗi tai nhưng không nghe âm thanh bên ngoài, hằng sống với cái thường nghe của mình. Là thế nào? Ví như có âm thanh mình nghe hết nhưng không chạy theo cái nào, ngồi đây nghe rõ tiếng quạt máy, tiếng gió thổi, tiếng lá rụng, tiếng xe chạy, tiếng kèn... nhưng không dính tiếng nào. Nghe rõ ràng không bị lãng tai, không lũng bùng, nghĩa là mình có tánh nghe sáng tỏ nhưng không vướng âm thanh nào hết.

Chúng ta tu sửa đàng hoàng như vậy rồi, đối với sinh hoạt hằng ngày không chạy theo ngoại cảnh, không thị phi, không vướng mắc chi hết. Đó là bậc đạo nhân, trong nhà thiền rất quý trọng những mẫu người như vậy. Tuy thấy họ cũng ăn cơm, cũng làm việc, cũng cười nói bình thường, nhưng cái bình thường đó là bình thường của đạo, “bình thường tâm thị đạo”. Anh em nên tu tập như thế. Ví dụ mình có cái miệng hay nói chuyện này chuyện kia, bây giờ sửa lại. Người xưa bảo phàm trước khi mở miệng phải uốn lưỡi bảy lần. Lưỡi nào mà uốn dữ vậy? Tức nhắc nhở chúng ta phải có trí tuệ, xét thấy việc gì cần

nói thì nói, không cần nói thì thôi. Nói như vậy không có lỗi, cuộc sống tương giao êm thấm, hòa hiếu thì làm gì có tai họa?



ĐOẠN 16

An thân lập mệnh,

Thời tiết nhân duyên;
Cắt thịt phân cho,
Dầu là chim cá.

Giảng:

Người tu tìm nơi non cao yên ẩn tu hành, đó là an thân lập mạng. Tùy theo thời tiết nhân duyên, cố gắng sẽ có ngày sáng. Khi ấy không còn quý tiếc thân nữa, đối với chúng sinh thương như người thân, có thể cắt thịt phân cho, dầu là chim cá cũng sẵn lòng. Tổ dạy chúng ta tu hành an thân lập mạng, đến lúc buông xả được thân này. Thấy thân không thật nên khi cần có thể cắt thịt phân cho chim cá ăn mình cũng sẵn lòng, bởi vì không còn bị lệ thuộc thân này nữa.

Thân này do nhiều thứ hợp lại, gọi là thân ngũ uẩn. Trong đó gồm năm thứ: Sắc uẩn chỉ cho phần vật chất gồm bốn thứ Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại và Phong đại tức đất nước gió lửa. Đất là những phần cứng trong thân, nước là những chất dịch, gió là hơi thở, lửa là hơi nóng ấm trong người chúng ta. Còn lại bốn uẩn Thọ, Tưởng, Hành, Thức chỉ cho phần tinh thần, thuộc về Tâm pháp. Thọ là

những cảm thụ, Tưởng là những tưởng tượng, Hành là suy nghĩ, Thức là phân biệt. Thân này gồm sắc chất và tâm pháp hợp lại, đó là thân giả tạm không thật như huyễn như hóa. Huyền hóa là sao? Vì những thứ hợp lại đó không có thứ nào thuận với thứ nào, chúng luôn chống trái nhau nên rất dễ tan vỡ. Như đất gặp nước đất sẽ tan, lửa gặp gió lửa sẽ tắt... Tóm lại những thứ đó không hòa hợp gì hết.

Trong kinh A-hàm Phật nói giống như bốn con rắn độc nhốt chung một chuồng, chúng luôn cắn xé nhau. Thân này cũng vậy, không bao giờ yên ổn mạnh khỏe hoàn toàn. Lúc nào cũng có sự bấp bênh, lo sợ, lằng xằng đủ thứ hết. Để thấy rõ thân không thật, chúng ta chỉ nghiệm nơi một hơi thở, đủ biết thân này mong manh như thế nào rồi. Khi một hơi thở ra không hít lại là đã qua đời khác. Dù thân to bao nhiêu, giỏi đến cỡ nào mà một hơi thở ra không hít vào đều kể như bỏ. Rõ ràng như thế.

Một hôm đức Phật kêu các thầy Tỳ-kheo lại hỏi: - Mạng người sống trong bao

lâu? Có thầy nói năm năm, mười năm. Có thầy nói một ngày, nửa ngày... Đức Phật đều bảo: - Ông chưa hiểu đạo. Cuối cùng có vị ra đánh lễ thưa: - Bạch Thế Tôn, mạng người sống trong hơi thở. Phật bảo: - Ông mới thật là người hiểu đạo.

Thân này là đồ bỏ, không thật, vậy mà chúng ta cứ ôm giữ, Phật bảo thật đáng thương xót! Như người mắt không sáng, đêm ba mươi đi trong gai góc hầm hố thật nguy hiểm. Cho nên ở đây Ngài dạy chúng ta phải làm chủ được các giác quan của mình. Nghe thấy rõ ràng nhưng không chạy theo âm thanh sắc tướng bên ngoài thì có gì để khổ? Như có người chỉ vô mặt mình nói:

- Anh nói tầm bậy!

- Ồ! Chắc tôi nghiên cứu chưa tới nên nói bậy.

Thì thôi, đâu có chuyện cãi vã nhau. Cho nên nếu sống được như vậy thì tai họa không dính tới mình. Người tu hành có công phu sâu dày, đối với thân này không còn quý tiếc, chỉ phương tiện dùng nó để tu thôi. Cho

nhên hồi xưa những vị ở trong núi có thể thí xả thân mạng một cách dễ dàng.

Như câu chuyện của vị tiên nhân tu hạnh nhẫn nhục. Vua Ca Lợi dẫn cung nhân dạo chơi tới chỗ tiên nhân đang ngồi tu, các cung nhân xúm nhau nghe tiên nhân nói chuyện, không thềm theo hầu hạ nhà vua. Giận quá, vua Ca Lợi xách kiếm tới hỏi tiên nhân:

- Ông ngồi đây làm gì?

- Tôi tu hạnh nhẫn nhục.

Vua liền chém một cái rớt cánh tay tiên nhân, rồi hỏi tiếp:

- Ông ngồi đây làm gì?

- Tôi tu hạnh nhẫn nhục.

Vua nổi sân chém luôn cái chân. Hỏi:

- Ông ngồi đây làm gì?

- Tôi tu hạnh nhẫn nhục.

Vua chém cái nữa bứt hết tay chân. Hỏi:

- Ông ngồi đây làm gì?

- Tôi tu hạnh nhẫn nhục.

Bấy giờ nhà vua sáng sốt quá. Tiên nhân nói:

- Tôi tu thành đạo, người tôi độ đầu tiên sẽ là nhà vua. Sự việc hôm nay nếu không sai với tâm nguyện của tôi xin cho tay chân được hoàn lại như cũ.

Tiên nhân vừa dứt lời, tay chân Ngài liền hoàn lại như cũ. Vị tiên nhân ấy chính là tiền thân của đức Phật Thích Ca.

Người tu hành phải dũng mãnh, gan dạ, phi thường mới vượt qua những khó khăn, trở ngại của ngũ dục. Như vậy mới giải thoát, vượt khỏi tam giới. Chúng ta thường nghe nói người tu hành vượt ra ngoài tam giới là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới nhưng không biết chính tâm thạch trụ vượt lên tất cả những cám dỗ của thế gian, buông xả hết sinh mệnh mới thành công, đó là ý nghĩa đích thực vượt thoát ba cõi.

Đoạn này Tổ dạy người tu hành phải là người an thân lập mạng, người sáng suốt, không bị lệ thuộc thân giả tạm. Như câu chuyện Quan Âm Thị Kính, Bồ-tát hiện thân là một cô gái chịu bao nỗi hàm oan, nhục nhã

nhưng nhờ nhẫn lực phi thường và tâm tu hành kiên cố dũng mãnh, nên cuối cùng thành tựu công hạnh Bồ-tát tiến lên Phật quả. Câu chuyện tuồng tích trong dân gian, nhưng đã để lại cho chúng ta một pháp tu. Nhờ xem thường thân, Bồ-tát phá tan ngã chấp mới có thể thực hành hạnh nhẫn nhục rốt ráo như vậy.

Tất cả những pháp hạnh tu tập thật ra không khó khăn đến mức độ chúng ta không làm được. Tuy nhiên nó đòi hỏi chúng ta phải có sự sáng suốt tỉnh táo, ý chí dũng mãnh mới thực hành nổi. Sáng suốt, đầy đủ ý chí, gan dạ chịu đựng nhất định sẽ thành tựu, đó là bài kinh ruột của chúng ta.



ĐOẠN 17

Thân này chẳng quản,
Bữa đói bữa no;
Địa thủy hỏa phong,
Dầu là biến hóa.

Giảng:

Tổ dạy người tu không màng tới thân hư giả này, đối nó gì mặc nó, chỉ lo tu thôi. Mặc tình cho bốn đại đổi thay, còn cũng tốt, tan rã cũng xong, không bận bịu lo buồn. Đó là chỗ chân thành của người tu.

Chư Tổ dạy như thế bởi vì thật tình chúng ta bị lệ thuộc thân này nhiều lắm, lệ thuộc đến mức độ không còn thì giờ để tu hành. Chuyện còn chuyện mất, chuyện sang chuyện hèn... chúng ta bận bịu lo lắng cho thân cả ngày, cả đời, cam bị lệ thuộc như vậy mà không bao giờ nhìn lại, lo lắng cho việc tu hành. Chúng ta có học Phật pháp, hiểu đạo chút chút, nhưng hành trì rất ít nên kết quả không nhiều. Hạ thủ công phu thì không quyết tâm, chỉ chuyên cầu nguyện để được như vậy như khác. Huỳnh đệ nghĩ xem cầu nguyện được hay không? Có chút bệnh cũng cầu nguyện cho mau lành bệnh, tu cũng cầu nguyện mau thành Phật mà bản thân lơ là không chịu tu tập cho tới nơi tới chốn.

Ngày xưa tôi không được diễm phúc như các huỳnh đệ bây giờ, có hiểu biết Phật pháp

gì đâu! Tôi còn nhớ ngày quy y, thầy ở chùa quê không có chuyện giảng giải Phật pháp, cũng không tổ chức lễ quy y như bây giờ, không truyền Tam quy Ngũ giới gì cả. Thầy mặc đồ ngắn, giắt cái khăn chần dầm trên vai để lau miệng. Thầy lên nhà Tổ đốt hương, rồi bảo: “Con lạy đi! Bữa nay quy y đó, lát nữa thầy cho cái pháp danh.” Mình đâu biết quy y là gì, pháp danh là gì, thầy biểu lạy thì cứ lạy. Lạy xuống, thầy nói đã quy y xong, lát nữa thầy viết lá phái.

Lá phái quy y thời đó phân nửa chữ Hán phân nửa chữ Việt. Trong quê mình người đọc chữ Việt đã hiếm hoi, nói gì tới chữ Hán. Vậy là lá phái được gói để đó, thầy không dạy sử dụng như thế nào. Không phải như bây giờ lễ quy y tổ chức trang nghiêm, Phật tử được nghe giải thích cặn kẽ từng điều, *Quy* là gì, *Y* như thế nào? Sau khi quy y rồi quý thầy giảng giải hướng dẫn cho Phật tử thọ trì những điều giới, để thấy lợi ích của giới ra sao và giải nghĩa pháp danh từng người. Còn phái quy y hồi xưa, dường như để cho các bậc thánh thần đọc chứ người ta không đọc nổi! Dân quê quý trọng lắm, gói kỹ

lại, đợi tới chết lấy hai miếng ngói nung đỏ ép lại để lên ngực. Họ bảo người nào chết mà được cái đó là quỷ sứ sợ lắm, không dám hỏi gì hết. Mình muốn đi đâu thì đi, muốn lên thiên đường thì lên, muốn xuống địa ngục thì xuống, không ai dám động tới mình! Cho nên lá phái quy y được xem như một loại giấy thông hành đặc biệt. Các thầy ở chùa quê hồi xưa truyền đạo như thế, thật là oan cho đạo Phật! Cho tới khi lớn lên tôi được vào trường Phật học, bấy giờ mới bắt đầu biết Phật là gì, Pháp là gì, Tăng là gì, thế nào là Tam bảo, Tứ đế, Thập nhị nhân duyên...

Tuy nhiên, khi gặp được chánh pháp, qua một giai đoạn ấu thơ ở trong chùa, tôi lại được chứng kiến nhiều vị phát tâm rất mãnh liệt. Huynh đệ thử tưởng tượng, một cái tàn lửa bay rớt vào thân mình, ta đã nghe đau rất rồi, vậy mà có những vị phát tâm đốt ngón tay cúng dường Tam bảo. Tới đúng ngày, chuông trống Bát-nhã nổi lên, chư tăng tụng niệm, vị đó đưa ngón tay lên ngọn đèn, đốt cúng dường. Khi ngón tay bắt đầu phồng cháy là toàn thân vị ấy đỏ bừng lên, có khi run cả người nhưng sắc mặt vẫn bình thường. Quý vị

đứng bên ngoài thấy, có người rơi nước mắt. Những mùa an cư học kinh Pháp Hoa ba tháng, khoảng chừng tháng rưỡi, hai tháng có những vị được niềm vui, họ phát tâm đốt hương cúng dường rồi thiêu hương trên thân, trên đầu hoặc đốt ngón tay cúng dường. Quả thực những sự việc này đã có những vị dám làm như vậy. Do tâm mãnh liệt nên họ đã vượt qua, đã chịu đựng được sự thiêu đốt cắt da xẻ thịt ấy.

Hiểu Phật pháp như chúng ta bây giờ có thể nói là có học, nhưng tùy duyên của mỗi người mà việc ứng dụng tu tập và kết quả đạt được khác nhau. Người có duyên sâu vừa nghe liền hiểu, liền nhận được yếu chỉ Phật pháp. Đó là các bậc đại trí, các hàng Bồ-tát thượng thủ, tuy nhiên hầu hết phải dùng phương tiện giảng giải mới có thể nhận ra được. Chúng ta ngày nay sống trong thời đại văn minh, những phương tiện truyền thông tinh vi chạm đến các giác quan rất nhạy bén, đó là phần ưu. Tuy nhiên, nếu không khéo chính nền văn minh hiện đại sẽ đẩy chúng ta ngày càng xa hơn với cái thấy cái nghe chân thật của chính

mình. Đó là lý do chúng ta bị loãng đi ở phần thực hành.

Huynh đệ nên nhớ dù ta học giỏi bao nhiêu mà không hành thì cũng không lợi lạc gì hết. Cái thua kém của chúng ta bây giờ so với người xưa ở điểm này, chứ không phải chúng ta không hiểu Phật pháp. Hiểu rất nhiều, thông minh quá thành ra chướng ngại trong công phu. Chưa thực hành sâu nên cái hiểu chỉ là bên ngoài thôi, không bổ ích gì cho tâm nguyện tu hành. Thời này nhiều người tu hành nhưng hiếm người đạt đạo, lý do là sự thực hành không xuyên suốt, không miên mật, không chân thành.

Không phải thời của chúng ta như vậy, mà ngay thời Phật pháp thịnh hành vàng son như thời Lý Trần, Phật giáo là Quốc giáo, mà chư Tổ cũng đã than “Người thông minh thì nhiều mà người kiến tánh thì ít”. Tức người hiểu biết thì có mà người nhận ra cái chân thật thì ít lắm, nên tới thời chúng ta thì quá xa xôi. Trở lại thời kỳ của chúng ta, những phương tiện xung quanh cuộc sống làm ta mất hết thời giờ. Lo cho thân này sự ăn sự mặc,

bảo vệ sức khỏe đã chiếm 80% tới 90% thời gian của chúng ta rồi. Bởi vậy nếu không ý thức được việc tu hành thì chúng ta sẽ bỏ một đời trôi sông, vô ích. Cho tới lúc già chết mới nghĩ đến sự tu thì không còn hơi để thở, làm gì được nữa?

Ở thế gian, thời thanh niên trai trẻ, có địa vị và sức khỏe, mọi người đều đốt hết thân này cho cuộc sống. Tới lúc hơi thở ngắt nghèo mới nghĩ đến mình thì chỉ còn đi rước thầy tới tụng cầu siêu thôi, không có cách chi khác! Việc cầu thỉnh thầy cũng không còn chọn lựa kịp nữa. Nếu được thầy chân chính thì quý hóa, bằng không thầy cúng, thầy tụng chi chi cũng rước về đại, miễn có ông thầy tụng kinh là được rồi, kết quả ra sao không biết. Cuối cùng cái còn lại của thân này chỉ là một nắm tro tàn. Vậy mà người ta cho là biết thương mình, biết lo cho mình!

Chúng ta cứ lần lựa qua ngày, ít chịu nhìn lại, đặt vấn đề thế nào là tự biết lo cho mình? Nhiều vị tâm hướng về đạo, tìm hiểu đạo, muốn tu hành nhưng vẫn chưa thực hành đúng những gì thật sự cần thiết cho mình.

Phật tử nghĩ rằng đi chùa là quan tâm đến Phật pháp. Khá hơn một chút, có người đến thưa hỏi đạo lý, bàn bạc Phật pháp với quý thầy nhưng về nhà không biết thực hành được bao nhiêu? Chúng ta ít thấy người quan tâm đến Phật pháp bằng cách hành trì Phật pháp. Đời người mấy mươi năm, trong đó hơn nửa thời gian người ta lo chuyện cơm áo, danh vọng, địa vị, sự nghiệp thế gian. Chỉ còn khoảng vài năm già yếu, gần hết tuổi thọ mới chợt nghĩ đến thân phận mình thì tử thần sắp đến rồi. Hoặc do chứng kiến những tình huống nguy khốn, mình hoảng quá tỉnh được một chút nhưng chẳng bao lâu thì mê trở lại. Như đi đường thấy người ta bị xe tông cái rầm, giãy tê tê trước mắt mình rồi chết. Lúc đó tỉnh liền, chẳng những tỉnh mà còn tổn hồn nữa. Nhưng được một chút thôi, qua quán nhạc đằng kia nghe ca hát rần rần thì mê trở lại. Không ai nhớ mạng người chỉ trong hơi thở nên cứ lao vào những cuộc vui chơi, hôm nào dùng một cái không còn chút khí lực thì đã sang đời khác, mang theo các thứ nghiệp tập phiền não đã gây tạo. Thật khổ thay!

Người phát tâm Bồ-đề mãnh liệt, thấy thân này không thật, cảnh duyên không thật nên nhất định hành trì Phật pháp để ngay đời này hưởng được lợi lạc, hạng này rất hiếm hoi! Mạng người không nhất thiết sống tới bảy tám mươi tuổi, chúng ta luôn mang một bản án ngầm, không biết sống chết ra sao mà chẳng ai chịu chuẩn bị tư lương cho một thân sau tốt đẹp hơn. Cho nên Phật nói chúng sanh vui cười hơn hở song song với trào dâng nước mắt. Vui khổ song hành, hai cái nó làm nhân làm duyên cho nhau, hễ cái này có thì cái kia có.

Trở lại vấn đề tu hành, thật ra không phải huynh đệ không ham tu, nhưng vì ý chí yếu quá nên tu còn dở. Chư huynh đệ nhìn cho kỹ, thấy cái thất bại của mình là gì? Nội một việc ngủ gục thôi, chúng ta chiến thắng không nổi, đừng nói việc gì khác. Cái ý chí khắc phục tham ăn, tham ngủ còn kém nên chúng ta tự đánh mất mình trong hang sâu tối tăm ấy. Buổi khuya đúng ba giờ kiếng báo thức, vị chịu trách nhiệm báo thức trễ thì bị rầy, báo thức sớm thì anh em phàn nàn. Cho nên đúng giờ vị đó báo thức, nhưng huynh đệ

thức dậy nổi không, có siêng năng không, có thái độ dứt khoát không, chúng ta thử xét lại mình xem?

Kim đồng hồ không bao giờ đứng một chỗ 3 giờ mãi, nếu huynh đệ rề rà, kiểng đánh 3 giờ mà 3 giờ 15 phút chưa rời chỗ nằm, cứ loay hoay ra đó, bước xuống không bước mà giở mùng cũng không giở, như vậy chùng nào mới lên tới thiên đường? Thôi thì trề rồi nằm đại xuống luôn, bỗng chốc nghe kiểng xả thiên, giật mình ngốc đầu dậy thấy 5 giờ, thế là la hoảng lên “Ủa, bữa nay cái đồng hồ nó sáng hay sao mà chạy dữ vậy!” Ngặt nổi, thời gian đi tới, chớ không chạy ngược 3 giờ, 2 giờ, 1 giờ được. Nếu không khắc phục được, chúng ta cứ để đời mình trôi sông theo cây kim đồng hồ là tự đánh mất mình.

Một cái ngủ gật, mình không đủ sức phấn đấu vượt qua. Một cái ham ăn, mình không đủ sức phấn đấu vượt qua. Một cái muốn đi đây đi đó chơi, mình không đủ sức phấn đấu vượt qua... thì những thứ cội gốc phiền não độc hại như tham lam, tật đố, tà

kiến, si mê, ngã mạn, tầm tối... làm sao ta vượt qua nổi. Ta càng che giấu nó càng phát triển mạnh hơn, bởi vậy nên trầm luân suốt kiếp, không thoát ra nổi.

Chư huynh đệ thấy chúng ta còn dở nhiều lắm nên phải ráng lên, nhờ lực của đại chúng hỗ trợ. Như ở trong phòng hai mươi người, nghe kiểng đánh thấy người ta giở mùng mình cũng bắt chước giở mùng, thấy người ta rửa mặt, mình cũng rửa mặt, thấy người ta mặc áo lên ngời thiên, mình cũng mặc áo lên ngời thiên. Lúc đầu quyết tâm chưa mạnh nên không được tỉnh lắm nhưng lần lần sẽ mạnh. Huynh đệ phải có ý thức nương nhau tu hành mới biết quý trọng đời sống tập thể, mới thấu hiểu được lời người xưa dạy: “Tăng ly chúng Tăng tàn, hổ ly sơn hổ bại”.

Tổ dạy chúng ta tu hành đừng đặt nặng ở thân. Sự còn mất, sang quý, thiếu thốn gì gì của thân không quan trọng, miễn làm sao tu được, phát triển tâm Bồ-đề ngày càng rộng lớn, đó là gốc của sự tu. Còn mọi thứ xung quanh, tốt cũng được xấu cũng được, đói no

chẳng bận lòng, đó là do phúc duyên thôi. Ngày xưa mình có chủng tốt, có phúc duyên tốt thì bây giờ no ấm. Ngày xưa mình không gây dựng chủng tốt thì bây giờ có lo lắng mấy vẫn chẳng thể tốt hơn, chi bằng lo tu để chuyển hóa tập nghiệp thì y báo sẽ theo đó mà thay đổi tốt lên. Đó mới là điều chính yếu.

Sơ Tổ Trúc Lâm dạy mặc tình cho bốn đại đất nước gió lửa đổi thay, còn cũng tốt tan rã cũng xong, không bận bịu lo buồn. Đó là chỗ chân thành cũng là chỉ thú quan trọng của người tu.



ĐOẠN 18

Pháp thân thường trụ,
Phổ mãn thái hư;
Hiển hách mục tiền,
Viên dung lỏa lỏa.

Chú thích:

- Hiển hách: Hiện rõ.

- Lỏa lỏa: Rõ rõ.

Giảng:

Ở đây, Ngài dạy tới cái Pháp thân tức là nói đến Tánh Giác, nói đến Phật chất của mỗi chúng ta. Thân tứ đại còn mất không có gì quan trọng, việc quan trọng của chúng ta là phải nhận ra Pháp thân tròn đầy khắp cả thái hư. Người tu hành không bị lệ thuộc bởi hình thức bên ngoài, làm sao nhận được cái chủ yếu ở bên trong, đó là Pháp thân, hay khả năng thành Phật của mình.

Trong nhà thiền dạy: “Đi chỉ biết đi, ăn chỉ biết ăn, ngồi chỉ biết ngồi, thì cái chân thật hiện tiền trước mắt, sáng rõ vô cùng, có vắng thiếu chỗ nào, đơn giản làm sao!” Ở đây phương thức Ngài nói rất giản dị, người muốn nhận được Pháp thân hay tánh giác của mình chỉ cần ăn biết ăn, đi biết đi, làm việc gì biết làm việc đó, không để cho ý thức phân biệt rộn ràng lằng xằng xen vô. Như thế là người đã bày ra sức sống lồ lộ rõ rõ của mình.

Đó là pháp tu để từ đây chúng ta bước vào giai đoạn hằng sống với tánh giác thanh tịnh trùm khắp của mình. Nếu chúng ta không bị rộn ràng bởi những hình thức xung quanh thì nhận ra, sống được với cái chân thật ấy không khó. Tuy nhiên, nếu chúng ta vướng mắc, chộn rộn ngược xuôi theo cảnh bên ngoài thì không bao giờ nhận được tánh giác, chỉ biết danh từ Pháp thân, tánh giác chứ thực tình không biết gì Pháp thân hay tánh giác nơi mình cả.

Hòa thượng Viện trưởng thường nhắc cái chân thật hiện tiền trước mắt, sáng rõ vô cùng, không vắng thiếu lúc nào. Nhưng muốn nhận được, muốn sống được với nó thì đừng chạy theo vọng tưởng, đừng chạy theo cảnh duyên bên ngoài. Đi chỉ biết đi, ăn chỉ biết ăn, ngồi chỉ biết ngồi, tức không sử dụng đến con khí ý thức, chỉ dùng cái trực giác hiện tiền.

Chúng ta đã quen với ý thức từ hồi nào không biết, mà từ nhỏ tới lớn luôn luôn sống với ý thức. Nói năng, làm việc, cái gì cũng tuân theo sự điều khiển của ý thức. Vừa thấy

hiện tượng gì chúng ta liền có ý thức, nên cái thật bị ý thức che lấp. Tóm lại, toàn bộ đời sống chúng ta đều bị ý thức chi phối, chỉ huy. Ý thức thì lăng xăng ngược xuôi, không phút giây nào yên định nên cuộc sống của con người cũng chao đảo quay cuồng.

Bởi sống vọng tưởng như vậy dù chúng ta có sẵn tánh giác vẫn không phát huy được. Phật pháp không thiếu, của báu nhà mình đầy đủ, chỉ làm sao quay về nhận lại thì tha hồ dùng. Tuy biết như thế nhưng nhận và sử dụng được cái đó không phải chuyện đơn giản. Bởi chúng ta đã quen tha hương cầu thực rồi, nên của báu có trong nhà nhưng không biết nó ở đâu, làm sao sử dụng được?

Trong kinh Pháp Hoa đức Phật ví dụ chuyện anh chàng cùng tử. Sau một thời gian tha hương cầu thực, làm thuê làm mướn vất vả đến mức độ ông già gặp lại nhìn không ra thành con cưng của mình. Gã cùng tử cũng quên hẳn cái gốc trưởng giả của mình, nên đi ngang nhà cha thấy sang giàu lại sáng sốt run sợ bỏ chạy. Trưởng giả phải cho người đuổi theo mang về, dụ cho làm thuê giúp việc.

Anh ta tự đánh mất đi địa vị chủ nhà, lại vui vẻ chấp nhận thân phận kẻ tôi tớ. Ông Trưởng giả dần dần tìm cách gần gũi cho anh bớt sợ, cuối cùng thấy con trai đã quen rồi, ông mới nói thật: - Ta là cha con. Tài sản này là của con, con hãy giữ gìn lấy mà xài. Nói rồi, ông giao hết tài sản cho anh.

Chúng ta cũng thế, có một tài sản vô giá nhưng lại tha hương cầu thực, không dám nhận mình có của báu nên đành phải chấp nhận cuộc sống lang thang. Tánh giác sẵn đó nhưng có xài được đâu, phải xuất gia mặc áo nhuộm, tu hành chay lạt, ngồi thiền gục lên gục xuống... cũng chẳng thấy của báu ở đâu! Nhưng phải như thế thôi, không cách nào khác hơn. Thời gian lâu xa, dần dần làm quen với chính mình, mới biết được tánh giác rồi đem ra sử dụng. Còn bây giờ quen sử dụng ý thức nên buông cái này bắt cái kia, lăng xăng lộn xộn. Huynh đệ ngồi nghiệm lại xem, nếu ta không chịu nhận lại tánh giác của mình thì cuộc đời tu hành của chúng ta không biết lưu đăng tới chừng nào!

Vì vậy huynh đệ chúng ta cố gắng. Khi đã biết mình có chủng duyên, hãy mạnh mẽ quay về nhận lại. Để xuống hết mọi lăng xăng điên đảo vọng tưởng, tập tành những bước quay về. Như lời chư Tổ dạy đi chỉ biết đi, làm việc gì chỉ biết việc ấy, để tâm yên lắng tỉnh táo. Có thể mới không lưu đăng, ngược xuôi vất vả trong luân hồi sinh tử. Thử tưởng tượng chúng ta bị trôi lăn trong sanh tử biết bao nhiêu đời, nên tất cả những gì quý báu chúng ta quên hết, nếu có nhớ cũng chỉ nhớ mang máng thôi. Cho nên bước đi trên con đường cũ mà ta vẫn thấy ngờ ngợ không biết đúng hay sai? Có phải đây là đường về quê Phật hay đường dẫn vào mê cung? Trong bước thăng trầm của cuộc đời, đôi khi chúng ta cảm nhận như vậy. Sự việc đổi thay trong vòng hai ba mươi năm, chúng ta còn không nhận ra được, hà huống mình đã luân hồi từ kiếp này sang kiếp khác, vô lượng vô biên thì mọi thứ thay đổi cỡ nào? Chắc chắn ta không còn nhớ của báu nhà mình nằm ở đâu thì làm sao biết cách sử dụng! Đó là điều tất yếu. Huynh đệ chiêm nghiệm sẽ thấy rõ như thế.

Thiền sư Hiện Quang là học trò mà cũng là con nuôi của Thiền sư Thường Chiếu. Ngài rất thông minh, nhưng tuổi còn nhỏ nên không quan tâm đến chuyện trong tông môn. Dùng một cái, Thiền sư Thường Chiếu tịch, người kế thừa là ngài. Nhưng quá nhỏ, những gì quý báu trong tông môn, Ngài sử dụng không thuần nên đã một phen bị chao đảo. Các bậc thiện hữu tri thức thấy tình huống như thế mới nhắc Ngài: - Ông hãy giải tán đồ chúng, đi tham cầu học đạo với các bậc lão túc. Nhờ lời khuyên ấy, Ngài chuyên tâm học đạo nên mới xong việc lớn. Khi trở về nhờ có đạo lực thâm hậu, Ngài vượt qua những chướng nạn rồi tiếp tục vào sâu trong núi, quyết chí tu hành và trở thành Cao tổ Trúc Lâm. Cho nên giòng thiền Trúc Lâm, Tổ khai sáng là ngài Hiện Quang.

Lần đi Hà Nội với Hòa thượng, tôi theo Ngài lên Yên Tử. Đêm nghỉ lại Hoa Yên để chuẩn bị sáng sớm hôm sau lên chùa Đồng, quyết tâm của Hòa thượng lần này là phải lên tới chùa Đồng. Đêm đó ở lại Hoa Yên rất đông, sương nặng như mưa dầm. Phật tử đội

áo mưa đứng ngoài trời tưng kinh, vì chùa Hoa Yên quá chật. Sau khi tụng kinh xong, Hòa thượng thuyết pháp cho họ nghe. Thuyết một thời ngắn, Ngài nói: - Giờ tôi mệt rồi, chú thay tôi thuyết pháp cho Phật tử nghe. Tôi nhớ tới Thiền sư Hiện Quang là vị cao tổ của hệ phái Trúc Lâm Yên Tử, hơn nữa Ngài cũng có mối quan hệ gắn bó với Thiền sư Thường Chiếu nên tôi kể cuộc đời của ngài cho Phật tử nghe. Đó là bài pháp đầu tiên tôi giảng tại chùa Hoa Yên, cách đây năm sáu năm.

Ở đây tôi muốn nhắc huynh đệ Thiền sư Hiện Quang là người thông minh tài tuấn như vậy, nhưng tuổi còn nhỏ Ngài không quan tâm đến việc tham vấn học đạo, cuối cùng của báu trong nhà không biết sử dụng, phải trải qua thời gian sau thừa hỏi thiện hữu tri thức trở về, hạ thủ công phu mới thành tựu sự nghiệp giác ngộ. Huống là chúng ta bây giờ đỡ hơn nhiều, thì phải ráng tu ráng học, chứ biết làm sao hơn. Ba giờ khuya phải ráng thức dậy ngồi thiền, ban ngày đi công quả,

làm các việc, học tập dần dần tới khi nào hoàn toàn nhận được của báu nhà mình.

Một khi chúng ta ý thức được việc tu hành rồi thì thấy vui lắm. Chừng ấy ta là người giàu có hơn ai hết vì nhận được của báu vô giá nhà mình, tha hồ sử dụng theo ý muốn. Nếu chúng ta kiên tâm như vậy thì mỗi người là một viên gạch quý cùng góp phần xây dựng ngôi nhà Phật pháp ngày càng sáng rực và vững mạnh. Đó là tâm nguyện của hàng đệ tử xuất gia chúng ta.



ĐOẠN 19

Thiền tông chỉ thị,
Mục kích đạo tôn;
Không cốc truyền thanh,
Âm hưởng ứng dã.

Chú thích:

- Chỉ thị: Chỉ dạy.
- Mục kích đạo tôn: đạo ở trước mắt.
- Không cốc: Hang trống.

Giải:

Nói *Thiền tông chỉ thị* tức là cách chỉ dạy của thiền tông, chỉ ngay sự việc trước mắt, không khuất lấp chút nào hết gọi là trực chỉ. Thường trong nhà thiền nói cái thấy của Thiền sư là cái thấy trực chỉ, không kẹt bất cứ một hiện tượng nào qua cái thấy hiện tiền. Đó là điểm đặc biệt của nhà thiền. Tổ dạy thiền tông chỉ dạy đạo ở ngay trước mắt chứ không có đâu xa hết.

Vậy Đạo là gì? Là tâm. Tâm là gì? Cái biết. Tất cả chúng ta đều có cái biết, khi nói đến cái biết là chúng ta nhận ra được ngay. Người lớn kẻ nhỏ, người học rộng, người học ít, ai cũng đầy đủ cái biết hiện tiền. Như ta nhìn lên trần nhà thấy cây quạt đang xoay, mọi người đều thấy thế, không ai không thấy. Cái hay thấy ấy bình đẳng nơi tất cả chúng ta, không phân biệt tuổi tác hay giàu nghèo, đẹp xấu... Cái biết đó không xen lẫn, không bị

động bởi các cảnh duyên, nó chính là cái biết của tâm. Mỗi người đều sẵn có cái biết, thường dùng nó mà lại không chịu nhận nó, mới lạ chứ! Có một điều chúng ta quên cho cái hiểu biết phân biệt theo hiện tượng bên ngoài là tâm mình nên bị nó dẫn đi, thành ra quên mất cái biết chân thật.

Lấy lại ví dụ ở trên, như ta thấy cây quạt đang quay, nếu chỉ biết chùng ấy thì đâu có việc gì, nhưng thường chúng ta không dừng ở ngang đó, mà vận dụng đến ý thức phân biệt xem cây quạt này hiệu gì của nước nào sản xuất, ai cúng dường, nó quay chậm quá, nhanh quá v.v... Trăm ngàn vấn đề được đặt ra làm ta mất hết thì giờ, bị cuốn hút trong những vấn đề rối rắm đó, do vậy mất đi sự tỉnh táo sáng suốt. Cứ như thế con người lao lự cả đời, không ích lợi gì hết. Tất cả mọi sự kiện đều được hình thành từ cái mơ vọng tưởng rồi boong boong, thiên hạ chết ngộp trong đó, không một phút giây yên tĩnh nên rồi đâm ngán cuộc đời.

Người lớn suy nghĩ nhiều quá, vọng tưởng nhiều quá thành ra sống khổ. Chớ như

mấy em bé có lo sợ toan tính chi đâu, nhờ vậy nó hồn nhiên vô tư. Có lần tôi đọc một câu chuyện thật cảm động. Vào buổi chiều gần tuyến đường xe lửa, có một em bé ra đường rầy chơi. Em chơi rất hồn nhiên. Khi còi báo động toa tàu sắp chạy qua, em vẫn hồn nhiên ngồi đó, xung quanh không có một người nào. Ngay sau đó vài người lớn phát hiện ra em đang ngồi trên đường rầy, họ la hoảng lên mà không dám chạy tới cứu. Bỗng.. khi ấy một em bé khác lăn người ra ôm đứa nhỏ rồi lăn nhanh vào lề, thì đoàn tàu vừa chạy tới.

Câu chuyện làm cho người đọc rất xúc động. Em lớn hơn cứu em bé nhỏ, bởi cả hai đều vô tư nên cả hai đều không lo lắng sợ hãi. Và chính vì thế các em mới vượt qua cái chết một cách hồn nhiên vô tư. Thật tuyệt vời! Em bé nhỏ không biết tại sao mình bị ôm kéo vào lề, hình như em cũng không cần biết chuyện đó. Con tàu là gì, em ngồi chỗ ấy nguy hiểm ra sao.. em không biết nên hoàn toàn bình yên. Sự việc như vậy, em là người trong cuộc, là nhân vật độc nhất đứng trước khoảnh khắc sống chết vào buổi chiều hôm ấy, nhưng đầu óc ngây thơ, rỗng rang, trong sáng nên em

chẳng sợ chết. Còn em bé lớn hơn cũng chưa đủ suy nghĩ, chưa đủ kiến thức, chưa có địa vị gì trong cuộc đời. Em lao ra ôm em bé một cách tự nhiên, cũng không nghĩ mình cứu ai. Và chính vì thế em đã trở thành một anh hùng bé nhỏ.

Huynh đệ chúng ta càng có tuổi, càng tự chứng minh mình có kiến thức, có học Phật, có hiểu biết về cuộc đời thì càng hốt hoảng, càng sợ sệt, càng mất mình. Bao nhiêu người lớn đứng nhìn tử thần sắp đến chụp em bé, họ la lối, sợ hãi cho nó nhưng chẳng ai dám nhảy ra cứu em bé, vì họ quá hiểu biết! Khi phân biệt nhiều quá thì cái hiểu biết của mình bị bóp méo mất rồi, nó làm cho ta hoàn toàn biến chất. Chính kiến thức đầy tràn làm hỏng đi sự tự chủ, trí tuệ sáng suốt và sức mạnh phi thường của mình. Bởi vì càng suy nghĩ, chúng ta càng bị bản ngã vây bủa, càng lệ thuộc vào nó và cuối cùng thì hành theo lệnh của nó sai khiến, phải bảo vệ bản ngã. Bảo vệ bản ngã càng nhiều thì càng sợ chết, sợ đau, sợ mất mát... nên sự hy sinh anh dũng, cái hồn nhiên trong sáng như của em bé mất hẳn trong chúng ta rồi. Nếu có thì

những cái gọi là anh hùng ấy chẳng qua do bản ngã thúc đẩy mà thôi, chớ không phải vô tư như một em bé.

Có khi ta càng lớn thì bản ngã cũng len lỏi phát triển theo, nó tăng tiến phát triển đến mức có cả một mạng lưới bao bọc xung quanh để bảo vệ mình. Người tu làm sao gây dựng được sức sống hồn nhiên là điều rất quý giá. Ta cứ bị cái ngã nó dụ dỗ, thêu dệt như vậy như khác nên mình không còn trong sáng ở chỗ thấy nghe chân thật ban đầu. Tu như thế thì dù học Phật, biểu dương hạnh Phật, nhưng vẫn không đạt được lợi ích gì. Người tu thiên là người khéo vận dụng trí tuệ của chính mình. Thực chất của việc tu hành là phát huy trí tuệ, phát huy theo chiều phản quan để xé nát bản ngã. Thiếu trí tuệ chúng ta sẽ mờ mịt, quờ quạng khi đối diện với những sự kiện chung quanh, do đó không phút giây nào ta được bình yên.

Đạo là gì? Là không xen tạp, là tự tại. Tâm là gì? Là cái biết. Nhưng chúng ta có sống đạo chưa hay còn đang quay cuồng với muôn ngàn lớp vọng tưởng? Từ ngày tới đêm,

hết đêm sang ngày, chúng ta bị lao lự, quay cuồng bởi những thứ xung quanh, làm sao giải thoát được. Chư huynh đệ nhìn lại xem, mỗi khi ta bực bội, sân hận... phiền não lẫn khuất đầy trong mình, có điều kiện là nó bung ra. Nếu bung không được, nó chờ mình vừa chớp mắt là trào lên thành những cơn mộng mị kinh hoàng, ta có nghỉ ngơi được với nó đâu? Nếu chúng ta không sáng suốt, không tự chủ thì sẽ luôn bị động bởi những sự kiện xung quanh. Chính những sự kiện ấy làm mất đi ánh sáng của chúng ta, đồng thời nó cũng tạo ảo giác kéo dài làm ta trôi lăn trong đau khổ.

Theo tinh thần thiên tông, đạo chỉ thẳng trước mắt. Cho nên thiên sư nói cây gậy là cây gậy, cần dùng thì dùng, không cần thì thôi. Ăn cơm, mặc áo, ngủ nghỉ, sự việc bình thường trước mắt, không có cái khác. Bởi sống được như vậy nên các Thiên sư mới dám nói thiên là ăn cơm, là uống nước, bình thường giản dị như thế. Song những con người bình thường đó, ít ai làm được vì chúng ta bị buộc ràng nhiều thứ quá. Ở đây Sơ Tổ Trúc Lâm nhắc cho chúng ta thiên là cuộc

sống bình thường. Nền nếp sống của Thiên sư là phát huy cái biết, sống được với tâm chân thật của mình. Tâm đó không có xen lẫn thứ khác nên không dao động, không hỗn tạp.

Ý thứ hai, ở đây Tổ nói âm hưởng từ hang trống dội lại, nó không suy nghĩ, không bắt chước ai. Âm hưởng tức tiếng vang từ trong hang trống dội lại. Tổ dạy âm hưởng đó không suy nghĩ, không dấy niệm phân biệt gì hết. Tiếng động thế nào thì nó vang thế ấy, chớ không suy nghĩ chi. Cũng vậy, tâm chúng ta phản ứng lại những sự việc đưa tới giống như tiếng vang ở hang sâu, không cần suy gẫm phân biệt gì cả. Đó là cái chân thật hiện tiền.

Ở trên Ngài nói tâm không có xen tạp, không có dao động, ở đây Ngài nói tâm là cái chân thật, như sự giao hưởng chân thật của âm thanh. Nó không là cái gì khác, không suy nghĩ phân biệt gì gì, theo hình thanh thế nào thì phát ra âm hưởng thế ấy. Nói rõ hơn, đoạn này Tổ dạy chỉ thị của thiên tông hiện tiền ở trước mắt thấy nghe rõ ràng mà không suy nghĩ phân biệt, không có gì lạ cả.

Vấn đề là làm sao chúng ta sống được với cái không phân biệt, cái hiện tiền, cái trước mắt hồn nhiên của mình? Như một đứa bé nhìn sự vật một cách hồn nhiên, không phân biệt gì hết, cho tới cái chết sắp đến mà không sợ sệt, vẫn bình thường. Tới cái phút giây người ta giật nó ra khỏi chỗ chết nó cũng bình thường. Đó chính là chủ ý của nhà thiền. Muốn sống được như thế, chúng ta phải mạnh dạn phủ rủ tất cả những gì khoác bên ngoài, những gì lâu nay bu bám quanh mình. Thiền là cái hiện tiền trước mắt, không so sánh, không suy nghĩ. Biết rõ tính chất của thiền như thế, tại sao chúng ta cứ dẫn đo lao lự, mà không nhanh chóng buông xuống hết. Cho nên các thiền sư ngộ đạo từ những sự việc trước mắt, không có cái khác. Các Ngài cũng khẳng định đạo không ngoài mọi hiện tượng động dụng chung quanh ta mà có. Cho nên các ngài được tự tại ngay trong cuộc đời này.

Học đoạn này, chúng ta càng phấn chấn hơn bởi vì sự giác ngộ ở ngay trong lòng cuộc sống này, chớ không có đâu xa. Chỉ cần chúng ta tự nhắc nhở mình tỉnh giác, phản quan trở lại thì sẽ không bị cảnh duyên đối gạt dẫn đi.

Nhận lấy cái thấy biết chân thật ngay nơi mình, không phải là việc quá tầm tay mà chỉ vì chúng ta chưa quen thôi. Cho nên khắc tỉnh, khắc nhớ là một phương pháp hữu dụng để anh em nắm được kho báu nhà mình. Cần phải bảo nhậm lấy. Chớ để lầm qua mất!



ĐOẠN 20

Phô người học đạo,
Vô số nhiều thay;
Trúc hóa nên rồng,
Một hai là họa.

Giảng:

Phô là so sánh, họa là họa may. Đoạn này nói người học đạo tuy nhiều nhưng người

xong việc thì ít. Như trúc hóa rồng, một hai là họa tức người đạt đạo thì chỉ một, hai người thôi. Tại sao? Như chúng ta đã biết đạo không phải cái gì xa xôi, mà ngay trong sự sống, ngay trong đời thường, các sự việc trước mắt, với người có trí nhìn việc gì ra việc ấy không xen tạp, không dao động, gọi là đạt đạo. Nhưng vì chúng ta quen phân biệt loạn tưởng lăng xăng nên dù nói học đạo, hành đạo mà vẫn không đạt đạo. Tổ nói dù người học đạo hành đạo nhiều bao nhiêu, nhưng chưa có trí tuệ, tâm vẫn còn nhiều vọng tưởng xen tạp thì vẫn không có tác dụng.

Ở đây Ngài ví dụ gậy trúc hóa thành rồng, là một điều rất hiếm. Gậy trúc thì nhiều, nhưng gậy trúc của những bậc tự tại, tâm sáng suốt rồi thì các Ngài sử dụng nó với một uy lực hùng dũng đặc biệt như rồng vậy. Tại sao gậy trúc hóa rồng lại hiếm? Tại vì chúng ta lương vướng nhiều bên ngoài, không nhìn trở lại mình để nhận ra tánh giác chân thật. Như trong kinh Lăng Nghiêm, sau bảy lần Phật hỏi về tâm, Ngài A Nan trả lời đều không đúng. Cho tới cuối cùng Phật dùng phương tiện vận dụng cái thấy, cái nghe, bấy

giờ A Nan và đại chúng mới nhận ra. Sau khi nhận được rồi, các vị phát đại nguyện độ hết chúng sanh mới thành Phật và cầu Phật hộ trì để thực hiện được bản nguyện to lớn đó. Đồng thời thỉnh Phật chỉ dạy phương pháp nào để chúng sanh đừng bị luân hồi sanh tử, trôi giạt trong ba cõi nữa.

Bấy giờ Phật chỉ cội gốc luân hồi sanh tử cũng từ sáu căn mà ra, cội gốc giải thoát Niết-bàn cũng từ sáu căn mà ra. Khi Phật nói lời này các cõi nước trong mười phương chấn động, tất cả chư Như lai đều chứng minh lời đó là sự thật. Trong nhà thiên chư Tổ cũng nói khi sáu căn không dính sáu trần, đó là tự tại giải thoát. Các ngài không nói thiên nói đạo gì hết, chỉ bảo sáu căn tiếp xúc với sáu trần không chạy theo, không vướng mắc, đó là Đạo. Ở đây Phật nói sáu căn là gốc để được giải thoát, sáu căn cũng là gốc để bị luân hồi sanh tử. Khi sáu căn dính sáu trần thì mầm luân hồi sanh tử nẩy sanh, khi sáu căn không dính mắc sáu trần thì gốc giải thoát phát sanh. Ý Sơ Tổ Trúc Lâm dạy cũng na ná như vậy.

Chúng ta cầm gậy trúc thì chỉ là cái que trúc vô dụng, đốt thành tro than chứ không có tác dụng gì hết. Trong khi Thiền sư đã tự tại rồi thì gậy trúc biến thành thân dụng không thể nghĩ lường, lợi ích lớn lao vô cùng. Chúng ta thấy ngay nơi thân này khi còn mê con người bị vướng mắc bởi tình cảm, ái niệm, bởi các duyên bên ngoài. Nhưng khi được chỉ bày đạo lý và nhận ra tâm mình bất động rồi thì thân này là nhân duyên to lớn để ta phát nguyện độ sanh rồi mình mới thành Phật. Rõ ràng cũng từ thân này, tâm này mà khi mê khác, lúc ngộ khác.

Sự học đạo, hành đạo của chúng ta cũng như vậy. Ngay đây bây giờ nếu chúng ta nhận ra tâm tánh của mình, hằng sống được như thế, là người không bị động chuyển bởi những hiện tượng bên ngoài, sống được với tâm bất động. Đó là người tự tại giải thoát. Đây là chỗ trực chỉ nhà thiền muốn chỉ dạy. Còn nếu mình cứ loay hoay vướng mắc thì thôi, cứ làm thiền sinh hoài. Thật ra, tu thiền trực chỉ không phải quá khó khăn, có điều mình nhận được thì nhận, nhận không được thì thôi, chớ không bàn luận lôi thôi gì hết.

Như Tôn giả A Nan là bậc đa văn số một, tất cả lời dạy của đức Thế Tôn, Ngài không bỏ sót một từ nào. Trong kinh nói trí nhớ của Ngài giống như nước từ bình này rót qua bình kia, không rơi giọt nào. Con người thông minh đặc biệt như thế, mà phải đợi sau khi Thế Tôn nhập diệt rồi, Tôn giả Ca Diếp giúp Ngài vượt qua cái đa văn của mình mới giác ngộ viên mãn. Vừa có một niệm không yên thì hình danh sắc tướng trong tâm nhận chìm mình, chứ có ai khác, nhưng với người làm chủ rồi thì hình danh sắc tướng có nghĩa gì đâu.

Người chưa nhận ra, chưa sống được với ông chủ thì còn ham cái này ham cái kia, nếu nhận ra rồi không cần ai bảo bỏ mình cũng tự bỏ tất cả những thứ giả dối ấy. Vậy nên thời gian sống trong thiền viện, học Phật pháp chúng ta cần phải chiêm nghiệm, phải hành trì để thấy rõ cái chân thật của mình. Nó là những cái bình thường thôi, như ăn, mặc, ngủ, nghỉ, không việc gì khác. Tại vì mình không bình thường nên dính mắc thành ra rắc rối, chớ thật sự cái đó rất giản dị.

Chư tăng có điều kiện để phát huy tâm chân thật, không xen tạp, không dao động của mình. Đây là thời điểm tốt nhất để chúng ta thực sự sống, thực sự phát huy trọn vẹn tâm thật đó. Có những huynh đệ đã phát huy được, sống được chút chút với tâm ấy, bây giờ làm sao cương quyết bảo nhậm nó để đi tới thực sự sống trọn vẹn với nó. Nếu chệnh mảng thời gian trôi qua không tìm lại được, khi việc đến đối đầu không được, dù có ân hận cũng chẳng lợi ích gì!

Câu chuyện của Tôn giả A Nan để lại cho chúng ta một bài học lớn lao. Sau khi đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, không bao lâu ngài Ca Diếp triệu tập Đại hội kết tập kinh điển lần thứ I. Các vị trưởng lão được mời đến dự Đại hội đều đã chứng Thánh, trừ ngài A Nan là còn ở trong học vị. Mà lời phó chúc của đức Thế Tôn: A Nan là người phải thọ trì, gìn giữ Tạng Kinh rộng truyền lưu bố cho đời sau, không để đứt mất. Cái đau của ngài chính ở chỗ này, kinh điển thì ghi nhớ không sót một lời mà Thánh vị lại chưa xong.

Bấy giờ ngài Ca Diếp bày ra phương tiện quả trách A Nan giữa đại hội. Cuối cùng ngài Ca Diếp nói Phật pháp trông cậy vào ông! Đức Thế Tôn đã giao phó như vậy. Nhưng Đại hội này toàn những bậc Thánh, ông chưa thành tựu Thánh vị nên phải rời khỏi chỗ này, không được dự. A Nan nhận tất cả khuyết điểm của mình rồi lui ra. Tôn giả cảm thấy đau buốt trong lòng, bị đại sư huynh khiển trách đến mức độ đuổi ra khỏi Đại hội. Khổ sở vô cùng!

Sáng mai Đại hội bắt đầu, ngay trong đêm đó ngài A Nan nỗ lực thiền định, cho tới lúc quá mệt mỏi, định dựa lưng nghỉ thì bưng một cái mồi khói u mê vỡ tung, Ngài chứng Thánh quả. Bấy giờ Ngài liền trở lại Đại hội và nghiêm nhiên trở thành bậc đại thánh trùng tuyên tạng Kinh của đức Thế Tôn. Có thể nói lúc ấy vị vui mừng nhất trong chúng hội chính là Tôn giả Đại Ca Diếp. Chừng ấy A Nan và toàn thể Đại hội mới hiểu ngài Ca Diếp đã dùng phương tiện quả trách nặng nề, để đưa A Nan đi tới chỗ cùng đường tuyệt lộ, và đó chính là nơi A Nan bước lên địa vị cao tột nhất.

Chúng ta học được điều gì ở câu chuyện này? Đó là sự vương kẹt dù là vương kẹt trong giáo pháp. Nhưng còn một chút mắc mứu là còn nằm trong phương tiện đối đãi, chưa thể nhận ra được tánh giác bản hữu bất sanh bất diệt của mình. Hướng gì chúng ta lại kẹt trong các việc ăn mặc ngủ nghỉ, tiếp xúc, làm việc, vui buồn... thì quá tẻ, phải không? Bởi vậy cho nên đừng một cái mình nổi giận dùm dùm hoặc đừng một cái mình cười ngất ngất... Tất cả những hiện tượng đó chứng tỏ chúng ta còn quá nhiều thô động. Bởi thô động như thế nên mình cứ lằng xằng vương mắc hoài.

Ở trong chư Tăng việc gì cũng tập thể. Nấu ăn tập thể, rửa chén tập thể, ngồi thiền tập thể, tụng kinh tập thể, làm việc tập thể, đi chơi cũng tập thể nữa. Các vị ở thất riêng thì mỗi vị mỗi phần, mỗi ăn mặc, mỗi ngủ nghỉ, mỗi tiếp xúc, mỗi sắp đặt công việc của mình. Người trong tập thể thì vương tập thể, người ở riêng thì vương cái riêng. Không ai thoát khỏi chuyện ăn mặc, ngủ nghỉ, tiếp xúc, tất cả việc xung quanh đời sống, loay hoay từ sáng tới trưa, tới chiều, tới tối. Rồi sáng ra

trở lại, cứ tiếp tục ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, cuối cùng ở trong tập thể cũng không thành Phật mà ở thất riêng cũng chẳng thành Tổ nổi. Tại cái bệnh chấp kẹt mà ra.

Chúng ta nghiệm lại xem thì cũng bao nhiêu việc ăn mặc ngủ nghỉ, tiếp xúc, làm việc v.v... chứ đâu có gì lạ, sao chúng ta cứ loay hoay phiền não với nó, không thoát ra được? Huynh đệ mình đâu có ai làm Chủ tịch Tỉnh hay Chủ tịch Huyện đâu mà sao bận rộn đến thế. Mình là tu sĩ, là Thiên sinh ở quê mà! Ấy vậy mà ngay khi cả trong giấc ngủ, vọng tưởng nó cũng không tha, không cho mình bình yên với những cơn mộng mị. Từ mộng tới ảo, từ ảo tới mộng, nên nói cuộc đời là ảo mộng. Tu hành như vậy thì thật là đáng hổ thẹn!

Mỗi buổi chiều chúng ta nghe tiếng trống trời lên báo ngày nay đã qua, vô thường tán công dữ dội như lửa đốt trên đầu, kêu mình phải nỗ lực tinh tu. Mới nghe ta cũng tỉnh táo, nhưng một lát quên hết thành thử khi mê khi tỉnh. Trong kinh Lăng Nghiêm,

Phật ví dụ rất hay, chúng ta tu hành như kẻ sót cách nhật tức là một ngày tu mười ngày không tu. Như vậy biết tới bao giờ mới hết mê hết khổ?

Tổ dạy chỉ khi nào chúng ta phát huy được tánh giác, sống được với nó thì sẽ có thần dụng phi thường ngay trong hiện tại. Chính những thần dụng phi thường đó bảo vệ chúng ta không bị động bởi những lăng xăng bên ngoài. Chúng ta phát huy trọn vẹn được trí tuệ của mình thì giác ngộ giải thoát tức thì, không phải đợi lúc nào cả. Đó là ý nghĩa “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật” trong nhà thiền.



ĐOẠN 21

Bởi lòng vờ vịt,
Trở Bắc làm Nam;
Nhất chỉ đầu thiền,
Sát na hết cả.

Chú thích:

- Vờ vịt: Nghi ngờ.

Giải:

Bởi chúng ta chưa ngộ đạo nên còn mờ mịt hoặc nghi ngờ, không biết gì về chính mình. Như người chỉ Bắc là Nam, đi về phương Bắc mà nói là phương Nam. Do trong đầu họ mờ mịt, lộn xộn, không phân biệt được đâu là Nam đâu là Bắc.

Huynh đệ chúng ta đôi khi cũng rơi vào tình trạng như vậy. Nhiều anh em tu hành cũng lâu, nhưng trong lòng chưa có chỗ quy hướng rõ ràng. Bởi thế nghe ai nói phương pháp nào đặc biệt, liền bỏ việc tu của mình theo người kia. Cuối cùng không pháp nào ra pháp nào, tu chẳng tới đâu, lơ ngơ giữa ngã tư đường, không biết ra sao? Biết rõ những tình trạng này nên Sơ Tổ Trúc Lâm nhắc chúng ta: Người tu mà trong lòng còn vờ vịt, ngờ nghệch, không rõ ràng như thế thì tu sẽ không tới đâu hết. Vì thế chúng ta phải sáng suốt nhận định rõ đường lối tu hành của mình, nếu đã đúng chánh pháp thì giữ vững lập trường, cứ một con đường ấy thẳng tiến, không nghe tới nghe lui gì hết.

Như pháp môn chúng ta đang áp dụng, Hòa thượng dạy *Biết vọng liền buông*. Ta thử đặt thành vấn đề *Cái Biết vọng đó là gì? Làm sao buông được?* Nhiều người không đặt thành vấn đề như vậy, mà chỉ dùng từ *Biết vọng liền buông*. Cho nên biết hoài mà vọng tưởng cũng tràn đầy. *Biết vọng liền buông* ở đây tức là pháp tu sử dụng đến trí tuệ. Phải có trí tuệ mới biết được những dấy niệm,

những pháp hành trước mắt là không thực, là vọng tưởng. Thiếu trí tuệ thì chúng ta bị nó kéo, bị nó nhận chìm. Cho nên người tu phương pháp Biết vọng này phải thể hiện đầy đủ trí tuệ. Người có trí tuệ đầy đủ, hiện tiền thì làm chủ được. Người đó dù ngồi trong rừng vọng tưởng, họ vẫn tự tại vì biết rõ vọng tưởng không thật, còn mình là chủ thấy rõ nó khởi nó diệt đây. Cái thấy, cái biết ấy hằng hữu không khởi không diệt cho nên nó là cái chân thật, là chủ.

Những bậc tu hành có công phu sử dụng trí tuệ của mình một cách thiện xảo nên gọi là trí dụng, tức là cái dụng của trí tuệ. Những hiện tượng, những dấy niệm, những pháp trần nhiều vô kể. Do vậy trí dụng của chúng ta cũng vô lượng. Ta không đặt định nó một chỗ nào, nhưng vừa dấy niệm chúng ta liền có trí dụng. Vừa khởi niệm chúng ta liền dùng trí dụng chiếu soi phá tan. Vì vậy Thiên sư nói không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm. Bởi vì mỗi lần vọng tưởng ta sử dụng trí của mình nhận ra nó thì không sợ vọng tưởng dẫn đi. Chỉ sợ chúng ta không biết vọng tưởng, không giác không tỉnh mới bị nó kéo

đi. Biết rõ vọng tưởng, dù nó nhiều cỡ nào mình cũng không sợ vì nó hư giả không thật, còn trí dụng là cái chiếu soi hiện tiền của ta, không vắng thiếu lúc nào. Người nhận được như vậy rồi, trong công phu tu hành không còn ngại.

Nhiều vị nói: - Sao tu hoài mà vọng tưởng cứ tràn, cứ nhiều lên? Vọng tưởng tuy thế nhưng nó không thật, có làm gì được ta đâu. Chỉ yêu cầu trí của mình phải hoạt dụng hiện tiền thì sẽ làm chủ được vọng tưởng. Hơn nữa, những vị mới tu trí tuệ chưa sáng nên sức chiếu phá vọng tưởng còn kém, vì vậy thấy dường như vọng tưởng lấn lướt mình. Thật ra, trước kia chúng ta cũng có vọng tưởng nhưng mình không biết, không nhận diện ra nó nên cứ nghĩ bây giờ tu rồi vọng tưởng lại nhiều hơn xưa. Không phải vậy. Nhận diện được vọng tưởng là đã có tiến rồi, cứ thế tiếp tục tỉnh sáng chiếu phá, lâu ngày chúng sẽ lui, trí sẽ sáng. Tiến trình tu hành là như vậy.

Chúng ta đang sống đây, bao nhiêu sự việc đang diễn tiến chung quanh, mình không

cần biết, chỉ một cái tỉnh thôi, là ông chủ ở trong nhà. Thành ra sự việc bên đông mình cũng thấy, sự việc bên tây mình cũng thấy, nhưng không kẹt vào sự việc nào, tức là ông chủ đã chiếu phá rồi, nó không làm gì được hết. Bao nhiêu vọng tưởng, bao nhiêu khách vào nhà, ông chủ ngồi thấy rõ, biết hết thì ai làm làm gì được ông. Chỉ có cái không biết mình là chủ, lại đồng hóa với vọng tưởng với khách thì sẽ bị nó dẫn đi. Nguy ở chỗ giác hay bất giác đó thôi.

Trở lại ý của đoạn này, Tổ nói lòng còn mờ mịt, ngờ vực, chưa nhận định đâu là đâu hết, người như vậy dễ bỏ cuộc, dễ nản lòng lắm. Ăn không được nản lòng, ngủ không được nản lòng, làm công việc nhiều nản lòng, tu không yên cũng nản lòng. Tóm lại, người chưa nhận định được công việc chính của mình thì chưa có chỗ thú hưởng. Khi nào nhận ra mục đích rồi mới một bề thẳng tiến, cứ phăng tới không ngờ vực nữa. Như ngài Đại Mai một phen nhận ra “Tức tâm tức Phật” thì không còn thối chuyển nữa, nên Mã Tổ mới khen “Trái mai đã chín”.

Nhận và sống được với cái chân thật của mình rồi thì khó khăn, đói rét... tất cả mọi thứ không còn dính dáng gì tới chúng ta. Huynh đệ hôm nay chưa nhận được hoàn toàn thì năng nổ cho nó hoàn toàn. Nếu đã nhận được hoàn toàn rồi thì ngày qua vô sự tăng, đói ăn mệt ngủ như Sơ Tổ Trúc Lâm đã dạy. Không thích thú sao! Hòa thượng dạy chúng ta phải nhận được việc của mình hay sáng được việc của mình. Việc của mình là việc gì? Như từ ba giờ khuya thức dậy rửa mặt, mặc áo đi tọa thiền đúng pháp. Năm giờ có lệnh báo xả thiền, sau đó hồi hương về liêu, thể dục rồi ăn sáng. Bảy giờ công tác hoặc quét sân, tưới kiếng, hái rau, nấu cơm... Trưa, mười giờ nghỉ công tác, chuẩn bị thụ trai, sau đó chỉ tịnh một tiếng. Chiều, hai giờ học Phật pháp, sau đó làm một ít công việc lật vật rồi 5 giờ giải lao. Tối, sáu giờ tụng kinh, bảy giờ tọa thiền tới chín giờ. Mười giờ chỉ tịnh.

Trong suốt một ngày với bao nhiêu đó việc, chúng ta kiểm lại xem việc nào là việc của mình, việc nào không phải việc của mình? Từ sáng tới tối mình làm chủ hay bị vọng tưởng dẫn, mình sống cho mình hay cho ai?

Chúng ta thử kiểm lại xem. Kiểm để làm gì? Để biết mình sống gần với ông chủ, với tánh giác chưa hay mình còn lang mang, đưng đầu dính dấy? Nhận định chín chắn việc làm hằng ngày của mình như thế nào, thì biết trong mọi giờ giấc, mọi công phu đó chúng ta có sức tự chủ chưa? Nếu mê thì việc nào cũng là ma sự, kể cả tụng kinh ngồi thiền. Nếu tỉnh thì việc nào cũng là Phật sự, là việc bổn phận của mình. Biết như vậy rồi thì tham sân phiền não ta bỏ đi. Ai dạy gì cứ nuôi giặc trong nhà hoài.

Người tu hành đúng pháp nhìn được lẽ thực của muôn sự muôn vật, không lầm lẫn hư thật. Trong khi dụng công phu, ta phân biệt rõ bạn thù phân minh, không thể nói chung chung được. Cho nên người tu không nhìn thì thôi, mà nhìn thì đâu đó rõ ràng, nam là nam nữ là nữ, Tăng Ni đạo tục đâu đó rõ ràng. Không thể lơ mờ nhìn người nam ra người nữ, nhìn người nữ ra người nam, rồi ứng xử ra sao cũng được hết. Nếu sống như vậy thì hỗn độn mờ mịt, các pháp rối loạn, đảo điên. Hoặc người nhiều dã dượi, ươn yếu, dụ dự không dứt khoát, tiến thoái lưỡng nan,

như thế rất khó tiến đạo. Cho nên chư huynh đệ cố gắng phấn đấu, sáng suốt, tinh táo, phấn chấn quyết liệt lên!

Trong các pháp tu, có khi đức Phật dạy tu Chỉ có khi dạy tu Quán. Người nào loạn động nhiều thì dùng pháp Chỉ, tức là dùng không chạy theo vọng tưởng lăng xăng nữa. Nhưng nếu Chỉ thấy hơi là ngã đã dưng buồn ngủ thì chuyển qua pháp Quán, tức chiếu soi quán sát để tâm tỉnh táo tăng tiến lên. Như vậy mới vượt qua những chướng ngại trong khi tu.

Trở lại “cái biết”, như đã nói chúng ta đi một vòng từ ba giờ khuya cho tới mười giờ tối. Mỗi một ngày qua chúng ta phải kiểm nghiệm lại xem, mình tiếp xúc với các duyên như thế nào? Bị động nhiều hay ít? Kiểm tra và đánh giá công phu là một phương pháp tu rất hữu hiệu. Từng giai đoạn, từng sự việc, chúng ta không thả trôi mà luôn kiểm lại xem hôm nay mình tiến hay lùi? Có thể mới quyết định bước đi kế tiếp như thế nào. Nếu chúng ta không mạnh mẽ như thế thì dễ rơi vào tình thế là ngã, vô ký. Nhà thiền tối kỵ

hành giả ở trạng thái vô ký. Rất nguy! Vô ký tức là không ghi, trí không ghi nhận rõ việc gì ra việc gì, không ngủ cũng không tỉnh, mơ mơ màng màng. Trạng thái này nếu không thoát ra lâu ngày thành quen sẽ rất khó trị, nó thuộc về si, mà si là cội gốc của vô minh. Phải mãnh tỉnh mới có thể trị được bệnh vô ký.

Khi chúng ta Biết vọng, không có việc khác, cũng không phải ngồi đó ôm cái biết. Nó rất bình thường, an nhiên, tự tại nhưng vừa có một niệm dấy lên liền biết nó là vọng tưởng. Bởi biết nó là vọng tưởng nên nó không làm gì được mình. Cái biết này luôn hiện tiền, các Thiền sư hay dùng từ liễu liễu thường tri hoặc tánh giác thường biết. Đó là trí dụng, khi niệm dấy nó liền biết, niệm lặng xuống thì thôi, ta không cần vận dụng gì nữa. Cứ bình thường như thế. Chỗ này hơi khó, dễ chìm lặng lắm. Nhưng vượt qua được thì chúng ta biết thế nào là trí dụng, ứng dụng nhẹ nhàng sáng suốt. Bảy giờ tư cách, phong thái của mình đặc biệt lắm! Chỗ công phu này người nào đã có sống trải, thì tự nhiên hiện ra phong cách dứt khoát, sáng suốt, an

nhiên, bình thường, không sợ hãi dẫn đo gì hết.

Có một cái sợ, nó làm cho chúng ta kinh khủng lắm. Đó là sợ chết. Từ sợ chết nhiều thứ sợ khác hòa theo, sợ đói, sợ khổ... đủ thứ. Một khi cái sợ nổi dậy xâm chiếm trong ta rồi thì mọi bất an tấn công tới, khổ sở vô cùng. Vì vậy người ta dễ khùng, dễ điên, dễ hốt hoảng, dễ chết trước khi chết, nghĩa là còn sống mà như đã chết, mất hết sự tự chủ, mất hết sáng suốt. Con người như vậy thì dù xác thân còn đây nhưng phần chủ không có thì cũng vô dụng thôi. Sở dĩ chúng ta làm được chút chút việc ích lợi cho mình, cho số đông là do có tánh giác, có ông chủ thể hiện ra bên ngoài. Tuy chưa tròn đầy nhưng cũng không bị khuất lấp hoàn toàn. Những con người ích kỷ hẹp hòi khi đã bị vô minh chi phối, trong lòng đầy những toan tính và vì thế họ luôn sống trong lo âu sợ hãi, cuộc sống đâu còn giá trị gì. Giống như bầy chó ngoan mà khi người ta thấy ra cục xương thì nó không còn ra cái thể thống gì nữa hết, cắn nhau tới đổ máu.

Nhà thiền ví bậc trượng phu như sư tử. Sư tử khác chó ở chỗ người thấy ra cái gì thì nó đớp người thấy, chó không đớp vật bị thấy. Người tu, đặc biệt là tu thiền thì phải có đôi mắt sáng, có thái độ dứt khoát. Điều đó rất cần thiết, không thể thiếu được. Cho nên ở đây Tổ sư nói chỉ cần một ngón tay thiền thì trong khoảng sát na tất cả nghiệp đều hết sạch. Muốn có được ngón tay thiền trước phải có đôi mắt thiền, tức đôi mắt trí tuệ chân thật.

Ngài Câu Chi khi có thiền khách hỏi “Thế nào là Phật?” Ngài đưa một ngón tay lên. Hỏi “Thế nào là đạo ?” Ngài cũng đưa một ngón tay lên. Chỉ cần nhận ra thiền một ngón tay thì mọi nghi ngờ đều tan hết, mọi phiền não đều bị đâm thủng. Dễ dàng đơn giản như vậy, nhưng vì chúng ta quanh co quá thành ra khó khăn. Sơ Tổ Trúc Lâm đã dẫn câu chuyện thiền của ngài Câu Chi để nhắc chúng ta về tánh thấy hiện hữu của mình.

Hòa thượng dạy Tăng Ni phương pháp “biết vọng liền buông.” Đây là giai đoạn đầu, sau khi đã làm chủ được thì không cần phải

nói như thế. Người biết tất cả mọi hiện tượng đều hư vọng, đó là người có trí tuệ. Như ngài Câu Chi đưa một ngón tay lên để làm gì? Phải là người có trí tuệ mới nhận ra. Kinh Viên Giác nói người có mắt sáng nhìn ngón tay thấy được mặt trăng. Ngón tay không phải là mặt trăng nhưng nhờ có ngón tay thấy được mặt trăng, đó phải là người mắt sáng, người có trí tuệ. Các Thiền sư nói người sống được với tánh giác là sống được với trí tuệ, với ông chủ của chính mình.

Người thiếu trí tuệ nghe ai nói nói theo, thấy ai làm làm theo, hoàn toàn không dính dáng tới việc nhà mình, cũng không chút sáng suốt, tự chủ. Một hôm, có vị nọ yêu cầu tôi ngồi nghiêm chỉnh để họ nói một việc rất quan trọng. Người ấy nhắc đi nhắc lại điều này nhiều lần khi thấy tôi vẫn thản nhiên. Lần cuối vị ấy yêu cầu tôi quyết liệt hơn, tôi bảo: - “Nếu như chúng ngộ được mà nói thì cho tôi đánh lễ, còn nghe người khác nói rồi nói lại thì cửa địa ngục đang mở ra, liệu mà nói.” Tôi dứt khoát như thế. Vị ấy liền rút lui.

Sở dĩ lâu nay chúng ta trôi dạt trong luân hồi sinh tử, gỡ không ra bứt không đứt là do lầm mê, không có trí tuệ. Bây giờ nhờ Phật chỉ dạy, chúng ta biết vọng tưởng hư huyền thì bỏ đi, theo nó làm gì. Với pháp tu Biết Vọng của Hòa thượng, tôi thấy càng áp dụng thì trí dụng của tôi càng phát huy mạnh mẽ. Do vậy nên tôi tin chắc chắn pháp tu này chân chánh. Chỉ có tu chúng ta mới nhận định rõ đâu là đúng, đâu là sai, chớ không hòa theo ai cả. Người nghe nhiều mà không tu dễ đi tới bệnh phê bình pháp này hay pháp kia dở, đây là chánh đạo, kia là tà đạo, ngoại đạo, cuối cùng quả báo họ phải chuốt là rơi vào các đường khổ. Cho nên huynh đệ phải vững vàng trên đường lối chủ trương tu hành mà mình đã chọn.

Tu hành là việc của mình chớ không phải việc của ai, nên chúng ta phải có thái độ dứt khoát. Nếu mình bận bịu, mắc mứu vào vọng tưởng thì làm sao thích ứng với công việc trước mắt hàng ngày, làm sao để việc làm của mình là việc của mình, không phải việc của kẻ khác. Quét sân, nấu cơm, cuốc đất, tưới kiếng... đều là việc trên bốn phận. Yêu

cầu quan trọng là chúng ta phải chuyên tâm tinh giác trong mỗi việc làm, mỗi hành động. Được thế thì không việc nào có lỗi. Ngược lại, nếu không tinh sáng chúng ta càng làm việc sẽ càng tạo nghiệp và chuốt lấy phiền não. Khi chưa biết tu thì việc làm chuyển mình, khi biết tu rồi thì mình chuyển việc làm, đâu có gì trở ngại. Thiên sư nói: - “Các ông bị mười hai giờ sai khiến, ta sai khiến được mười hai giờ” là ý này vậy.

Tôi xin lặp lại, thường xuyên kiểm tra và đánh giá việc tu tập hằng ngày là làm cho cuộc sống sinh hoạt của mình đúng với tinh thần thiền. Đi đứng nói nín, tất cả công việc đều thiền hết. Ngày xưa Phật tử Từ Âm có sáng tác bài “Thiền đoàn lao động hành khúc”, nói lên tinh thần thiền biểu hiện qua mọi sinh hoạt của chư tăng. Chúng ta nói điều này ít ai tin lắm, chỉ người trong cuộc có thể nghiệm thực sự mới cảm thông được. Người xưa cũng ăn, cũng mặc, cũng ngủ nghỉ, làm tất cả các Phật sự nhưng các ngài ngộ đạo nên giải quyết việc gì cũng dễ dàng. Chúng ta bây giờ chưa chắc công việc đã nhiều hơn các Ngài. Chẳng hạn làm sao ta bì

kip với công việc của các vua Trần, vậy mà các ngài vẹn việc đời tròn việc đạo. Nhất là công việc quyết định vận mệnh của một quốc gia, chớ không phải việc tầm thường như bữa củi, gánh nước đâu. Thế mới kỳ đặc!

Chúng ta bạ bên này vương bên kia rồi đổ thừa tại duyên thế này thế nọ làm tôi tu không được. Nếu nhận định soát xét cho thật kỹ, xem việc làm và tâm niệm hàng ngày của mình, sẽ biết rõ phiền não từ đâu phát sinh, thì ta không thể đổ thừa cho ai được nữa. Từ đó ta có phương hướng phấn đấu. Đó là những việc làm căn bản từ khi huynh đệ bắt đầu tập sự tu thiền cho tới khi nào xong việc, không có phương thức khác hơn. Nắm được tình hình của mình thật vững thì chúng ta sẽ không bị lay chuyển. Các huynh đệ nhớ làm tướng ra trận mà lung lay một chút là chết hết thiên hạ. Cũng vậy, việc tu hành mà sai một ly là đi ngàn dặm.

Đó là kinh nghiệm nhỏ nhoi trong đời sống tu hành, tôi xin được chia sẻ cùng chư huynh đệ. Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng lên, dũng mãnh lên!



ĐOẠN KẾT

Kệ rằng :

Cảnh tịch an cư tự tại tâm,
Lương phong xuy đệ nhập tùng âm.
Thiền sàng thụ hạ nhất kinh quyển,
Lưỡng tự thanh nhàn thắng vạn câm.

Dịch :

*Sống yên giữa cảnh lặng lòng không,
Gió mát hiu hiu lọt bóng thông.
Dưới gốc, giường thiền, kinh một quyển,
Thanh nhàn hai chữ, đáng muôn đồng.*

(Huệ Chi)

Ý của đoạn kết này là: Người tu ở yên trong cảnh lặng lẽ, tâm rất tự tại. Gió mát thổi qua bóng tùng, kinh tại giường thiền. Hai chữ thanh nhàn còn hơn muôn lượng vàng ròng. Bây giờ chúng ta không đủ duyên sống trong cảnh như vậy, mình còn phải lao động, tu học, làm sao có được cảnh thanh nhàn đáng giá muôn lượng vàng ròng. Khó lắm! Nếu y cứ trên cảnh bên ngoài thì cả thế gian này không có mấy ai tu được hết. Bởi đa số sống trong cảnh phố thị rộn ràng, rất ít người ẩn thân nơi non cao núi thẳm. Chẳng lẽ không ở núi ta không tu được sao? Cho nên phải biết quan trọng là sự an nhàn trong tâm. Nếu sống được cảnh như Tổ nói thì quá quý, bằng không sống được chúng ta tu trong hoàn cảnh của mỗi người.

Hòa thượng Viện trưởng thường dạy, làm việc gì cũng buông không vướng mắc, từ đó có an nhàn. Thật ra thời đại này, người tu rất khó tìm cảnh an nhàn của các vị hữu duyên ẩn trên non cao hoặc tự tại thung dung giữa núi rừng. Thành thử nói thanh nhàn là tự chúng ta sắp xếp thế nào để tâm được an nhàn. Muốn tâm an nhàn thì phải buông bỏ

những thứ không cần thiết. Như tôi thường ví dụ, trời trưa nắng gắt, gánh nặng đường xa, mà người quảy gánh còn chất thêm vàng bạc vô gánh nữa thì làm sao gánh nổi. Phải bỏ ra hết mới nhẹ gánh, người đi núi vượt qua được đoạn đường dốc chừng nào thì gánh phải nhẹ chừng ấy, mới có thể lên đến đỉnh núi.

Cũng thế, chúng ta đang tu tập mà cứ chất chứa phiền não đầy bụng thì biết bao giờ mới giải thoát? Dù ở núi mà cội gốc ba độc không trừ thì trước sau gì cũng khăn gói xuống núi, không thể an nhàn được. Cho nên an nhàn ở đây là buông được, trí dụng phải hiện tiền, thường sống với tánh giác mới thật sự an nhàn. Chúng ta kiểm lại các vua đời Trần như vua Trần Thái Tông đã mấy phen muốn bỏ ngôi đi tu, đến vua Trần Thánh Tông tuy ngôi trên ngôi nhưng cũng tu, đến vua Trần Nhân Tông thì bỏ ngôi đi tu và đắc đạo. Như thế rõ ràng tinh thần Phật giáo đời Trần nói lên tính chất cao siêu của đạo Phật vượt trên tất cả những gì trần tục. Không như những kẻ buồn chán việc đời, hoặc do hoàn cảnh trắc trở vô chùa tu. Như thế thì không có gì để nói. Các vua thời Trần không ham

thích để vị phú quý sang cả, quyền uy tột đỉnh mà mền chuộng mùi thiền, các Ngài vừa chăm lo việc nước vừa để tâm tu thiền, nên vị nào cũng là vua sáng vua hiền.

Cho tới vua Trần Nhân Tông là Sơ Tổ Trúc Lâm, Ngài truyền ngôi cho con rồi vào núi tu khổ hạnh và thành đạo, gây dựng cho Phật giáo Việt Nam dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, một thiền phái vừa mang tính giác ngộ vừa mang bản sắc thuần túy dân tộc. Tinh thần Phật giáo đời Trần có những điểm đặc biệt như vậy. Không phải như những người chán nản, thua cuộc rồi tìm nơi ẩn náo cho ngày qua tháng lụn. Phật giáo đời Trần, Phật giáo Việt Nam mang tính tích cực, chúng ta tu hành vì mình và vì tất cả chúng sinh, muốn mọi người đều có thể thành tựu sự giác ngộ viên mãn để hết khổ được vui.

Vì thế, là tăng sĩ Việt Nam đặc biệt là thiền tăng, chúng ta cố gắng làm sống dậy tinh thần của Phật giáo đời Trần, để mọi người thấy được cái siêu thoát phi thường của Phật giáo, chớ không phải tầm thường như người ta vẫn tưởng. Đó là trách nhiệm nặng

nề đòi hỏi mỗi người tu sĩ chúng ta phải thực tu thực nghiệm mới có thể đảm đương nổi. Chúng ta không thể nào cô phụ công đức của Phật Tổ đã chỉ dạy, mở lối cho chúng ta vượt thoát nẻo luân hồi sanh tử. Do đó mỗi người con Phật phải làm sao tự thắp lên ngọn đuốc trí tuệ của mình, đồng thời đem ánh sáng này moi khắp cho tất cả cùng được giác ngộ giải thoát an vui.

Điều này Phật pháp và muôn sinh đang trông chờ ở sự nỗ lực của tất cả chúng ta.

